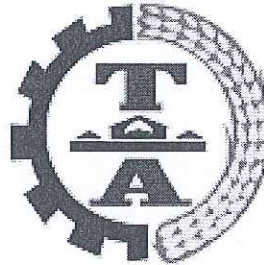


**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ**  
**CAO TRUNG AN**

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 1800241736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 16/08/1996, cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 23 tháng 11 năm 2017)*

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

**TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

*(Quyết định đăng ký niêm yết số: ...../QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm 201 )*

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:**

**Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An** Điện thoại:(84-292) 3857 336  
649A, Quốc lộ 91, KV Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ Fax: (84-292) 3857 199

**Công ty cổ phần Chứng khoán CV** Điện thoại:(84-24) 3377 0099  
Tầng 11, Trung tâm thương mại Daeha, 360 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội Fax: (84-24) 3200 0247

**PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Họ tên: **Phạm Lê Khánh Hân** Điện thoại:(84-292) 3857 336  
Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Fax: (84-292) 3857 199  
649A, Quốc lộ 91, KV Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ



## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 1800241736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 16/08/1996, cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 23 tháng 11 năm 2017)

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

|                                      |   |
|--------------------------------------|---|
| Tên cổ phiếu:                        | Cổ phiếu Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An |
| Loại cổ phiếu:                       | Cổ phiếu phổ thông  |
| Mệnh giá:                            | 10.000 đồng/ cổ phiếu                                       |
| Tổng khối lượng niêm yết:            | 35.000.000 cổ phiếu   |
| Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá: | 350.000.000.000 đồng  |

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

Công ty cổ phần Chứng khoán CV Điện thoại: (84-24) 3377 0099  
Trụ sở chính: Tầng 11, Trung tâm thương mại Daeha, 360 Fax: (84-24) 3200 0247  
Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội

#### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Điện thoại: (84-28) 3910 3908  
Kiểm toán Nam Việt Fax: (84-28) 3910 4880  
Địa chỉ: 29 Hoàng Sa, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh



## MỤC LỤC

|   |           |
|---|-----------|
| <b>PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG TỚI GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN....</b>  | <b>1</b>  |
| 1. Rủi ro về kinh tế.....   | 1         |
| 2. Rủi ro về luật pháp.....   | 3         |
| 3. Rủi ro đặc thù.....  | 5         |
| 4. Rủi ro tăng vốn nhanh.....   | 8         |
| 5. Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán.....  | 8         |
| 6. Rủi ro khác.....   | 8         |
| <b>PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG<br/>BẢN CÁO BẠCH.....</b>   | <b>9</b>  |
| 1. Tổ chức niêm yết.....  | 9         |
| 2. Tổ chức tư vấn.....  | 9         |
| <b>PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM.....</b>   | <b>10</b> |
| <b>PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....</b>   | <b>12</b> |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....  | 12        |
| 2. Cơ cấu tổ chức công ty.....  | 19        |
| 3. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 05/11/2018:.....  | 24        |
| 4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết..... | 25        |
| 5. Hoạt động kinh doanh.....  | 26        |
| 6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....   | 58        |
| 7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....  | 62        |
| 8. Chính sách đối với người lao động.....   | 65        |
| 9. Chính sách cổ tức.....   | 68        |
| 10. Tình hình tài chính.....  | 68        |
| 11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....   | 78        |
| 12. Tài sản.....  | 89        |
| 13. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....  | 94        |
| 14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:.....  | 94        |
| 15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....  | 94        |



---

|   |           |
|---|-----------|
| <b>PHẦN V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....</b>   | <b>95</b> |
| 1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông .....   | 95        |
| 2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.....  | 95        |
| 3. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết: 35.000.000 cổ phiếu.....  | 95        |
| 4. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành..... | 95        |
| 5. Giá trị sổ sách.....   | 96        |
| 6. Phương pháp tính giá .....   | 96        |
| 7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài .....   | 97        |
| 8. Các loại thuế có liên quan .....   | 98        |
| <b>PHẦN VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT .....</b>   | <b>98</b> |
| <b>1. TỔ CHỨC TƯ VẤN .....</b>  | <b>98</b> |
| <b>2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN .....</b>   | <b>98</b> |
| <b>PHẦN VII. PHỤ LỤC.....</b>   | <b>98</b> |



## PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG TỚI GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN

Công ty xin lưu ý các nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty qua đó gián tiếp ảnh hưởng tới giá cổ phiếu của Công ty niêm yết khi các nhà đầu tư xem xét việc đầu tư vào Công ty.

### 1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của một nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng GDP, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố trên có ảnh hưởng không nhỏ và tác động mang tính hệ thống đến toàn bộ nền kinh tế. Do đó, sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Trung An nói riêng.

#### 1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục thống kê và báo cáo của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2017 đạt mức 6,81% và cao hơn 0,6% so với năm 2016 nhờ sự cải thiện mạnh về tổng cung của nền kinh tế, trong đó khu vực dịch vụ đóng góp tỷ trọng lớn với kết quả tăng trưởng ấn tượng của hoạt động bán lẻ và ngành dịch vụ. Kế đến là ngành nông, lâm, thủy sản và khu vực công nghiệp – xây dựng. Bên cạnh đó, tổng cầu của nền kinh tế cũng được cải thiện đáng kể nhờ tiêu dùng, đầu tư và xuất khẩu tăng mạnh. Thặng dư thương mại năm 2017 đạt khoảng 2,5 tỷ USD, tuy nhiên cơ cấu xuất khẩu theo khu vực kinh tế tiếp tục phản ánh thực trạng thặng dư thương mại của Việt Nam phụ thuộc lớn vào khối doanh nghiệp FDI khi khu vực này tiếp tục có mức thặng dư thương mại cao.

Theo dự báo của Quỹ tiền tệ thế giới (IMF), kinh tế thế giới năm 2018 sẽ tăng trưởng cao hơn năm 2017 do khối các nước phát triển duy trì tăng trưởng ổn định, khối các nền kinh tế mới nổi tiếp tục có mức tăng trưởng cao hơn năm 2017. Trong bối cảnh này, với nền tảng kinh tế vĩ mô tương đối ổn định và những cải thiện mạnh mẽ về cơ chế chính sách liên quan đến cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh sẽ góp phần giúp Việt Nam tăng cường thu hút FDI, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh những chuyển biến tích cực, nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi ổn định kinh tế chưa thực sự bền vững, phục hồi không đồng đều và tăng trưởng chủ yếu vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài FDI. Chính vì thế chính phủ cần ưu tiên tiếp tục chuyển đổi cơ cấu, cụ thể, tiếp tục cải cách nhằm nâng cao



ổn định cho hệ thống ngân hàng và xây dựng các thị trường vốn sâu hơn, cải thiện hiệu suất của khu vực DNNN và tạo thuận lợi cho một khu vực tư nhân năng động hơn và năng suất hơn.

Nền kinh tế ổn định và tăng trưởng sẽ thúc đẩy và làm gia tăng nhu cầu xã hội. Trong một nền kinh tế phát triển thì nhu cầu về các sản phẩm hàng hóa, nhất là các sản phẩm cao cấp, ngày càng tăng. Ngược lại, khi kinh tế suy thoái, nhu cầu tiêu dùng cũng giảm hẳn. Tuy sản phẩm gạo sạch của Trung An là một trong những mặt hàng đáp ứng nhu cầu thiếu yếu của con người là ăn uống, tiêu dùng nhưng vẫn ít nhiều phụ thuộc vào sự tăng trưởng của nền kinh tế Thế giới cũng như Việt Nam.

## ***1.2. Rủi ro về lãi suất***

Để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn. Vì vậy, sự biến động lãi suất ít nhiều cũng có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nếu lãi suất thị trường tăng sẽ làm tăng chi phí nợ, qua đó sẽ ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty.

Năm 2017, trong bối cảnh lạm phát có xu hướng tăng thấp, thanh khoản toàn bộ hệ thống ngân hàng khá tốt và việc Thủ tướng yêu cầu NHNN phân đấu đưa tăng trưởng tín dụng trong cả năm 2017 đạt trên 18%, NHNN đã ban hành 2 quyết định quan trọng về điều chỉnh giảm lãi suất điều hành và trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên. Cụ thể NHNN giảm lãi suất tái cấp vốn từ 6,5% xuống 6,25%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 4,5% xuống 4,25%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng từ 7,5% xuống 7,25%/năm. Đây là đợt điều chỉnh đầu tiên của NHNN sau hơn bốn năm giữ nguyên lãi suất điều hành từ năm 2014.

Tính đến thời điểm 30/09/2018, theo báo cáo nội bộ của công ty, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là hơn 598,864 tỷ đồng, vay và nợ thuê tài chính dài hạn là hơn 46,893 tỷ đồng, chi phí lãi vay 9 tháng đầu năm 2018 là hơn 30,048 tỷ đồng. Trong thời gian qua lãi suất cho vay của các ngân hàng có xu hướng giảm, đây là tín hiệu tích cực của nền kinh tế. Trong ngắn hạn, yếu tố lãi suất chưa thực sự ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất của Công ty do ban lãnh đạo Công ty luôn có được sự chủ động và những điều chỉnh kịp thời trong công tác điều hành. Tuy nhiên, trong dài hạn, tình hình lãi suất trên thị trường biến động ngày càng phức tạp là một yếu tố rủi ro sẽ tác động không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm



thieu rủi ro về lãi suất của Công ty, Ban lãnh đạo Công ty đã linh hoạt sử dụng nguồn ngoại tệ thu được từ xuất khẩu, chuyển dịch cơ cấu nợ vay từ vay bằng tiền VNĐ sang vay bằng USD với lãi suất thấp hơn (6,7% đối với vay bằng tiền VNĐ và 3,8% đối với vay ngắn hạn bằng USD). Hiệu quả đạt được là tổng chi phí lãi vay của Công ty là 20,204 tỷ đồng tương ứng với doanh thu 1.134 tỷ đồng của 6 tháng đầu năm 2018 so với 20,037 tỷ đồng tương ứng doanh thu 530 tỷ đồng của 6 tháng đầu năm 2017.

### **1.3. Tỷ giá hối đoái**

Hoạt động kinh doanh của Công ty thanh toán chủ yếu bằng ngoại tệ do cả đầu vào và đầu ra đều liên quan nhiều đến xuất nhập khẩu. Do đó, việc biến động tỷ giá chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty.

Năm 2017, tỷ giá USD/VND khá ổn định. Tính đến tháng 12/2017, tỷ giá trung tâm ước tăng khoảng 1,5-1,7% so với đầu năm. Trong khi đó tỷ giá ngân hàng thương mại giảm khoảng 0,2%, tỷ giá thị trường tự do giảm khoảng 1,5% so với đầu năm. Trong năm 2018, dù đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, song dự báo thị trường ngoại hối của Việt Nam có thể vẫn tiếp tục ổn định nhờ chính sách ưu tiên đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, thúc đẩy thu hút dòng vốn FDI... Xuất khẩu là hoạt động mang lại nguồn thu lớn cho Công ty hàng năm, nên sự thay đổi nào về tỷ giá sẽ gây ra những biến động lớn trong sản xuất kinh doanh cho Công ty.

### **1.4. Lạm phát**

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Đối với các doanh nghiệp, lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp và làm gia tăng các chi phí đầu vào, bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí khác. Nếu tốc độ lạm phát cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế, chắc chắn sẽ khiến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty tăng cao do tăng giá nguyên vật liệu, giá nhân công, ... Để đối phó với vấn đề này, Công ty luôn tăng cường hoạt động kiểm soát, quản lý biến động giá cả nguyên vật liệu để kịp thời đưa ra các biện pháp xử lý linh hoạt nhằm tối thiểu hóa chi phí.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Cơ chế xuất khẩu hiện nay đã được nói lỏng rất nhiều so với trước đây. Mặc dù các văn bản chính thức đều không nhắc đến cơ chế hạn ngạch, nhưng tổng lượng gạo xuất khẩu phải dựa trên định hướng số lượng xuất khẩu do Chính phủ quy định dựa



trên cân đối cung cầu thường kỳ. Ngoài ra, việc quy định tổ chức thực hiện hợp đồng xuất khẩu tập trung (chỉ định giao dịch dự thầu hoặc ký kết hợp đồng, phân giao chỉ tiêu 20% xuất khẩu trực tiếp, 80% xuất khẩu ủy thác qua các thành viên khác) và việc quy định đăng ký số lượng xuất khẩu cho các hợp đồng thương mại trên cơ sở chỉ tiêu xuất khẩu gạo định hướng cũng thể hiện bản chất của cơ chế điều hành xuất khẩu gạo hiện nay là theo hạn ngạch. Khi nước xuất khẩu muốn hạn chế việc tăng giá gạo nội địa do tác động của sự gia tăng giá gạo quốc tế thì có thể áp dụng cơ chế thuế xuất khẩu hoặc hạn ngạch. Cơ chế thuế xuất khẩu sẽ chuyển giao thu nhập từ thuế xuất khẩu về cho Nhà nước, trong khi cơ chế hạn ngạch sẽ chuyển giao lợi ích đó về cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Ngoài ra, cơ chế phân bổ chỉ tiêu lại có thể dẫn đến vấn đề xin – cho, mua bán chỉ tiêu cũng như sự chọn lựa thiếu công bằng giữa các nhà xuất khẩu. Khi có chênh lệch lớn giữa giá quốc tế và nội địa, nhà xuất khẩu sẽ là người hưởng lợi chính chứ không phải là Nhà nước (thông qua thu nhập từ thuế xuất khẩu) và nông dân (nhờ giá tăng). Rõ ràng là cơ chế phân giao chỉ tiêu xuất khẩu hiện nay không tạo ra cơ hội cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp xuất khẩu và cũng không tạo ra lợi ích tối đa cho Nhà nước và người sản xuất.

Hiện nay, trong chiến lược phát triển của Việt Nam, ngành Nông nghiệp đang được ưu tiên để phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì vậy, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp luật tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân tiếp cận với nguồn vốn vay, tập trung chuyên môn hóa, hiện đại hóa. Tạo điều kiện liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong đó doanh nghiệp sẽ bao tiêu đầu ra cho nông dân, và nông dân phải sản xuất đúng quy trình sản xuất của doanh nghiệp đảm bảo chất lượng xuất khẩu. Ngoài ra, Chính phủ còn khuyến khích dồn điền đổi thửa sản xuất tập trung nhằm hình thành các cánh đồng mẫu lớn. Năm bắt xu thế và ưu đãi, Công ty đang đi đầu trong hoạt động này, Công ty đã và đang trực tiếp đầu tư cánh đồng mẫu lớn với diện tích khoảng 800 heta và liên kết sản xuất với các hộ nông dân tại Cờ đỏ, Kiên Giang, Đồng Tháp.

Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới (WTO) là cơ hội để hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới đang mở ra trước mắt. Các công ty Việt Nam đang đứng trước các cơ hội làm ăn mới thông thoáng hơn nhưng cũng bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về tính biến động pháp lý mang lại.

Công ty hoạt động theo *Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Chứng Khoán, ...* các luật liên quan đến đất đai, hoạt động đầu tư bất động sản sắp được sửa đổi bổ sung





và ban hành mới sẽ tạo ra những biến động nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các chính sách để duy trì chính sách ổn định quy mô canh tác lúa và định hướng xuất khẩu riêng cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long chưa được xem xét lại tính hợp lý về sử dụng nguồn lực. Hơn nữa, chưa có chính sách cụ thể về dự trữ lương thực quốc gia gắn kết với ngành hàng lúa gạo ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. Chính sách điều hành xuất khẩu gạo hiện nay có lợi cho doanh nghiệp, bất lợi cho nông dân.

### 3. Rủi ro đặc thù

#### *Rủi ro về sản xuất*

Về sản xuất, do có quá nhiều giống lúa với chất lượng hạt khác biệt nhau, dẫn đến không đồng nhất về chất lượng, và hệ quả là không thể xác định nguồn gốc và xây dựng thương hiệu. Chi phí vật tư có nguồn gốc đầu mỏ mà chủ yếu là nhiên liệu, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tăng cao do lệ thuộc nhập khẩu và chi phí phân phối, tiếp thị cao. Chi phí lao động, nhất là công đoạn thu hoạch cao, vì thiếu hụt lao động nông nghiệp và mức độ cơ giới hóa trong công đoạn thu hoạch còn quá thấp. Các vấn đề này tác động làm cho chất lượng gạo xuất khẩu thấp, giá thành sản xuất cao và tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch quá cao (ước tính từ 10-12% tổng sản lượng). Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng mô hình cánh đồng mẫu lớn, hiện đại hóa từ các khâu sản xuất bắt đầu từ khâu gieo trồng bằng máy móc, chăm sóc bán tự động, lắp đặt trạm bơm điều tiết nước, máy gặt tự động hóa,... Hiệu quả đạt được, Công ty cho phép mức thất thoát từ khâu sản xuất đến khâu nhập kho sản phẩm lúa tươi là 1% trên tổng sản lượng thu hoạch.

#### *Rủi ro về cạnh tranh*

TRUNG AN và các doanh nghiệp lương thực gạo Việt Nam chịu sự cạnh tranh rất gay gắt từ các đối thủ Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Lào, Campuchia... Áp lực cạnh tranh từ các đối thủ này luôn đòi hỏi Công ty phải đảm bảo chất lượng, giá cạnh tranh, đảm bảo tiến độ hợp đồng, ...

Khi Việt Nam gia nhập WTO thì ngày càng có các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam họ có cơ sở vật chất hiện đại, nguồn nhân lực được đào tạo chuyên sâu, có kỹ năng tay nghề nên đã khiến cho các doanh nghiệp xây dựng của chúng ta phải cạnh tranh gay gắt.



Khi các sản phẩm gạo nhập khẩu vào Việt Nam, ngoài việc trình độ của họ cao và chất lượng sản phẩm của chúng ta thì không thể không nhắc tới việc marketing và quảng cáo của họ thực sự đã tạo nên các thành công lớn của họ. Nhưng tại Việt Nam các doanh nghiệp của chúng ta hầu hết hoạt động dựa trên các mối quan hệ mà chưa phát hiện ra một biện pháp khá hiệu quả đó là Marketing. Để tiếp tục hội nhập sâu và rộng hơn vào nền kinh tế thế giới, từng doanh nghiệp phải nắm bắt và nhận thức rõ những ảnh hưởng, cơ hội và thách thức do sự biến động của nền kinh tế thế giới mang lại, để từ đó xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của đơn vị mình cho phù hợp tình hình mới.

### ***Rủi ro về thị trường***

Là một doanh nghiệp xuất khẩu nên mọi biến động của thị trường thế giới có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy Việt Nam chính thức gia nhập WTO năm 2006, song việc thực hiện lộ trình gia nhập còn cần có thời gian. Do đó, bên cạnh những thuận lợi Công ty vẫn còn chịu một số rủi ro từ việc áp thuế chống bán phá giá, cơ chế giám sát, các rào cản kỹ thuật... từ các thị trường này. Dưới sự hỗ trợ của Bộ Công thương, Công ty đã chủ động xây dựng những phương án tích cực để phòng ngừa, đối phó như: Ký các đơn hàng giá cao, tham khảo mức giá FOB mà các đơn vị khác trong ngành đã thực hiện hoặc tham khảo tốc độ hàng xuất cùng chủng loại vào các thị trường nhạy cảm.

Các chuyên gia ngành gạo cho rằng, không nên phụ thuộc vào một thị trường để tránh rủi ro khi thị trường này biến động. Hiện nay, mặt hàng nông sản của Việt Nam nói chung và mặt hàng gạo nói riêng đã được xuất khẩu đi khắp các thị trường trên thế giới. Tuy nhiên, ngoài những thị trường “khó tính” như Mỹ, châu Âu, Nhật Bản thì thị trường Trung Quốc được đánh giá là thị trường tiềm năng của Việt Nam. Mức tiêu thụ nông sản từ Việt Nam của thị trường Trung Quốc hiện đang dẫn đầu danh sách xuất khẩu. Nhưng việc chỉ nhắm vào thị trường này lại được nhiều chuyên gia kinh tế đánh giá là rủi ro cao. Chính vì vậy, đối với thị trường tiềm năng như thị trường Trung Quốc, các doanh nghiệp phải khéo léo trong việc đàm phán hợp đồng thương mại. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng phải linh động tìm kiếm thị trường khác ngoài Trung Quốc như Bangladesh, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, ... song song với xây dựng thương hiệu gạo cho mình.

### ***Rủi ro về nguồn cung cấp nguyên vật liệu***



Vì nguồn nguyên vật liệu chính của công ty thường phải sản xuất và thu mua từ các thương lái, nên sự biến động về số lượng và giá cả của nguồn cung có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Trong thời gian qua, Công ty đã thực hiện các biện pháp để hạn chế các rủi ro này. Từ tình hình sản xuất, chế biến và xuất khẩu lúa gạo như trên, có thể thấy ngành hàng lúa gạo Việt Nam hiện nay tồn tại một số khiếm khuyết, gây ra tổn thất không nhỏ đối với lợi ích chính đáng của nông dân và quốc gia. Về sản xuất, do có quá nhiều giống lúa với chất lượng hạt khác biệt nhau, dẫn đến không đồng nhất về chất lượng, và hệ quả là không thể xác định nguồn gốc và xây dựng thương hiệu. Chi phí vật tư có nguồn gốc đầu mỏ mà chủ yếu là nhiên liệu, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tăng cao do lệ thuộc nhập khẩu và chi phí phân phối, tiếp thị cao. Chi phí lao động, nhất là công đoạn thu hoạch cao, vì thiếu hụt lao động nông nghiệp và mức độ cơ giới hóa trong công đoạn thu hoạch còn quá thấp. Các vấn đề này tác động làm cho chất lượng gạo xuất khẩu thấp, giá thành sản xuất cao và tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch khá cao ước tính từ 10-12% tổng sản lượng. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng mô hình cánh đồng mẫu lớn, hiện đại hóa từ các khâu sản xuất bắt đầu từ khâu gieo trồng bằng máy móc, chăm sóc bán tự động, lắp đặt trạm bơm điều tiết nước, máy gặt tự động hóa,...

#### ***Rủi ro về nguồn nhân lực***

Do khoảng cách địa lý, vùng nguyên liệu thường ở vùng xa, Tình trạng khan hiếm lao động có trình độ chuyên môn cao (kỹ sư) đang là nỗi lo cho các doanh nghiệp trong ngành nông nghiệp. Hầu hết ở Công ty nông nghiệp những lao động của công ty là những lao động phổ thông chưa có trình độ chuyên môn nên chất lượng sản phẩm đầu ra bị ảnh hưởng đáng kể và rất lớn cũng như năng suất lao động chưa cao.

Để đảm bảo quá trình sản xuất diễn ra liên tục, không bị gián đoạn do việc thiếu nhân công, ban lãnh đạo Công ty đã áp dụng cơ chế lương hợp lý cùng với những đãi ngộ, chăm lo cho đời sống công nhân viên, tạo cho người lao động một môi trường làm việc chuyên nghiệp với mức thu nhập khá. Do đó, Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An luôn có một đội ngũ lao động dồi dào, chuyên môn cao và sẵn sàng gắn bó lâu dài với lợi ích của Công ty.

#### ***Rủi ro về nguồn nguyên vật liệu đầu vào***

Các nguyên liệu chủ yếu là những sản phẩm sản xuất chịu ảnh hưởng rất lớn về vấn đề thiên nhiên. Chỉ một biến động nhỏ diễn ra từ thời tiết, nguồn nước ít nhiều cũng ảnh hưởng tới chất lượng và giá cả nguyên vật liệu trên thị trường Việt Nam.



#### 4. Rủi ro tăng vốn nhanh

Trong 2 năm 2017-2018, Công ty thực hiện tăng vốn từ 200 tỷ đồng lên 350 tỷ đồng, việc phát hành cổ phiếu, huy động thêm vốn, mở rộng quy mô không phải lúc nào cũng đồng nghĩa với việc tự động mang lại những khoản lợi nhuận lớn, mới như kỳ vọng của cả doanh nghiệp, lẫn nhà đầu tư chứng khoán trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu ngày càng gay gắt hơn.

#### 5. Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa trên quan hệ cung cầu trên thị trường và chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố: tình hình hoạt động của Công ty, tình hình kinh tế – chính trị – xã hội, yếu tố tâm lý của người đầu tư.... Do đó, giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán có khả năng biến động.

Ngoài ra, việc thay đổi những quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán cũng có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Công ty.

#### 6. Rủi ro khác

Một số rủi ro khác ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, động đất, nhiễm mặn. Đặc biệt là sự ảnh hưởng của hệ thống kênh ngòi khu vực hạ lưu sông Mê Kông.

Hiện nay, các doanh nghiệp xuất khẩu gạo không bị ràng buộc về điều kiện năng lực vốn, bảo đảm vùng nguyên liệu, quy mô kho bãi tồn trữ, quy mô trang thiết bị xay xát chế biến. Vì vậy, có quá nhiều doanh nghiệp thương mại tham gia xuất khẩu gạo như là các nhà trung gian. Sự lệ thuộc của các doanh nghiệp xuất khẩu vào hệ thống cung ứng gạo đã tạo ra một cơ chế thu mua, chế biến thông qua nhiều tầng trung gian nên lợi nhuận của nông dân bị giảm. Về mặt kỹ thuật, quy trình chế biến gạo xuất khẩu dựa trên dự trữ gạo nguyên liệu, sau đó phối trộn, lau bóng, sấy và phân cấp theo hợp đồng xuất khẩu của hệ thống thu mua - chế biến - thương mại hiện nay có bản chất là quy trình ngược, thay vì dự trữ lúa nguyên liệu và xay xát đến gạo thành phẩm. Quy trình ngược này dẫn đến chất lượng gạo thấp, tỷ lệ hao hụt và hư hỏng cao, tăng chi phí trong công đoạn chế biến.



## PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết

**Bà Bà Lê Thị Tuyết** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Ông Phạm Thái Bình** Chức vụ: Tổng giám đốc

**Bà Phạm Trần Thuỳ An** Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

**Bà: Phạm Lê Khánh Huyền** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn

**Ông: Nguyễn Kim Hậu** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV** tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung với **Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An**.

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn các số liệu, ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do **Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An** cung cấp.



### PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM

➤ *Các khái niệm*

1/ “**Công ty**”: Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 1800241736, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ. Đăng ký lần thứ đầu, ngày 16 tháng 08 năm 1996.

2/ “**Bản cáo bạch**”: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

3/ “**Cổ phần**”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

4/ “**Cổ phiếu**”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty.

5/ “**Cổ đông**”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

6/ “**Cổ tức**”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

7/ “**Đại hội đồng cổ đông**”: Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An.

8/ “**Hội đồng quản trị**”: Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An.

9/ “**Ban kiểm soát**”: Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An.

10/ “**Ban Giám đốc**”: Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An.

11/ “**Vốn điều lệ**”: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.

12/ “**Tổ chức phát hành**”: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An.

13/ “**Tổ chức kiểm toán**”: Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.

14/ “**Tổ chức tư vấn**”: Công ty cổ phần chứng khoán CV.



➤ Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch:

|                    |  |
|--------------------|--|
| <b>DT</b>          | Doanh thu  |
| <b>ĐHĐCĐ</b>       | Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An  |
| <b>HĐQT</b>        | Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An     |
| <b>BKS</b>         | Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An         |
| <b>GD</b>          | Giám đốc của Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An              |
| <b>BGD</b>         | Ban Giám đốc của Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An          |
| <b>CBCNV</b>       | Cán bộ công nhân viên của Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An |
| <b>TNDN</b>        | Thuế thu nhập doanh nghiệp   |
| <b>TSCĐ</b>        | Tài sản cố định  |
| <b>VCSH</b>        | Vốn chủ sở hữu   |
| <b>UBCKNN</b>      | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  |
| <b>Giấy CNĐKKD</b> | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh   |
| <b>HNX</b>         | Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội  |
| <b>BCTC</b>        | Báo cáo tài chính  |
| <b>CTCP</b>        | Công ty cổ phần  |

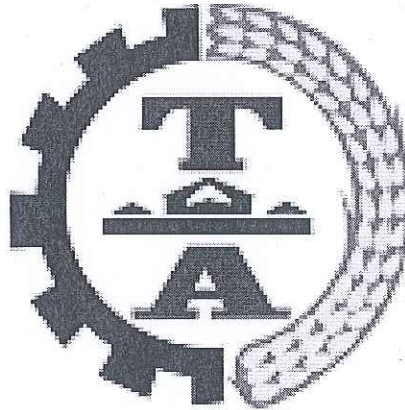


## PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Giới thiệu về công ty

- Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN**
- Tên tiếng Anh : **TRUNG AN HI-TECH FARMING JOIN STOCK COMPANY.**
- Tên viết tắt : **TRUNG AN HI-TECH FARMING JSC**
- Trụ sở chính : **649A, Quốc lộ 91, KV Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.**
- Điện thoại : **0292 3857336**
- Fax : **0292 3857199**
- Website : **[www.trunganrice.com](http://www.trunganrice.com)**
- Email :
- Logo của Công ty:



- Vốn điều lệ đăng ký: **350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng)**
- Vốn điều lệ thực góp: **350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng)**
- Ngày trở thành công ty đại chúng: **15/11/2018**
- Người đại diện pháp luật: **Phạm Thái Bình** Chức vụ: **Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**
- Giấy chứng nhận ĐKKD số **1800241736** do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần thứ đầu, ngày **16 tháng 08 năm 1996**, đăng ký thay đổi lần thứ **19** ngày **23 tháng 11 năm 2017**.





➤ **Ngành nghề kinh doanh:**

Công ty hoạt động dựa trên giấy chứng nhận ĐKKD số 1800241736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu, ngày 16 tháng 08 năm 1996, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 23 tháng 11 năm 2017, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: gia công chế biến, kinh doanh và xuất khẩu gạo.

**1.2. Quá trình hình thành và phát triển**

✓ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao TRUNG AN, tiền thân là Công ty TNHH Trung An, được thành lập ngày 16/08/1996 tại Ấp Thạch Phước 1 – Xã Trung An – Thốt Nốt – Cần Thơ với số vốn ban đầu là 600.000.000 đồng. Thời gian đầu, công ty chủ yếu thu gom gạo sau đó phân phối cho các đối tác nội địa. Khách hàng lớn thời điểm này của Trung An là các Tổng công ty lương thực.

✓ Năm 2004, Trung An được cấp giấy phép xuất khẩu gạo và bắt đầu xuất gạo sang các đối tác nước ngoài. Đến thời điểm hiện tại, công ty đã trải qua 14 năm hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu gạo.

✓ Năm 2005 đánh dấu giai đoạn doanh nghiệp tư nhân được xuất khẩu gạo trực tiếp, Trung An mở rộng thị trường và nhanh chóng trở thành đơn vị xuất khẩu gạo lớn của Đồng Bằng Sông Cửu Long. Từ năm 2005 đến năm 2015, Công ty TNHH Trung An đã đóng góp vào kim ngạch xuất khẩu của Thành phố Cần Thơ trên 300 triệu USD. Cùng với thành quả đó, Hiệp hội lương thực Việt Nam đã trao tặng Giấy chứng nhận hội viên Hiệp hội lương thực Việt Nam.

✓ Năm 2009, UBND tỉnh Hậu Giang đã trao tặng Cúp vàng doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu uy tín cho Công ty TNHH Trung An.

✓ Năm 2010 mô hình cánh đồng mẫu lớn của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn mới được phát động, Công ty TNHH Trung An là đơn vị đi đầu thực hiện cánh đồng mẫu lớn và đầu tư vào phát triển nông nghiệp nông thôn theo sự kêu gọi của Đảng, Nhà nước, Chính Phủ và Bộ ngành. Công ty Cổ phần nông nghiệp Công nghệ cao Trung An hiện là đơn vị triển khai thực hiện cánh đồng mẫu lớn đứng hàng đầu cả nước, cả về quy mô diện tích cũng như chất lượng, xây dựng thương hiệu gạo Việt Nam trên thị trường quốc tế, đơn vị có diện tích trồng lúa sạch và lúa hữu cơ lớn nhất cả nước thời điểm hiện tại. Với những thành công trong năm, Chủ tịch UBND Thành phố Cần thơ đã trao tặng Doanh nghiệp đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động xuất khẩu. Và Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam đã trao tặng Chứng nhận công ty đạt Danh hiệu Việt Nam Vàng.

✓ Năm 2011, Trung An tiếp tục vượt qua khó khăn của khủng hoảng kinh tế, giữ vững tiến độ và năng suất lao động, không ngừng học hỏi và lắp đặt các trang thiết bị tiên tiến. UBND tỉnh Sóc Trăng đã trao tặng Cúp vàng doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu uy tín.



✓ Năm 2012, Công ty được phòng TM & CN Việt Nam trao tặng Doanh nhân tiêu biểu khu vực ĐBSCL

✓ Năm 2014, Công ty được Phòng TM & CN Việt Nam trao tặng bằng khen Doanh nghiệp có sản phẩm tiêu biểu khu vực ĐBSCL

✓ Năm 2015 Trung An đã và đang khẳng định được vị thế, tạo dựng được thương hiệu gạo Trung An, chiếm được lòng tin đối với khách hàng trong nước cũng như khách hàng xuất khẩu. Năm 2015 đánh dấu bước phát triển thương hiệu cũng như uy tín trên thị trường nội địa, Trung An đã ký hợp đồng hợp tác chiến lược về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với Công ty cổ phần Siêu thị Vinmart và Công ty TNHH Sản xuất phát triển nông nghiệp Vineco. Bên cạnh đó Công ty đã bán hàng cho hàng loạt đối tác lớn như: Xuất nhập khẩu Vimex, Công ty TNHH Angimex Kitoku, Công ty CP TM DV Gạo Thịnh, Công ty CP Nông sản Vinacam, Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam, Công ty CP DV TM Tổng hợp Vincomerce. Sản phẩm Công ty đáp ứng các tiêu chuẩn Global Gap, ECO SERC, ISO 22000, HACCP. Ngoài ra còn xuất đi các nước, các khách hàng nổi tiếng và có thương hiệu như SENKANG IMPORT & EXPORT PTE.LTD, KONG HWA CHAN TRADING PTE LTD, ALWAYS FRESH TRADING CO PTY LTD, GL INTERNATIONAL CORP, JT INTERNATIONAL CO., LTD, EVERGREEN RICE PTE LTD.....

- Với những nỗ lực không ngừng, Doanh nghiệp đã được bằng khen do Thủ tướng Chính phủ trao tặng khi Công ty có những đóng góp tích cực trong xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến năm 2015. Và Doanh nghiệp vì nhà nông năm 2015 do Bộ NN & PTNT.

- Trung An không ngừng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại và mở rộng vùng nguyên liệu nhằm sản xuất ra những sản phẩm tốt nhất đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của phía khách hàng nước ngoài cũng như khách hàng trong nước. Với sự thuận lợi của giao thông sông nước và địa hình bằng phẳng, các nhà máy của Trung An đều nằm ở vị trí thuận lợi cho việc vận chuyển gạo, đồng thời, đảm bảo việc xuất hàng nhanh chóng, thuận tiện.

- Cũng trong năm 2015, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH sang công ty cổ phần theo giấy ĐKKD số 1800241736 do Sở Kế hoạch – đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 16 tháng 08 năm 1996, thay đổi lần thứ 17 ngày 12 tháng 12 năm 2015 với vốn điều lệ là 200 tỷ đồng.

✓ Năm 2017, công ty tăng vốn từ 200.000.000.000 đồng lên 270.563.001.129 đồng bằng hình thức góp vốn bằng tài sản là quyền sử dụng đất sản xuất và bằng tiền cho cổ đông hiện hữu.



✓ Năm 2018, công ty thực hiện tăng vốn từ 270.563.001.129 đồng lên 350.000.000.000 đồng bằng hình thức góp vốn bằng tiền cho cổ đông hiện hữu.

✓ Hiện nay, công ty hoạt động theo giấy ĐKKD số 1800241736 do sở KH-ĐT thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 16 tháng 08 năm 1996, thay đổi lần thứ 19 ngày 23 tháng 11 năm 2017 với vốn điều lệ là 350 tỷ đồng.

Sau hơn 20 năm phát triển, Công ty có vùng nguyên liệu rộng lớn và 06 nhà máy:

- Nhà máy 01: Diện tích 896 m<sup>2</sup>, tại thị trấn Cờ Đỏ, Huyện Cờ Đỏ, Thành phố Cần Thơ.

- Nhà máy 02: Diện tích 4.919,5 m<sup>2</sup>, tại Ấp Thạnh Phước 1, Xã Thanh Hòa, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.

- Nhà máy 03: Diện tích 3.040 m<sup>2</sup>, tại Ấp Thạnh Phước 1, Xã Thanh Hòa, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.

- Nhà máy 04: Diện tích 1.032 m<sup>2</sup>, tại KV Tràng Thọ 2, Phường Trung Nhứt, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.

- Nhà máy 05: Diện tích 53.562,8 m<sup>2</sup>, tại 649A, Quốc lộ 91, KV Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.

- Nhà máy 06 đang trong quá trình xây dựng: Diện tích 59.310 m<sup>2</sup>, tại Ấp Thạnh Lộc, Xã Thanh Phú, Huyện Cờ Đỏ, Thành phố Cần Thơ.

### 1.3. Quá trình tăng vốn

Từ khi chuyển đổi từ loại hình từ TNHH sang Công ty Cổ phần năm 2015 với số vốn điều lệ ban đầu 200 tỷ đồng, Trung An đã thực hiện 02 đợt tăng vốn lên 350 tỷ đồng. Cụ thể:

- **Đợt 1: Tăng vốn từ 200.000.000.000 đồng lên 270.563.001.129 đồng:**

#### ✓ Chi tiết đợt tăng vốn

- Vốn thực góp trước phát hành : 200.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp sau phát hành : 270.563.001.129 đồng
- Hình thức phát hành : Phát hành riêng lẻ
- Cơ quan chấp thuận : Sở kế hoạch đầu tư Tp Cần Thơ
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : Không có
- Đối tượng phát hành : Phát hành cho 02 cổ đông hiện hữu



- Phương thức góp vốn : Bằng tiền và bằng tài sản
- Mục đích sử dụng vốn phát hành : Bổ sung vốn lưu động và nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty
  - Nghị quyết số 01-2017/TAG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/03/2017
  - Nghị quyết số 01-2017/TAG/NQ-HĐQT về việc triển khai phát hành cổ phiếu theo nghị quyết số 01-2017/TAG/NQ-ĐHĐCĐ
  - Chứng thư thẩm định giá số 03091/2017/VIVC-CT ngày 09/03/2017.
  - Nghị quyết số 05-2017/TAG/NQ-HĐQT ngày 15/09/2017 thông qua việc góp vốn bằng tài sản của các cổ đông.
  - Giấy chứng nhận ĐKKD số 1800241736 đăng ký lần đầu ngày 16/08/1996, thay đổi lần thứ 18 ngày 23/03/2017.
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn :
  - Nghị quyết số 05-2017/TAG/NQ-HĐQT ngày 15/09/2017 thông qua việc góp vốn bằng tài sản của các cổ đông.
  - Giấy chứng nhận ĐKKD số 1800241736 đăng ký lần đầu ngày 16/08/1996, thay đổi lần thứ 18 ngày 23/03/2017.
- Tổng số cổ phần đăng ký phát hành : 42.600.000 cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 đồng/ 1 cổ phần
- Số lượng người tham gia đợt phát hành : 02 cổ đông
- Ngày phát hành : 06/03/2017
- Ngày hoàn thành đợt phát hành : 01/09/2017

Trong đó:

| Đối tượng được mua cổ phần   | Nội dung chi tiết  |
|--|--------------------|
| <b>Phát hành riêng lẻ cho cổ đông Phạm Thái Bình và cổ đông Lê Thị Tuyết</b> |                    |
| - Số lượng đăng ký phát hành:  | 42.600.000 cổ phần |
| - Số lượng cổ đông tham gia :  | 02                 |



| Đối tượng được mua cổ phần | Nội dung chi tiết   |
|----------------------------|---------------------|
| - Cổ phần đăng ký mua:     |                     |
| + Cổ đông Phạm Thái Bình:  | 20.170.000 cổ phần  |
| + Cổ đông Lê Thị Tuyết:    | 22.430.000 cổ phần  |
| - Giá phát hành            | 10.000 đồng/cổ phần |
| - Số cổ phần đã góp đủ:    |                     |
| + Cổ đông Phạm Thái Bình   | 3.456.300 cổ phần   |
| + Cổ đông Lê Thị Tuyết     | 3.600.000 cổ phần   |
| - Ngày phát hành           | 06/03/2017          |
| - Ngày hoàn thành          | 01/09/2017          |

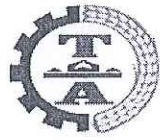
**Chi tiết góp vốn của các cổ đông:**

| STT | Cổ đông góp vốn  | Góp vốn bằng QSDĐ     | Góp vốn bằng tiền    | Tổng vốn góp (VNĐ)    |
|-----|------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| 1   | Phạm Thái Bình   | 33.214.039.322        | 1.348.961.807        | 34.563.001.129        |
| 2   | Lê Thị Tuyết     | 33.298.158.884        | 2.701.841.116        | 36.000.000.000        |
|     | <b>Tổng cộng</b> | <b>66.512.198.206</b> | <b>4.050.802.923</b> | <b>70.563.001.129</b> |

✓ **Nguyên nhân việc không thực hiện góp vốn đủ số cổ phần đăng ký mua:**

Do các cổ đông đăng ký góp vốn bằng tài sản là quyền sử dụng đất, tuy nhiên việc thay đổi pháp lý quyền sở hữu tài sản (quyền sử dụng đất) gặp khó khăn. Tổng cộng giá trị quyền sử dụng đất đã được góp vốn, chuyển quyền sở hữu cho Công ty là 66.512.198.206 đồng.

Bên cạnh đó, công ty thực hiện việc thay đổi đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ lên 626 tỷ đồng (ĐKKD thay đổi lần thứ 18 ngày 23/03/2017) trong khi chưa góp đủ vốn đăng ký nên Công ty đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định số 18/QĐ-XPVPHC ngày 20/11/2017 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Cần Thơ với số tiền 10.000.000 đồng. Công ty đã khắc phục hậu quả và thực hiện nộp phạt xong theo quyết định 18/QĐ-XPVPHC.



- **Đợt 2: Tăng vốn đợt 2 từ 270.563.001.129 đồng lên 350.000.000.000 đồng**

✓ **Chi tiết đợt tăng vốn:**

- Vốn điều lệ trước phát hành : 270.563.001.129 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành : 350.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành : Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Cơ quan chấp thuận phát hành : Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Cần Thơ
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : Không có
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu
- Phương thức góp vốn : Bằng tiền
- Mục đích sử dụng vốn phát hành : Trả nợ gốc vay
  - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02-2017/TAG/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 25/10/2018.
  - Nghị quyết HĐQT số 06-2017/TAG/NQ-HĐQT ngày 26/10/2017
  - Giấy chứng nhận ĐKKD số 1800241736 đăng ký lần đầu ngày 16/08/1996, thay đổi lần thứ 19 ngày 23/11/2017
- Số lượng cổ đông tham gia góp vốn : 02
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần đã phát hành : 7.943.700 cổ phần
- Ngày phát hành : 25/10/2017
- Ngày hoàn thành đợt phát hành : 15/03/2018
- Số lượng cổ đông trước phát hành : 15 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 15 cổ đông



Trong đó:

| Đối tượng được mua cổ phần                         | Nội dung chi tiết   |
|--|---------------------|
| <b>Phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu</b> |                     |
| - Số lượng phát hành                               | 7.943.700 cổ phần   |
| - Tỷ lệ phân bổ quyền                              | 3,4 : 1             |
| - Số lượng cổ đông tham gia góp vốn                | 02                  |
| - Giá phát hành                                    | 10.000 đồng/cổ phần |
| - Ngày phát hành                                   | 26/10/2017          |
| - Ngày hoàn thành                                  | 15/03/2018          |

✓ **Chi tiết góp vốn:**

| STT | Cổ đông góp vốn  | Góp vốn bằng tiền     | Tổng vốn góp (VNĐ)    |
|-----|------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1   | Phạm Thái Bình   | 39.436.998.871        | 39.436.998.871        |
| 2   | Lê Thị Tuyết     | 40.000.000.000        | 40.000.000.000        |
|     | <b>Tổng cộng</b> | <b>79.436.998.871</b> | <b>79.436.998.871</b> |

Trong đợt tăng vốn này, Công ty thực hiện việc thay đổi đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ lên 350 tỷ đồng (ĐKKD thay đổi lần thứ 19 ngày 23/11/2017 do sở KH-ĐT thành phố Cần Thơ cấp) trong khi chưa góp đủ vốn đăng ký nên Công ty đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định số 09/QĐ-XPVPHC ngày 01/11/2018 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Cần Thơ với số tiền 10.000.000 đồng. Công ty đã khắc phục hậu quả và thực hiện nộp phạt xong theo quyết định 09/QĐ-XPVPHC.

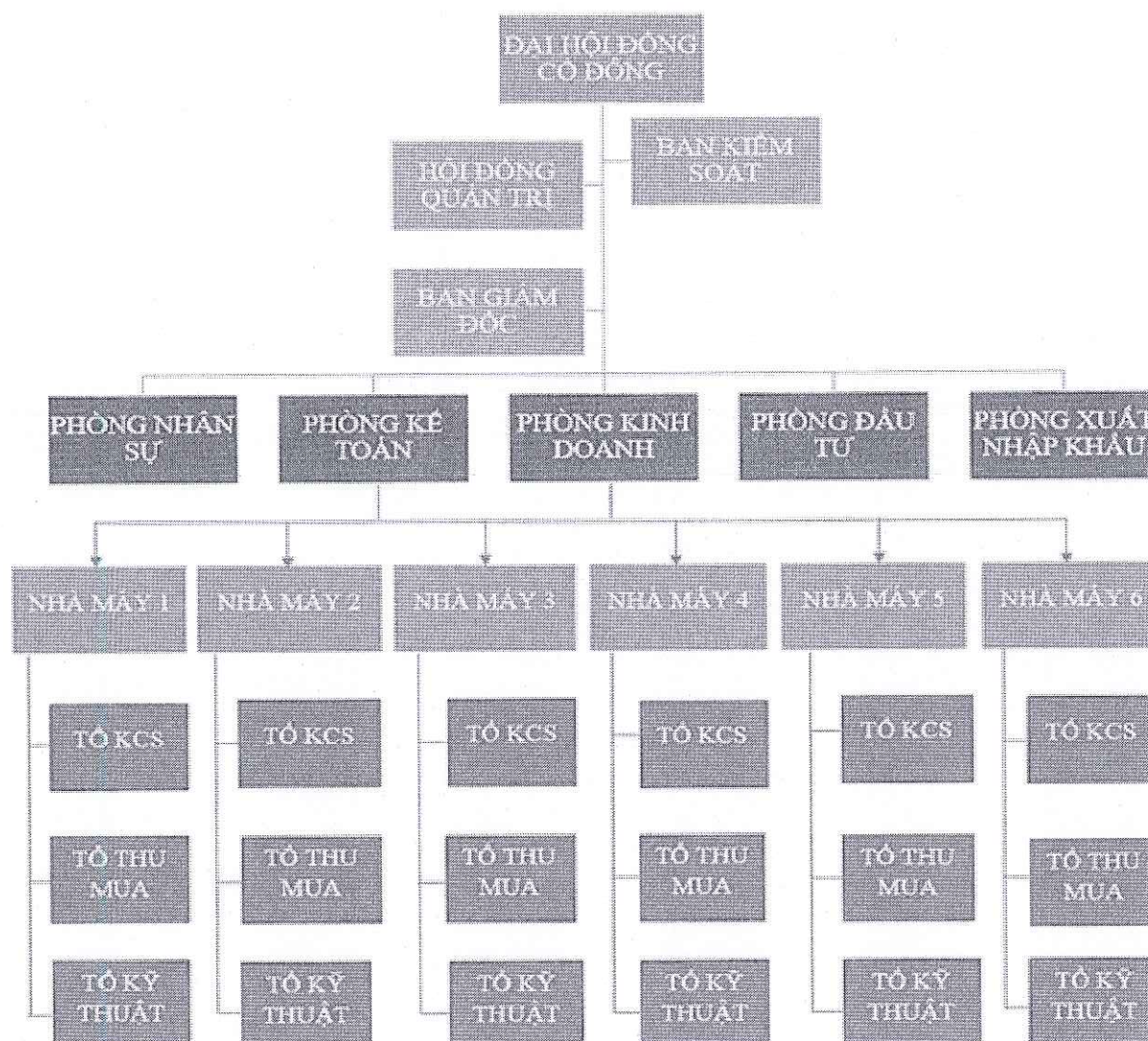
**Lưu ý:** Về vi phạm đối với việc thay đổi đăng ký kinh doanh của Công ty dẫn đến Công ty bị phạt vi phạm hành chính trong 02 đợt tăng vốn, Công ty sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

## 2. Cơ cấu tổ chức công ty

Trong quá trình hoạt động và phát triển, bộ máy của Công ty đã được xây dựng, điều chỉnh và kiện toàn để phù hợp với chiến lược phát triển, yêu cầu thực tế và đặc điểm hoạt động của Công ty.



## 2.1. Sơ đồ bộ máy công ty.

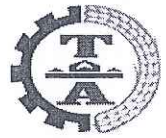


## 2.2. Diễn giải sơ đồ.

**Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức ít nhất một năm một lần. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Các cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát





**Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An bao gồm 06 thành viên:

- |                        |   |
|------------------------|---|
| Bà Lê Thị Tuyết        | – Chủ tịch HĐQT.                          |
| Ông Phạm Thái Bình     | – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.     |
| Bà Phạm Lê Khánh Huyền | – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng.    |
| Bà Phạm Lê Khánh Hân   | – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc. |
| Bà Lưu Lệ Trân         | – Thành viên HĐQT độc lập.                |
| Bà Nguyễn Lê Bảo Trang | – Thành viên HĐQT độc lập.                |

**Ban kiểm soát:** Là cơ quan độc lập trực thuộc Đại hội đồng cổ đông do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng giám đốc, trong ghi chép sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại, ban kiểm soát của Công ty bao gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn. Ban kiểm soát Công ty bao gồm:

- |                      |                         |
|----------------------|-------------------------|
| Bà Phạm Trần Thùy An | - Trưởng ban kiểm soát. |
| Ông Phạm Tam Tiến    | - Thành viên.           |
| Bà Võ Thị Ngọc Mai   | - Thành viên.           |

**Ban Tổng Giám đốc:** Ban Tổng Giám đốc của Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Phó Tổng giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc



đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty.

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An bao gồm:

Ông Phạm Thái Bình – Tổng Giám đốc.

Bà Phạm Lê Khánh Hân – Phó Tổng Giám đốc.

### **Các khối chức năng Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban tại Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An**

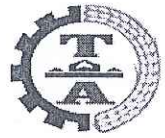
Các phòng ban chức năng có chức năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được giao và chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về phần việc được phân công.

#### **Phòng hành chính – nhân sự**

- Thực hiện công tác tuyển dụng nhân sự đảm bảo chất lượng yêu cầu của Công ty.
- Tổ chức và phối hợp với các đơn vị khác thực hiện quản lý nhân sự, đào tạo vào tái đào tạo.
- Xây dựng quy chế lương thưởng, các biện pháp khuyến khích người lao động làm việc, thực hiện các chế độ với người lao động.
- Chấp hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định, chỉ thị của Ban tổng giám đốc.
- Phục vụ các công tác hành chính để Ban TGD thuận tiện trong chỉ đạo, điều hành phục vụ hành chính để các bộ phận khác có điều kiện hoạt động.
- Quản lý công tác lễ tân, tiếp khách, văn thư, lưu trữ, con dấu.

#### **Phòng tài chính – kế toán**

- Đảm bảo việc hạch toán sổ sách theo các chuẩn mực kế toán hiện hành, phối hợp thực hiện quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán của Công ty với khách hàng.
- Tổ chức xây dựng kế hoạch tài chính dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và tổ chức theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kế hoạch tài chính đã xây dựng.



- Tính toán, hạch toán, định khoản và phản ánh một cách kịp thời, trung thực và đầy đủ các yếu tố cấu thành nên giá thành sản phẩm, bán thành phẩm, doanh thu, đầu vào và xác định kết quả kinh doanh.
- Lập và gửi đúng hạn báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thống kê định kỳ theo quy định hiện hành và của Công ty. Phối hợp với các đơn vị dịch vụ để quản lý chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu của Công ty.

#### **Phòng nghiên cứu – đầu tư**

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về công tác kế hoạch và chiến lược phát triển của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch đầu tư dài hạn, trung hạn, dài hạn. Giám sát các hoạt động SXKD và tiến độ thực hiện kế hoạch.
- Triển khai phương án đầu tư đã được phê duyệt.
- Nghiên cứu, đánh giá, tìm kiếm các cơ hội đầu tư, đề xuất đầu tư mới, thoái vốn tại các Công ty khác.
- Quản trị danh mục đầu tư, thực hiện báo cáo phân tích đầu tư, báo cáo phân tích dự án, báo cáo quản trị Công ty con/liên doanh liên kết.
- Theo dõi, kiểm tra thực hiện quy chế đầu tư và quản lý phần vốn của các Công ty tại các công ty thành viên.

#### **Phòng kinh doanh và phát triển thị trường**

- Nghiên cứu và hoạch định các chiến lược phát triển hoạt động kinh doanh nội địa.
- Đánh giá tình hình và kế hoạch kinh doanh, tham mưu xây dựng các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn, đề ra phương án mở rộng thị trường, chủ động phát triển khách hàng nội địa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty.

#### **Phòng Xuất nhập khẩu:**

- Thực hiện các hoạt động giao dịch, đàm phán...
- Hoàn tất các thủ tục và chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa như: Hợp đồng mua bán, bộ chứng từ vận chuyển, bộ chứng từ xuất nhập khẩu, các thủ tục thanh toán, các thủ tục giao nhận hàng hóa
- Kết hợp cùng với kế toán làm các bảo lãnh ngân hàng.
- Tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu, hồ sơ hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu với số lượng thực tế tại cửa khẩu trong quá trình làm hồ sơ thông quan hàng hóa.



- Quản lý, theo dõi các đơn hàng, hợp đồng. Phối hợp với các bộ phận có liên quan để đảm bảo đúng tiến độ giao hàng cũng như nhận hàng.
- Thực hiện việc tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường xuất khẩu theo chiến lược công ty đã đề ra.
- Thường xuyên liên lạc, chăm sóc và duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng và nhà cung cấp. Thu thập và đánh giá thông tin phản hồi từ khách hàng, thị trường, đối thủ cạnh tranh.
- Tham mưu cho Trưởng phòng kinh doanh chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu đồng thời Lập báo cáo nội bộ và báo cáo với các cơ quan nhà nước có liên quan...

### 3. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 05/11/2018:

#### 3.1 Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến thời điểm ngày 05/11/2018:

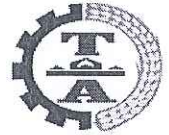
**Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến thời điểm ngày 05/11/2018**

| TT               | Loại cổ đông              | Số lượng   | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ |
|------------------|---------------------------|------------|--------------------|----------------------------|
| <b>I</b>         | <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>116</b> | <b>35.000.000</b>  | <b>100%</b>                |
| 1                | Cá nhân                   | 114        | 33.400.000         | 95,43%                     |
| 2                | Tổ chức                   | 02         | 1.600.000          | 4,57%                      |
| <b>II</b>        | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | -          | -                  | -                          |
| 1                | Cá nhân                   | -          | -                  | -                          |
| 2                | Tổ chức                   | -          | -                  | -                          |
| <b>III</b>       | <b>Cổ phiếu quỹ</b>       | -          | -                  | -                          |
| <b>Tổng cộng</b> |                           | <b>116</b> | <b>35.000.000</b>  | <b>100%</b>                |

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty chốt tại ngày 05/11/2018)

#### 3.2 Cổ đông sáng lập tại ngày 05/11/2018

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An được chuyển đổi từ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trung An ngày 12/12/2015. Do vậy, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An hiện tại không có cổ đông sáng lập.



**3.3 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 05/11/2018**

**Bảng 2: Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

| STT         | Họ và tên      | Địa chỉ  | Số cổ phần sở hữu | Giá trị (Nghìn đồng) | Tỷ lệ sở hữu  |
|-------------|----------------|--|-------------------|----------------------|---------------|
| 1           | Phạm Thái Bình | 2A1, Võ Thị Sáu, P. An Hội, Q.Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ | 7.900.000         | 79.000.000           | 22,57%        |
| 2           | Lê Thị Tuyết   | 2A1, Võ Thị Sáu, P. An Hội, Q.Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ | 8.800.000         | 88.000.000           | 25,14%        |
| <b>Tổng</b> |                |  | <b>16.700.000</b> | <b>167.000.000</b>   | <b>47,71%</b> |

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty chốt tại ngày 05/11/2018)

**4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.**

**4.1 Danh sách công ty mẹ của tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có.

**4.2 Danh sách công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết**

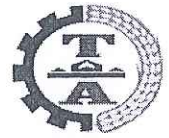
Không có

**4.3 Danh sách công ty liên kết của tổ chức đăng ký niêm yết**

**a. Công ty TNHH sản xuất chế biến kinh doanh xuất khẩu gạo Việt Đức**

- Địa chỉ: Số 647A, Quốc lộ 91, Khu vực Qui Thạnh 1, phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.

- Điện thoại: 0859.594.545



- Hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số: 571022000022 do Sở KH-ĐT thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 07/08/2009.
- Vốn điều lệ đăng ký: 12.460.000.000 VNĐ
- Vốn điều lệ thực góp: 12.164.197.500 VNĐ
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty tại công ty liên kết: 4.865.679.000 VNĐ tương đương 40% vốn điều lệ thực góp.
- Hoạt động kinh doanh chính: Chế biến xuất khẩu gạo.

**b. Công ty TNHH Novatech Trung Hưng**

- Địa chỉ: Số 648A, Quốc lộ 91, Khu vực Qui Thạnh 1, phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.
- ĐT/Fax: 0844.122.445
- Hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số: 571022000040 do Sở KH-ĐT thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 16/07/2012.
- Vốn điều lệ đăng ký: 54.600.000.000 VNĐ
- Vốn điều lệ thực góp: 23.380.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty tại công ty liên kết: 9.352.000.000 VNĐ tương đương 40% vốn điều lệ thực góp.
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất ván ép cao cấp từ nguyên liệu trấu.

**c. CTCP nông nghiệp công nghệ cao Trung An Kiên Giang**

- Địa chỉ: Tổ 9, Ấp Đường Théc, Xã Bình Giang, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang.
- Số điện thoại: 0975 695 277
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 1702050412 do Sở KH-ĐT tỉnh Kiên Giang cấp ngày 07/06/2016.
- Vốn điều lệ đăng ký: 42.000.000.000 VNĐ
- Vốn điều lệ thực góp: 42.000.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty tại công ty liên kết: 20.580.000.000 VNĐ tương đương 49% vốn điều lệ thực góp.
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất nông nghiệp.

**5. Hoạt động kinh doanh**

**5.1. Hoạt động sản xuất và chế biến lúa gạo**

**a. Sản xuất lúa gạo**

Năm 2015, Ủy ban nhân dân các tỉnh Cần Thơ, Kiên Giang, Sóc Trăng, An Giang và Đồng Tháp chỉ đạo chủ trương chung giao cho Công ty Trung An kết hợp



với các hộ nông dân để thực hiện mô hình cánh đồng mẫu lớn – liên kết bao tiêu giữa hộ nông dân và doanh nghiệp. Tổng diện tích vùng nguyên liệu Trung An được giao là 50.000 ha. Đến thời điểm hiện tại, diện tích cánh đồng mẫu lớn Trung An đã thực hiện được tổng cộng 19.700 ha, bao gồm:

- Tại Cần Thơ: 3.000 ha – liên kết hộ nông dân và Doanh nghiệp.
- Tại Kiên Giang: 15.600 ha – liên kết hộ nông dân và Doanh nghiệp.
- Tại Đồng Tháp: 300 ha - liên kết hộ nông dân và Doanh nghiệp.
- Cánh đồng Trung An canh tác tại Hòn Đất: 800 ha.

Trung An vẫn đang tiếp tục mở rộng, thực hiện mô hình cánh đồng mẫu lớn trên vùng nguyên liệu còn lại được giao. Với vùng nguyên liệu hiện tại, hàng năm Trung An sản xuất và bán ra được khoảng 70.000 tấn lúa/năm.



*(Nguồn: Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Trung An)*

Công ty kết hợp với các hộ nông dân để thực hiện trồng lúa trên các vùng nguyên liệu. Công ty sẽ cung cấp cho hộ nông dân từ giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, kỹ thuật nuôi cấy và thu lại bằng sản phẩm cuối vụ. Hiện tại, Công ty ký hợp đồng với Viện lúa ĐBSCL để trực tiếp sản xuất nhân giống, cung cấp giống cho toàn bộ diện tích các cánh đồng trồng lúa;

Công ty trực tiếp nhận lúa tại ruộng khi thu hoạch, trực tiếp sấy, dự trữ bảo quản sau thu hoạch, trực tiếp chế biến, đóng gói và cung cấp cho người tiêu dùng. Trung An thực hiện quy trình khép kín “Quy trình Xanh – sản phẩm Sạch”, từ khâu nuôi cấy đến chế biến để ra sản phẩm gạo chất lượng. Sau khi thu hoạch, lúa được



chuyển về các nhà máy của Trung An để sấy khô, xay sát, lau bóng, xông trùng và đóng gói. Sản phẩm được lưu trữ tại các kho của Công ty chờ xuất bán.

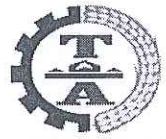


*(Cánh đồng mẫu lớn – CTCP nông nghiệp công nghệ cao Trung An)*

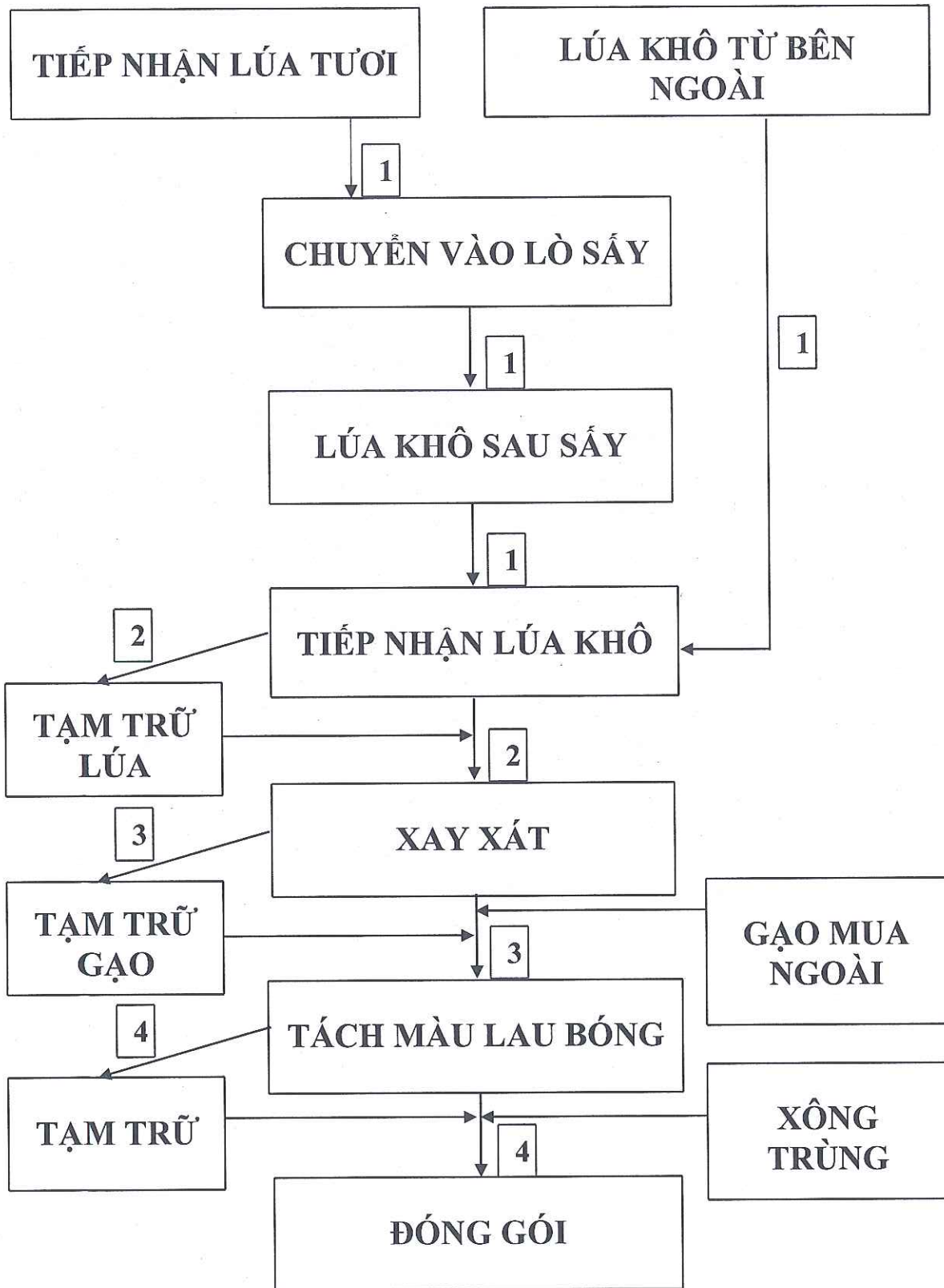
#### **b. Chế biến gạo**

Nguyên liệu phục vụ cho việc chế biến gạo của Trung An là từ vùng nguyên liệu tự túc của công ty và nguồn thu mua từ nông dân. Công ty xây dựng 6 khu nhà máy đều được trang bị đầy đủ các dàn máy xay sát, máy lau bóng, máy tách màu với công nghệ hiện đại. Công suất chế biến đạt 1000 tấn gạo thành phẩm trên ngày, khả năng cung cấp khoảng 360.000 tấn gạo các loại trên năm. Sau khi thu gom lúa từ vùng nguyên liệu, từ các hộ nông dân, công ty thực hiện quy trình chế biến gạo như sau:





Quy trình chế biến gạo sạch

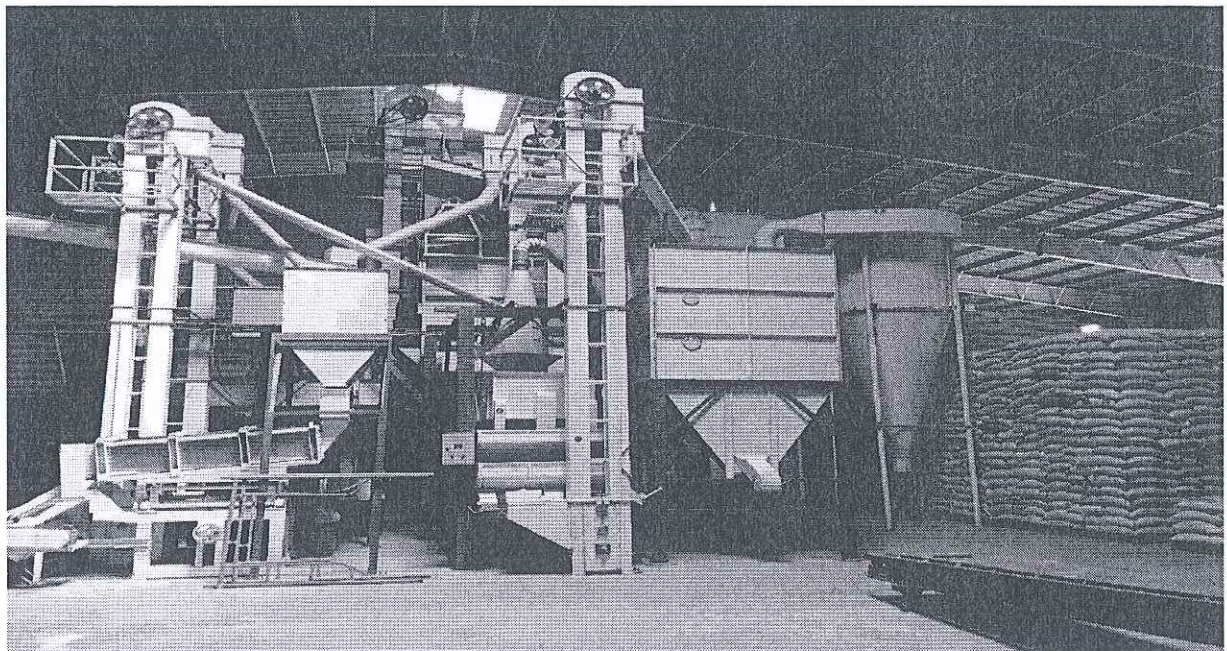




Bộ phận quản lý chất lượng của Công ty được tổ chức chặt chẽ, hoạt động có hệ thống, tuân thủ theo chính sách chất lượng của Công ty đáp ứng các tiêu chuẩn Global Gap, ECO SERC, ISO 22000, HACCP. Trong đó:



Toàn bộ dây chuyền chế biến gạo được Trung An đầu tư rất hiện đại và đúng tiêu chuẩn quốc tế. Hệ thống dây chuyền lắp ghép và vận hành nhịp nhàng bởi các bộ phận máy móc.



*(Nhà máy xay sát nhỏ - Công ty cổ phần Nông nghiệp CNC Trung An)*



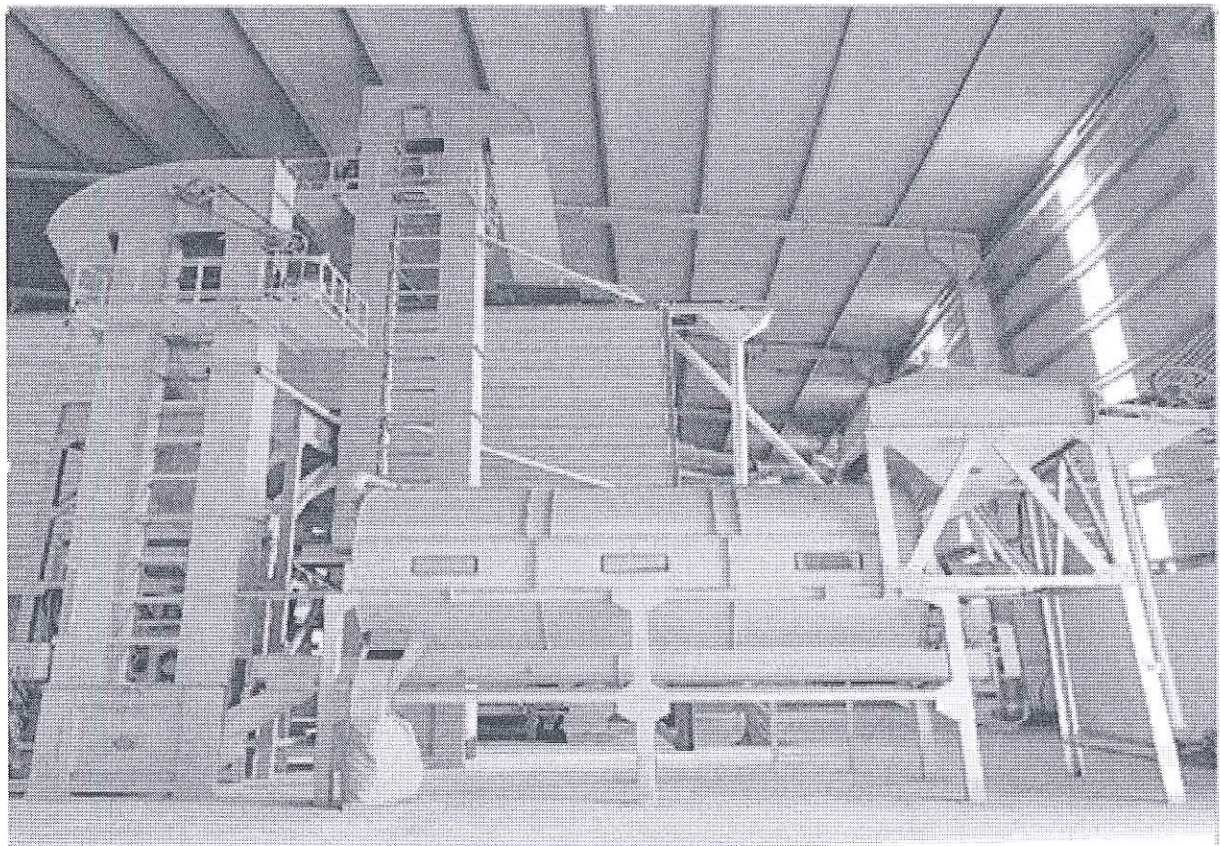
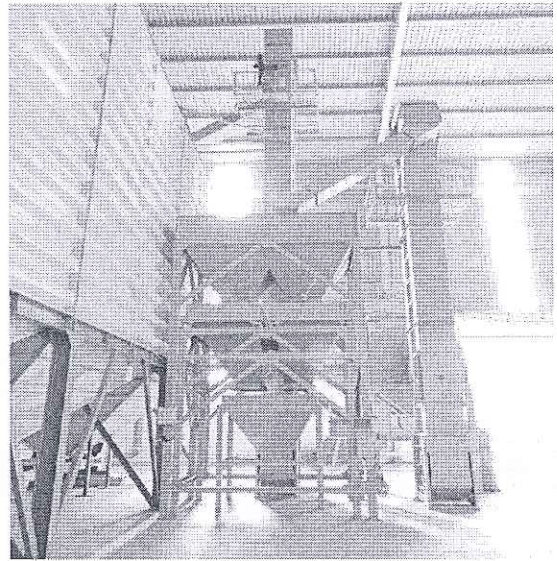
#### ✚ Máy chọn hạt:

Máy dùng để ổn định tỷ lệ tấm lẫn trong gạo thành phẩm. Tỷ lệ này có thể điều chỉnh được từ 25 - 50%.

Nếu kết hợp với sàng đảo (ra 4 loại: gạo nguyên, hỗn hợp, tấm nhỏ, tấm mẫn); phần hỗn hợp chuyển vào máy chọn hạt, tấm nhỏ và tấm mẫn đưa ra ngoài, thành phẩm sẽ điều chỉnh ra gạo 5% - 15% tấm.

✚ **Đối với lúa tươi:** Là lúa nguyên liệu (ướt) nhập kho chưa qua sấy khô. Khi lúa tươi về đến kho, căn cứ vào phiếu vận chuyển lúa của phương tiện vận chuyển, quản lý sản xuất và thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của phiếu, tiếp nhận và sấy lúa.

Lúa tươi được khoan lên qua sàng tạp chất để loại bỏ tạp chất sau đó chuyển qua cân, xác định số lượng lúa nhập kho, số lượng lúa hao hụt khi vận chuyển, sau đó đưa vào tháp sấy để tiến hành công đoạn sấy lúa, sau khi sấy xong phải cho đảo gió.



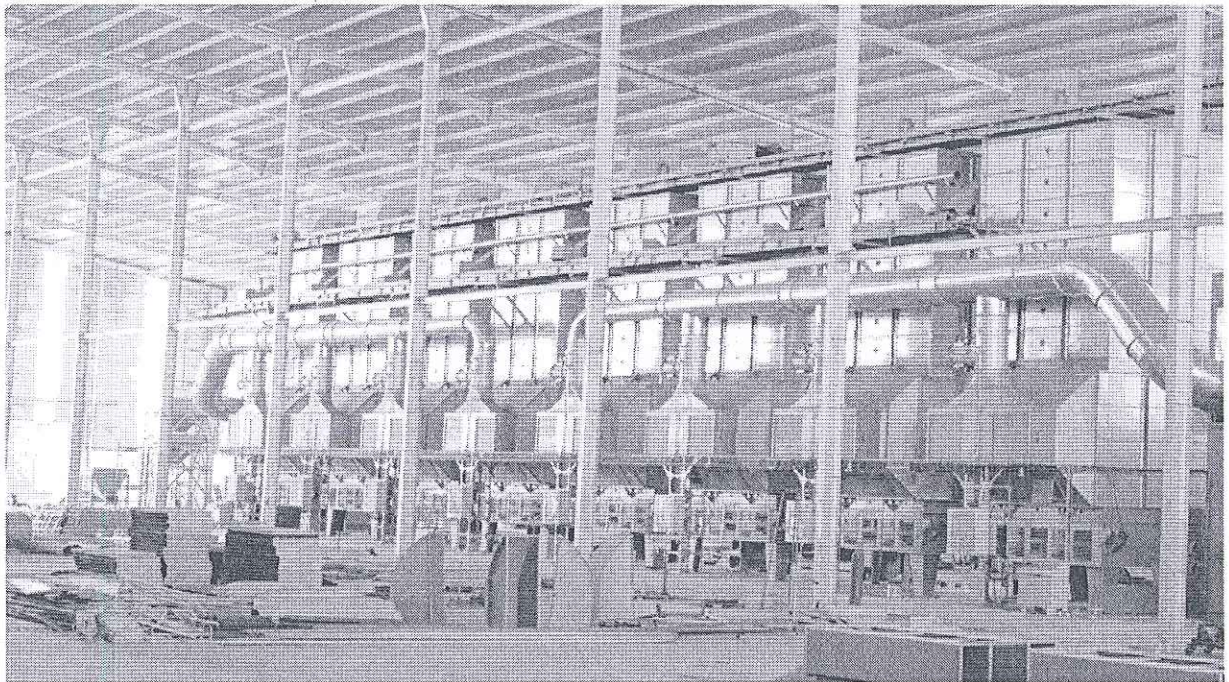
*(Máy cân lúa trước khi đem vào sấy – Công ty cổ phần Nông nghiệp CNC Trung An)*



#### ✦ Tháp sấy lúa:

Máy có tháp chứa được ghép thành nhiều tầng theo chiều cao giảm diện tích lắp đặt, tăng sức chứa hạt, tăng khả năng tiếp xúc không khí sấy với hạt. Đồng thời do có cơ cấu tháo liệu dạng trục rải nên độ giảm ẩm của khối hạt như nhau.

- Lúa hoặc gạo sau khi sấy có độ đồng đều cao về độ ẩm, sai lệch ẩm độ hạt nhỏ hơn 0,5%.
- Cụm thiết bị sẽ tự động chuyển sang chế độ làm mát khi không cung cấp nhiệt
- Nhiệt độ sấy phù hợp, sử dụng nhiên liệu ít, tỷ lệ rạn nứt hạt gạo, hạt thóc, và các loại hạt sấy khác sau khi sấy tháp: khoảng (1,2) %.
- Quạt ly tâm được thiết kế phù hợp, hiệu suất cao, độ ồn thấp tiêu hao điện năng thấp.
- Kết cấu máy vững chắc, độ bền cơ khí cao.
- Chi phí nhiên liệu:  $1000 \text{ kcal/1kg H}_2\text{O}^* = (5,6) \text{ kg than đá/1tấn gạo.}$
- Độ giảm ẩm: (2-3) % /giờ.

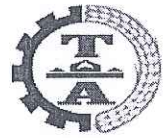


*(Lò hơi và tháp sấy lúa – Công ty cổ phần Nông nghiệp CNC Trung An)*

- Sơ đồ được thể hiện như sau:

**Lúa tươi → khoan → sàng tạp chất → cân → tháp sấy → đảo gió → vật chứa**

- Trong công đoạn này cần chú ý các yêu cầu:
  - + Vệ sinh tháp sấy, băng tải, bờ đai, vít tải.
  - + Kiểm tra bồn chứa nguyên liệu, nhiên liệu, máy nén khí, phun sương, vv...



- + Khi lúa tươi được chuyển vào tháp sấy, đảo gió trước và sau sấy.
- Lúa sau khi được sấy xong được đưa qua cân để xác định số lượng hao hụt do sấy, sau đó được chuyển vào bồn chứa lúa hoặc chất cây tạm trữ, khi nào có lệnh sản xuất sẽ tiến hành chuyển xay xát.
  - ✦ **Đối với lúa khô:** Là lúa nguyên liệu nhập kho đã qua sấy khô.
    - Lúa khô được khoan lên, qua sàng tạp chất để loại bỏ tạp chất sau đó chuyển qua cân, xác định số lượng lúa nhập kho, lượng hao hụt do vận chuyển, sau đó đưa vào bồn chứa lúa hoặc chất cây tạm trữ, khi nào có lệnh sản xuất sẽ tiến hành xay xát.
  - ✦ **Đối với Gạo lứt:**
    - Căn cứ vào phiếu cân, quản lý nhà máy/thủ kho tiến hành nhập kho chất cây, chứa bồn nếu có lệnh sản xuất thì tiến hành xát trắng, tách màu, lau bóng.
  - ✦ **Đối với gạo trắng:**
    - Căn cứ vào phiếu cân, quản lý nhà máy/thủ kho tiến hành nhập kho chất cây, chứa bồn nếu có lệnh sản xuất thì tiến hành tách màu, lau bóng.
  - ✦ **Máy sàng đảo**
    - Sàng đảo được cấu tạo bởi nhiều lớp sàng (tự làm sạch bằng bi cao su) chuyển động trên mặt phẳng ngang, phân ly ra hai, ba hoặc bốn loại sản phẩm.
      - Nguyên liệu từ bồn chứa lúa tạm trữ đưa qua sàng tạp chất (lần 1), qua cân (để xác định số lượng hao hụt do tạm trữ) và qua bồn chứa xay, sau đó tiếp tục cho lúa qua sàng tạp chất (lần 2) rồi nạp vào bồn chứa của dây chuyền xay xát.
  - ✦ **Sàng tách lúa**
    - Kiểm tra các thông số của sàng:
      - + Kích thước lỗ sàng
      - + Tình trạng vệ sinh của sàng
  - ✦ **Bóc vỏ, xay xát và lau bóng:**
    - Từ bồn chứa, lúa được dẫn qua máy bóc vỏ lúa, để bóc vỏ và tách làm 03 phần: gạo lứt (còn lẫn lúa), cám to và trấu.
      - Gạo lứt (còn lẫn lúa): Được dẫn qua máy xát lúa, qua đảo nhỏ, đảo lớn để tách lúa, phần lúa được tách sẽ được đưa trở về máy bóc vỏ lúa, để tiếp tục bóc vỏ cho đến khi hết lúa. Phần gạo lứt, được chuyển qua sàng tạp chất (lấy tạp chất còn sót lại) sau đó được đưa qua dây chuyền xát trắng (xát trắng 1 → xát trắng 2 → xát trắng 3) và lau bóng. Nhờ cơ cấu rung của các sàng, gạo được tách làm các phần: Gạo, tấm 1, tấm 2, cám, tạp chất. Tùy thuộc vào yêu cầu mà ta có thể điều chỉnh áp suất nước, tốc độ gió để đạt được độ bóng cần thiết.



- Cám to: Được chuyển qua cối đập sau đó xuống đảo cám để lấy cám nhuyễn. Đầu trấu còn sót lại được quạt hút đưa về cối đập để đập thêm lần nữa.

- Trấu: Được chuyển qua đảo trấu để lấy cám to và trấu. Cám to được chuyển qua cối đập, còn trấu qua vít tải ra nhà chứa trấu.

+ Tùy thuộc vào tỉ lệ hạt vỡ, lúa lẫn, tỷ lệ vỏ trấu, ta điều chỉnh khe hở rulô và quạt gió để hàng ra đạt tiêu chuẩn. Không mở quạt hút ở nấc quá lớn sẽ hút lẫn cả gạo ra ngoài.

+ Tùy thuộc vào tỉ lệ hạt vỡ, lúa lẫn, độ trắng mà ta điều chỉnh van ép cho phù hợp.

+ Tùy thuộc vào yêu cầu của đơn hàng mà ta điều chỉnh áp suất nước, tốc độ gió và tay ép cho gạo đạt độ bóng mong muốn.

#### ⚡ Máy sàng rung và tách vỏ:

- Đây là 2 giai đoạn quan trọng nhất,

+ Máy sàng rung: nhiệm vụ phân loại các hạt theo kích cỡ khác nhau trước khi chuyển vào máy tách hạt, giúp cho máy tách hạt hoạt động nhanh và chuẩn hơn

+ Máy tách vỏ đòi hỏi các trục chép ép tách vỏ hạt hoặc làm bóng hạt phải có khoảng cách chuẩn phù, tự động điều chỉnh theo kích thước vừa phải, tạo lực ép phù hợp để hạt được tách vỏ nhưng ko bị trầy vỡ.

#### ⚡ Máy xay (Bóc vỏ):

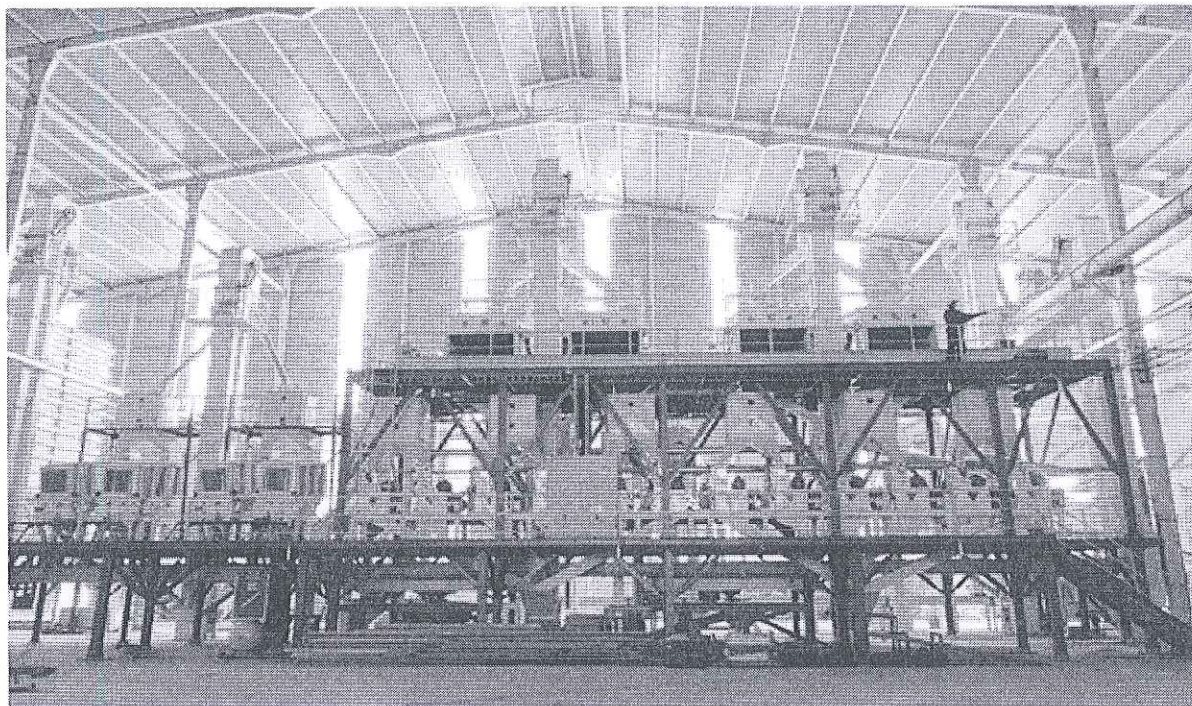
- Kiểm tra các thông số máy:

+ Tình trạng hoạt động của động cơ.

+ Kiểm tra tình trạng hoạt động của van xả lúa.

+ Kiểm tra khe hở của rulô và tình trạng vệ sinh của máy móc, hàng tồn còn sót lại trong máy, chuột, gián, côn trùng trong máy ...

- Đóng cầu dao điện cho máy hoạt động.



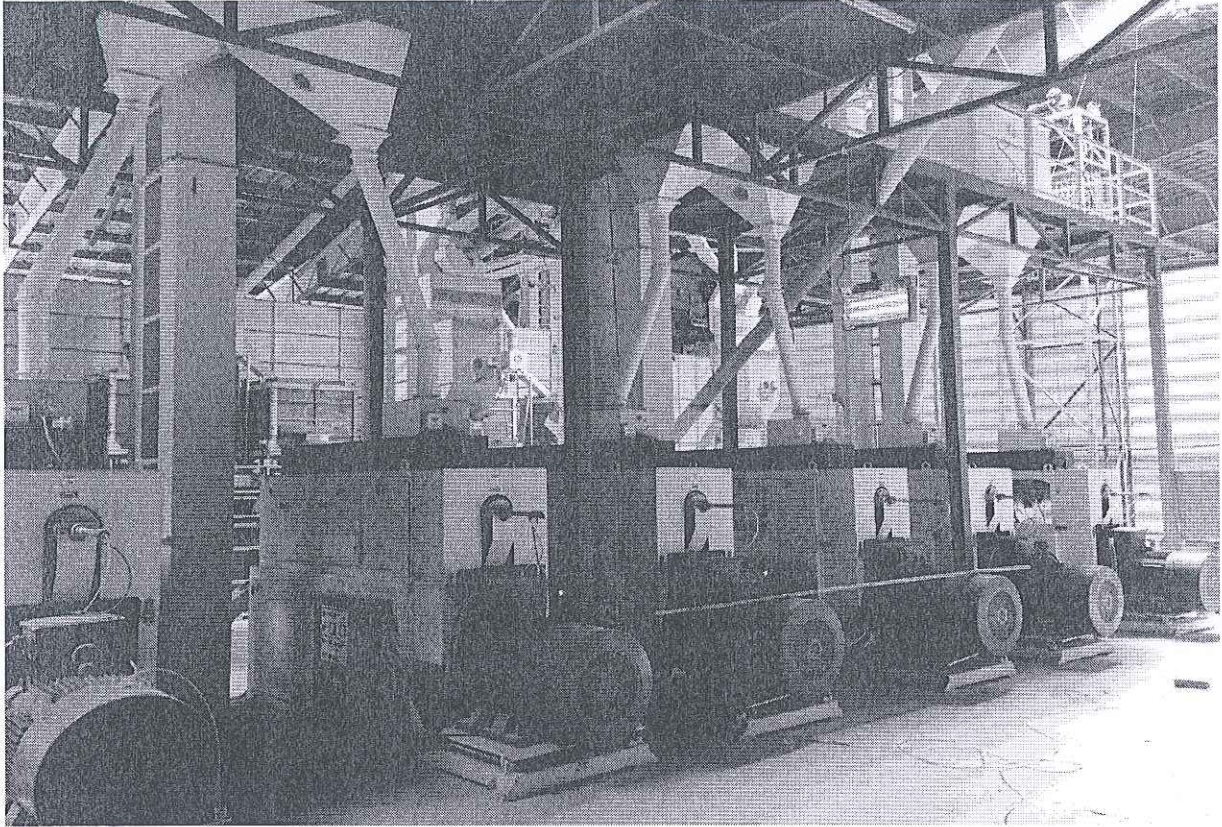
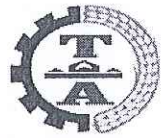
(Máy tách vỏ - Công ty cổ phần Nông nghiệp CNC Trung An)

✚ **Máy xát trắng & đánh bóng:**

- Kiểm tra các thông số máy:
  - + Tình trạng hoạt động của động cơ.
  - + Kiểm tra van xả gạo, lưới, nước.
  - + Kiểm tra tình trạng vệ sinh của máy móc, hàng tồn còn sót lại trong máy, chuột, gián, côn trùng trong máy ...
- Tách các tạp chất, hạt vàng, hạt hư, hạt phân còn lẫn trong gạo.
- Thu được gạo thành phẩm đạt chất lượng theo yêu cầu khách hàng.

Căn cứ vào lệnh sản xuất, bộ phận KCS phối hợp với kỹ thuật máy tiến hành thực hiện:

- Gạo nguyên liệu từ bồn chứa, qua máy tách màu. Khi tách màu xong, gạo được chuyển qua bồn chứa.
  - + Nếu có lau bóng thì gạo từ bồn chứa chuyển qua máy lau bóng, sau đó tiếp tục được đưa qua trống đảo để phân hạt (tám 1) và qua tháp sấy để sấy nguội gạo.
  - + Phế phẩm sau khi tách màu được chuyển sang bồn chứa phế phẩm.
  - + Tám 1 chuyển qua trống đảo để phân loại tám. Tám 1 được chuyển qua bồn chứa, tám 2,3 được đưa ra ngoài tịnh chất cây.
  - + Cám lau được hút qua balong và tịnh chất cây.



*(Máy lau bóng gạo – Công ty cổ phần Nông nghiệp CNC Trung An)*

#### ⚡ Hệ thống máy tách màu

Hỗn hợp gạo đã được đánh bóng gồm gạo, tạp chất, lúa lẫn và hạt gạo màu đen được đưa qua hệ thống tách màu để loại bỏ hết tạp chất lúa lẫn và hạt đen. Còn lại gạo sẽ được chuyển qua hệ thống đóng túi.



*(Hệ thống tách màu loại bỏ tạp chất, lúa lẫn, hạt đen – Công ty cổ phần Nông nghiệp CNC Trung An)*





#### ✚ Máy đóng bao:

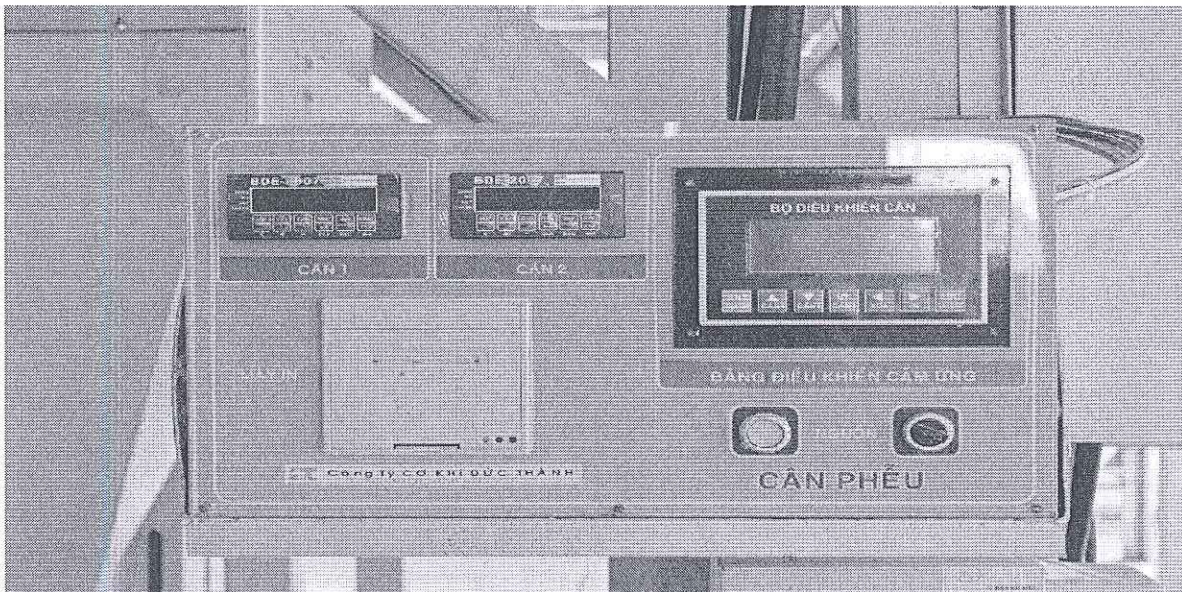
Với công suất hoạt động, một năm sản xuất trồng lúa được 400.000 tấn lúa. Trung bình một ngày công suất chế biến đạt 1.000 tấn gạo, một tháng công suất chế biến đạt 24.000 tấn gạo. Hiện tại, công ty sẵn sàng cung cấp ra thị trường 300.000 tấn gạo.



*(Gạo thành phẩm và máy đóng túi – Công ty cổ phần Nông nghiệp CNC Trung An)*

#### ✚ Máy cân tự động

Cân tự động được thiết kế dựa trên nguyên lý cảm biến tải (loadcell), định lượng tự động điều khiển bằng trình PLC và khí nén. Hộp van được chế tạo bằng thép không gỉ, có độ bền và độ ổn định cao. Quá trình định lượng của hộp van gồm 02 giai đoạn: cân thô và cân tinh, đóng mở van bằng khí nén nên đảm bảo cân có độ chính xác cao.





#### ✦ Thiết bị băng tải:

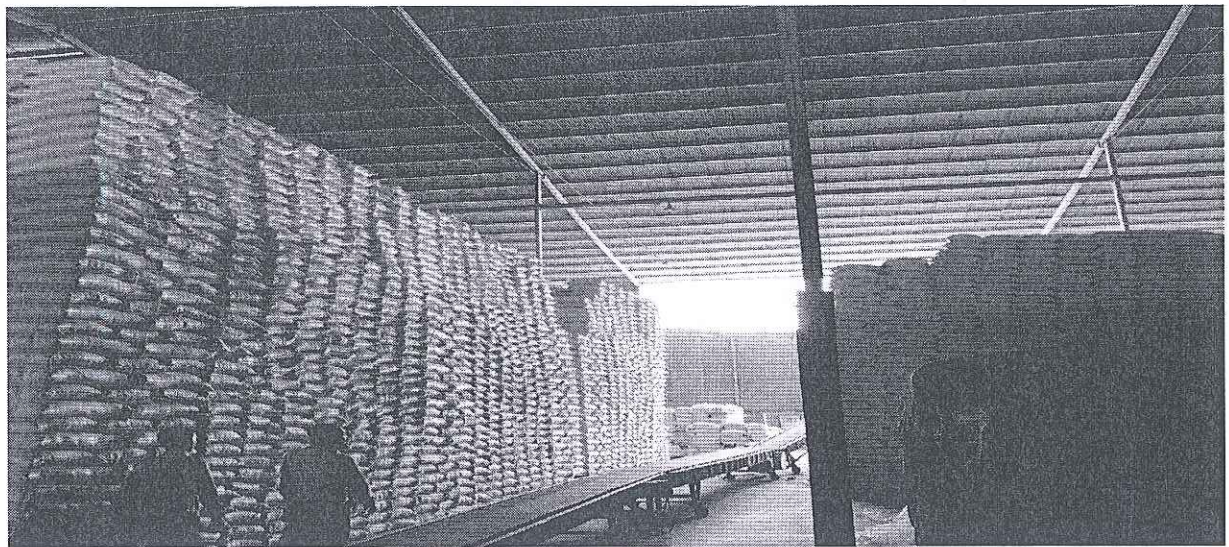
Băng tải có kết cấu cứng vững, khả năng điều chỉnh độ cao băng tải rộng, thao tác dễ dàng, khung băng tải lắp trên bánh xe đảm bảo di chuyển cơ động, dễ dàng trong nhà xưởng. Băng tải được chế tạo dựa trên nhu cầu vận chuyển vật liệu dạng bao, thùng trong các nhà máy chế biến gạo xuất khẩu. Băng tải có kết cấu cứng vững, khả năng điều chỉnh độ cao băng tải rộng, thao tác dễ dàng, khung băng tải lắp trên bánh xe đảm bảo di chuyển cơ động, dễ dàng trong nhà xưởng.



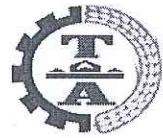
*(Một số hình ảnh băng tải – Công ty cổ phần Nông nghiệp CNC Trung An)*

#### ✦ Hệ thống nhà kho

Công ty có 6 khu kho với diện tích 60.000 m<sup>2</sup>, sức chứa đạt 90.000 tấn gạo. Các khu kho đều có lắp đặt đầy đủ máy sấy lúa, máy xay xát, lau bóng, tách màu, đóng gói gạo với công nghệ tiên tiến hiện đại.



*(Nguồn: Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An)*



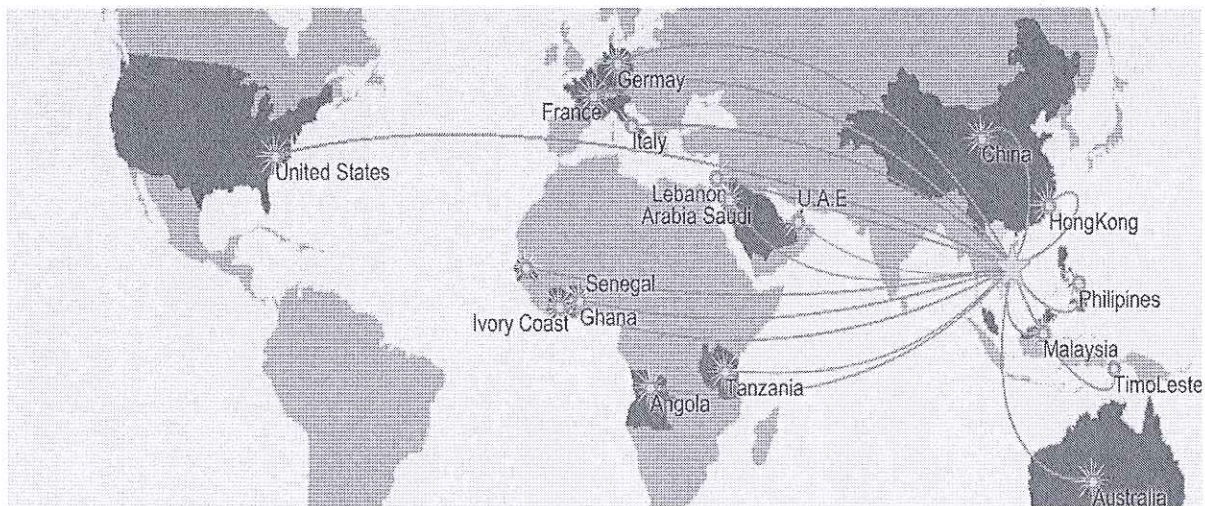
## 5.2. Hoạt động phân phối

### a) Hoạt động xuất khẩu

Thành lập năm 1996 trong thời điểm đất nước mới bắt đầu trong giai đoạn mở cửa, hạt gạo Việt Nam đang được đẩy mạnh xuất khẩu rộng rãi ở các thị trường thế giới. Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Trung An cũng đã vươn lên trở thành một trong những thương hiệu uy tín trong ngành sản xuất kinh doanh xuất khẩu gạo. Suốt 20 năm qua, Trung An không ngừng đầu tư máy móc, công nghệ hiện đại, mở rộng vùng nguyên liệu, góp phần tạo đầu ra ổn định cho người nông dân và nâng cao giá trị hạt gạo Việt Nam.

Đối tác đã mua gạo của Trung An trải rộng trên toàn thế giới như: Mỹ, Pháp, Đức, Italy, Arabia Saudi, U.A.E, Senegal, Ghana, Angola, Tanzania, Hongkong, China, Philipines, Malaysia, Australia,..v.v. Các thương hiệu lớn cũng đã có sự hợp tác với Trung An như SENGKANG IMPORT & EXPORT PTE.LTD, KONG HWA CHAN TRADING PTE LTD, ALWAYS FRESH TRADING CO PTY LTD, GL INTERNATIONAL CORP, JT INTERNATIONAL CO., LTD, EVERGREEN RICE PTE LTD..... Năm 2017, thị trường xuất khẩu chính của Trung An là Châu Á, chiếm tỷ trọng cao nhất là Trung Quốc và Malaysia.

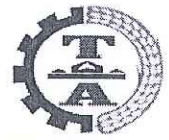
Với quy mô sản xuất đạt 360.000 tấn/ năm, hiện nay Trung An vẫn đang còn dư địa tăng sản lượng xuất khẩu trong những năm tới.



(Nguồn: Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Trung An)

### b) Phân phối thị trường nội địa

Tại thị trường nội địa, sản phẩm của Trung An được phân phối theo mạng lưới tiêu thụ: siêu thị, các chợ, đại lý, cửa hàng bán lẻ. Công ty tích cực tham gia các buổi



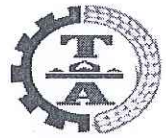
hội chợ về nông sản, thực phẩm sạch để đưa những sản phẩm gạo chất lượng cao của mình tới người tiêu dùng trong nước. Có 2 hình thức phân phối Trung An đang áp dụng đó là: liên kết với các siêu thị, cửa hàng đã có hệ thống trên cả nước và hệ thống cửa hàng Trung An tự mở.

- *Liên kết với hệ thống siêu thị:* Công ty VinEco của Tập đoàn Vingroup và Công ty Trung An đã ký hợp đồng hợp tác chiến lược về việc gạo do Trung An sản xuất sẽ được phân phối và bán độc quyền tại hệ thống VinMart của Tập đoàn Vingroup thông qua VinEco.

Gạo Trung An được cung cấp cho hệ thống VinMart sẽ mang thương hiệu của VinEco thuộc Tập đoàn Vingroup là gạo sạch đạt chứng nhận GlobalGap (thực hành sản xuất nông nghiệp tốt toàn cầu) và gạo hữu cơ đã được Tổ chức EcoCert (Tổ chức do các nhà nông học Pháp thành lập năm 1991 nhằm thiết lập các tiêu chuẩn và chứng nhận các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ- PV) chứng nhận.



- *Tự mở cửa hàng phân phối:* công ty đã mở nhiều cửa hàng trưng bày và phân phối sản phẩm gạo trên địa bàn các tỉnh khác nhau như: Kiên Giang, Cần Thơ, TP Hồ Chí Minh, An Giang, Bình Thuận,... Công ty cũng đang tích cực tìm kiếm địa điểm để mở rộng số lượng cửa hàng tại những địa bàn mới, hứa hẹn sẽ đưa sản phẩm gạo sạch chất lượng cao của mình tới người tiêu dùng trên khắp cả nước.



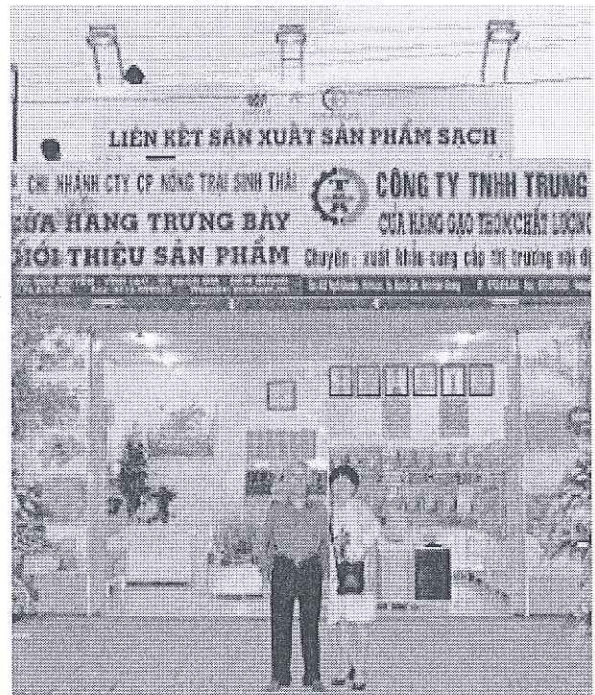
Cửa hàng Cần Thơ  
Địa chỉ: Thành phố Cần Thơ



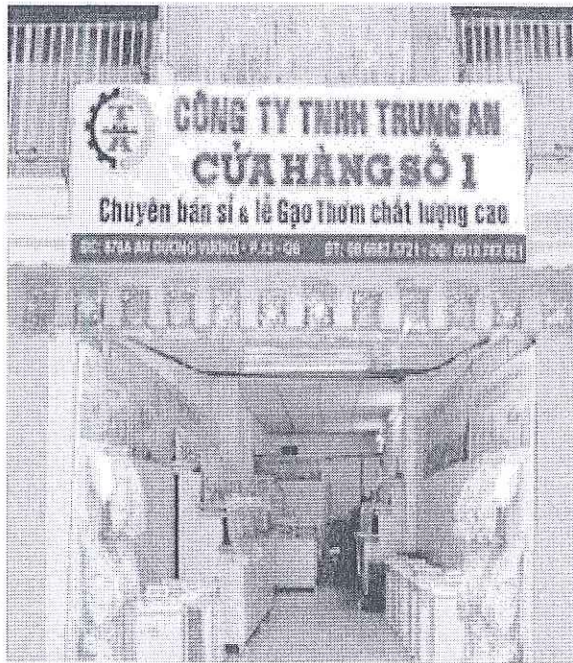
Công ty cổ phần Vinmart  
Địa chỉ: Số 72 Lê Thánh Tôn –  
Phường Bến Nghé – Quận 1 – Thành phố  
Hồ Chí Minh.



Cửa hàng liên kết ECOFARM 2  
Địa chỉ: Thành phố Cần Thơ



Cửa hàng liên kết ECOFARM 1  
Địa chỉ: Tỉnh Kiên Giang



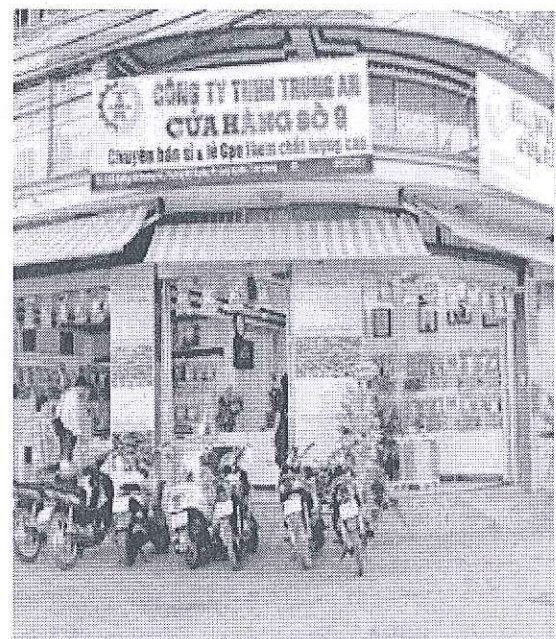
Cửa hàng phân phối số 1  
Địa chỉ: 878A An Dương Vương –  
Phường 13 – Quận 6 - Thành phố Hồ Chí  
Minh



Cửa hàng phân phối số 6  
Địa chỉ: Đường 26/3, KV3, P. Châu  
Văn Liêm, Q. Ô Môn, Thành phố Cần  
Thơ.



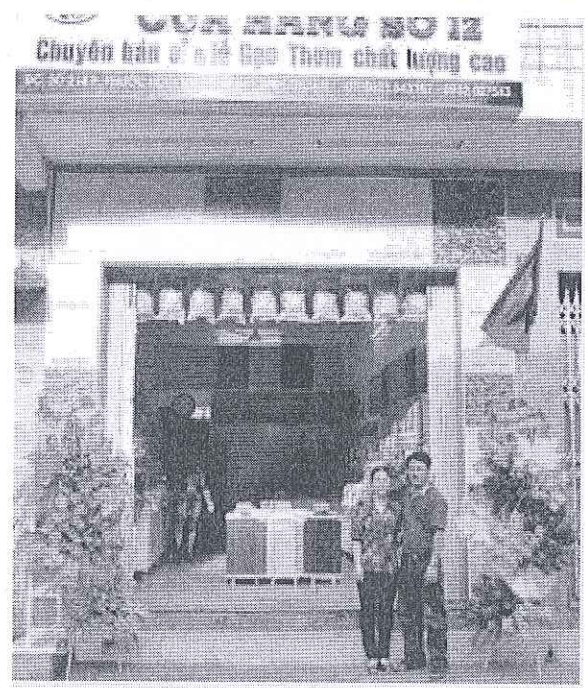
Cửa hàng phân phối số 8  
Địa chỉ: 805 Hưng Phú – Phường 9 –  
Quận 8 - Thành phố Hồ Chí Minh



Cửa hàng phân phối số 9  
Địa chỉ: 1/58 Đường Hà Hoàng Hổ -  
Phường Mỹ Xuyên – Tp. Long Xuyên –  
T. An Giang



Cửa hàng phân phối số 11  
Địa chỉ: 441 Lê Thị Tào – KV Long  
Thạnh A – Phường Thốt Nốt Thành phố  
Cần Thơ



Cửa hàng phân phối số 12  
Địa chỉ: Bình Thuận



Cửa hàng phân phối số 15  
Địa chỉ: 1/16 Ấp Thới Hòa A – Thị  
trấn Cờ Đỏ - Huyện Cờ Đỏ - Thành phố  
Cần Thơ.



Cửa hàng phân phối số 16  
Địa chỉ: Ấp Thạnh Quới 1, xã Trung  
Hung, huyện Cờ Đỏ, Tỉnh Cần Thơ



Cửa hàng phân phối số 18  
Địa chỉ: 46 Ung Văn Khiêm –  
Phường Cái Khế - Quận Ninh Kiều -  
Thành phố Cần Thơ.



Cửa hàng phân phối số 19  
Địa chỉ: Thành phố Cần Thơ

(Nguồn: Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Trung An)

▪ Các sản phẩm tiêu biểu của Công ty:



Gạo lức Tím than

Gạo thơm Hương lái

Gạo thơm Japonica



Gạo thơm Jasmine

Gạo thơm Lài sữa

Gạo thơm Trắng tẻ

Gạo thơm Việt dài

(Nguồn: Công ty cổ phần nông nghiệp Công nghệ cao Trung An)

5.3. Dịch vụ khác





Các dịch vụ khác của Trung An bao gồm:

- **Cho thuê kho bãi:** Công ty có 6 khu kho với diện tích 60.000 m<sup>2</sup>, sức chứa đạt 90.000 tấn gạo. Các khu kho đều có lắp đặt đầy đủ máy sấy lúa, máy xay xát, lau bóng, tách màu, đóng gói gạo với công nghệ tiên tiến hiện đại. Với diện tích kho bãi rộng lớn, Công ty thực hiện cho các đối tác có nhu cầu thuê kho để lưu trữ hàng hoá.
- **Ủy thác xuất khẩu:** với lợi thế có giấy phép xuất khẩu gạo và kinh nghiệm xuất khẩu lâu năm, Trung An có dịch vụ nhận uỷ thác xuất khẩu, tuy nhiên các dịch vụ này chiếm doanh thu không lớn trong tổng doanh thu của công ty.

#### 5.4. Cơ cấu doanh thu thuần, lợi nhuận gộp qua các năm

**Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần các sản phẩm và dịch vụ năm 2016 và năm 2017 và 9 tháng đầu năm 2018**

Đơn vị: Triệu đồng

| S<br>T<br>T | Chỉ tiêu                                | Năm 2016       |              | Năm 2017         |              | % tăng<br>giảm<br>2017 so<br>với 2016 | 9 tháng đầu năm<br>2018 |              |
|-------------|---|----------------|--------------|------------------|--------------|---------------------------------------|-------------------------|--------------|
|             |   | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị          | Tỷ trọng (%) |                                       | Giá trị                 | Tỷ trọng (%) |
| 1           | Doanh thu thuần bán thành phẩm hàng hóa | 936.887        | 99,98        | 1.437.061        | 99,81        | 53,39%                                | 1.604.076               | 99,63        |
| 2           | Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ        | 190            | 0,02         | 2.762            | 0,19         | 1353%                                 | 5.870                   | 0,37         |
|             | <b>Tổng cộng</b>                        | <b>937.077</b> | <b>100</b>   | <b>1.439.823</b> | <b>100</b>   | <b>53,65</b>                          | <b>1.609.946</b>        | <b>100</b>   |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 3 của CTCP Nông nghiệp CNC Trung An)

Tổng doanh thu thuần của Trung An năm 2017 đạt 1.439.823 triệu đồng, tăng 53,65% so với năm 2016. Nguyên nhân của sự tăng trưởng này là do sản lượng bán ra của năm 2017 tăng 45.453 tấn so với sản lượng bán ra của năm 2016 (sản lượng bán hàng năm 2017 là 131.832 tấn, sản lượng bán hàng năm 2016 là 86.379 tấn) và giá



bán bình quân năm 2017 tăng 54 đồng/kg so với năm 2016 (giá bán bình quân năm 2017 là 10.900 đồng/kg, giá bán bình quân năm 2016 là 10.846 đồng/kg). Ngoài ra, Công ty đã tập trung đẩy mạnh xuất khẩu với uy tín của Công ty trên thị trường xuất khẩu, đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, năng động. Cụ thể, doanh thu xuất khẩu năm 2017 tăng 654,439 tỷ VNĐ (giá trị xuất khẩu năm 2016 là 548,990 tỷ đồng, năm 2017 đạt 1.203,429 tỷ đồng) tương ứng với mức tăng trưởng 119%. Sự tăng mạnh này chủ yếu do năm 2017 Trung An đã tập trung mở rộng lượng khách hàng nước ngoài với những đơn hàng lớn.

Doanh thu thuần của Công ty tập trung ở mảng chính là kinh doanh xuất khẩu thành phẩm, hàng hoá bao gồm: gạo trắng, gạo thơm, gạo nếp, gạo 504 5%, gạo 5041, gạo japonica, gạo jasmine, gạo hữu cơ, gạo thơm lái,..v.v. Tỷ trọng xuất khẩu gạo của Trung An năm 2017 đạt 83,58% doanh thu thuần.

Mảng phân phối trong nước vẫn được duy trì thông qua các đại lý của Trung An với doanh thu năm 2017 đạt 236,394 tỷ đồng, bằng 60,9% so với của năm 2016 (doanh thu năm 2016 là 388,087 tỷ đồng). Lý do của việc mảng phân phối trong nước là do Trung An đang tập trung phát triển mạnh thị trường xuất khẩu, thị trường trong nước vẫn duy trì và mở rộng với tốc độ chậm hơn, hoàn toàn phù hợp với định hướng khuyến khích xuất khẩu gạo của Chính phủ và ban lãnh đạo công ty.

Doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2018 đạt 1.609 tỷ đồng, bằng 111,8% tổng doanh thu thuần năm 2017. Cụ thể, mảng xuất khẩu đạt hơn 747,163 tỷ đồng, bằng 52% tổng doanh thu năm 2017 và bằng 97,05% doanh thu thuần xuất khẩu cùng kỳ năm 2017 (9 tháng đầu năm 2017 doanh thu xuất khẩu đạt 769,906 tỷ đồng), mảng phân phối trong nước đạt 862,783 tỷ đồng, bằng 59,9% tổng doanh thu thuần năm 2017 và bằng 510% doanh thu thuần bán hàng trong nước cùng kỳ năm 2017 (doanh thu thuần trong nước 9 tháng đầu năm 2017 đạt 169,132 tỷ đồng). Như vậy mảng xuất khẩu của Trung An khá ổn định với lượng khách hàng thân thiết từ thị trường quốc tế, bên cạnh đó bán hàng trong nước có sự đột biến lớn nhờ hệ thống phân phối của Trung An cũng như các hợp đồng lớn với các siêu thị bán lẻ lớn điển hình như Vinmart.

Ngoài ra, doanh thu thuần cung cấp dịch vụ kho bãi và uỷ thác xuất khẩu năm 2017 đạt 2,762 tỷ đồng, chiếm 0,19% tổng doanh thu cả năm 2017, tăng gần 14 lần so với năm 2016, 9 tháng đầu năm 2018 đạt 5,870 tỷ đồng chiếm 0,37% tổng doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2018 và bằng 212% giá trị doanh thu thuần cung cấp dịch vụ năm 2017. Mảng cung cấp dịch vụ kho bãi và uỷ thác xuất khẩu của Trung An tăng



mạnh trong 2 năm trở lại đây nhưng vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu thuần của Công ty.

**Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp các sản phẩm và dịch vụ năm 2016 và năm 2017 và 9 tháng đầu năm 2018**

Đơn vị: Triệu đồng.

| S<br>T<br>T | Chỉ tiêu                                | Năm 2016      |                     | Năm 2017       |                     | % tăng<br>giảm<br>2017 so<br>với 2016 | 9 tháng đầu<br>năm 2018 |                     |
|-------------|---|---------------|---------------------|----------------|---------------------|---------------------------------------|-------------------------|---------------------|
|             |   | Giá trị       | Tỷ<br>trọng/<br>DTT | Giá trị        | Tỷ<br>trọng/<br>DTT |                                       | Giá trị                 | Tỷ<br>trọng/<br>DTT |
| 1           | Lợi nhuận gộp về bán hàng và thành phẩm | 82.310        | 8,78%               | 106.787        | 7,42%               | 29,74                                 | 89.277                  | 5,55%               |
| 2           | Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ       | 189           | 0,02%               | 2.762          | 0,19%               | 1361,38                               | 5.870                   | 0,36%               |
|             | <b>Tổng cộng</b>                        | <b>82.499</b> | <b>8,8%</b>         | <b>109.549</b> | <b>7,61%</b>        | <b>32,79</b>                          | <b>95.147</b>           | <b>5,91%</b>        |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 3 năm 2018 CTCP Nông nghiệp CNC Trung An)

Lợi nhuận gộp cả năm 2017 đạt 109,549 tỷ đồng chiếm 7,61% tổng doanh thu thuần cả năm 2017, tăng 32,79% so với lợi nhuận gộp năm 2016. Trong đó:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và thành phẩm đạt 106,787 tỷ đồng, chiếm 7,42% tổng doanh thu thuần và tăng 29,74% so với năm 2016.
- Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ năm 2017 đạt 2,762 tỷ đồng, chiếm 0,19% tổng doanh thu thuần và tăng 1361,38% so với năm 2016.

Lợi nhuận gộp 9 tháng đầu năm 2018 đạt 95,147 tỷ đồng, chiếm 5,93% tổng doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2018. Trong đó:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và thành phẩm đạt 89,277 tỷ đồng, chiếm 5,55% tổng doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2018 và bằng 83,6% lợi nhuận gộp về bán hàng và thành phẩm cả năm 2017.



- Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ đạt 5,87 tỷ đồng, chiếm 0,36% tổng doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2018 và bằng 213% lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ cả năm 2017.

Giai đoạn năm 2016-2018 chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ về doanh thu tuy nhiên lợi nhuận gộp không tăng mạnh tương ứng với doanh thu. Điều này xảy ra bởi Trung An đã có thị trường xuất khẩu ổn định, đang trong giai đoạn mở rộng thị trường nội địa, cạnh tranh với rất nhiều thương hiệu gạo trong và ngoài nước nên công ty tập trung vào gia tăng doanh thu, mở rộng thị phần, không áp lực đặt nặng tăng trưởng lợi nhuận gộp. Dự báo trong một vài năm tới, Trung An chiếm được thị phần ổn định trong nước, mức lợi nhuận gộp sẽ tăng trưởng tương ứng với mức doanh thu.

#### 5.4. Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào

Là một doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thương mại, xuất khẩu gạo, nguyên vật liệu đầu vào của Trung An bao gồm sản phẩm lúa gạo từ các nhà cung cấp và vùng nguyên liệu tự chủ của công ty.

**Bảng 5: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào.**

| STT | TÊN NHÀ CUNG CẤP                         | ĐỊA CHỈ  |
|-----|--|--|
| 1   | HTX Nhơn Hòa                             | KV Thới An, Phường Thuận An, Quận Thốt Nốt, Cần Thơ.                       |
| 2   | Công ty cổ phần Bao bì Sen Việt          | Áp Voi Lá, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.                  |
| 3   | Viện lúa Đồng bằng Sông Cửu Long         | Tân Thạch – Thới Lai – Cần Thơ.  |
| 4   | Công ty cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước | Lô A9, khu A, KCN Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh. |
| 5   | Tổng Công ty Lương thực Miền Nam         | Trần Hưng Đạo, Cầu Kho, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.                           |
| 6   | Công ty cổ phần khử trùng Việt Nam       | 29 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.                                 |
| 7   | Công ty cổ phần Transimex Sài Gòn        | 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa káo, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.                  |



| STT | TÊN NHÀ CUNG CẤP                                      | ĐỊA CHỈ  |
|-----|---|--|
| 8   | Xí nghiệp chế biến lương thực số 2 – Long An          | Khóm 1, Thị trấn Thạnh Hóa, Huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An.   |
| 9   | Công ty cổ phần lương thực Đồng Tháp                  | Số 531, Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp. |
| 10  | Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam – CN Cần Thơ | 12 Hòa Bình, An Cư, Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.                  |
| 11  | Công ty TNHH MTV Vật tư nông nghiệp Đào Nguyễn        | 29 Mậu Thân, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.                    |
| 12  | Công ty cổ phần XNK Hóa chất Miền Nam – Vinachemical  | 130 Trần Hưng Đạo, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An)

#### ✚ Sự ổn định của nguồn cung cấp

Hơn 20 năm xây dựng uy tín và thương hiệu, Công ty luôn đảm bảo tốt tiến độ thanh toán tiền hàng đối với nhà cung cấp, vì vậy, chưa bao giờ có sự khan hiếm hay khó khăn trong việc cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất của Công ty Trung An.

Mục tiêu đến năm 2025, Công ty Trung An xây dựng xong vùng nguyên liệu ổn định với tổng diện tích là 50.000 ha, trong đó:

| STT | DIỆN TÍCH | TỈ LỆ | GIEO TRỒNG  |
|-----|-----------|-------|---|
| 1   | 21.000 ha | 42%   | Lúa Jasmine, lúa Trắng Tép, lúa Japonica, lúa Nàng Hoa 9, lúa OM 4218, OM 5451. |
| 2   | 29.000 ha | 58%   | Lúa Trắng Tép, lúa Japonica, lúa Nàng Hoa 9, lúa OM 4218.                       |

#### ✚ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận

Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá vốn của sản phẩm. Giá cả nguyên vật liệu ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu, lợi nhuận của công ty. Có hai trường hợp có thể xảy ra:

- Sau khi ký hợp đồng nguyên tắc với khách hàng, nếu giá nguyên vật liệu đầu vào tăng thì chi phí giá vốn tăng làm giảm lợi nhuận của công ty và ngược lại.



- Trước khi ký hợp đồng nguyên tắc với khách hàng, nêu giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động thì công ty sẽ điều chỉnh báo giá với khách hàng để giữ vững mức lợi nhuận như kỳ vọng trước khi biến động giá nguyên vật liệu đầu vào.

Để thích ứng nhanh việc thay đổi giá cả nguyên vật liệu đầu vào, phòng kinh doanh của công ty có trách nhiệm thông báo ngay lập tức khi có sự thay đổi của giá cả nguyên vật liệu đầu vào. Bên cạnh đó, công ty ngày càng mở rộng hơn nữa vùng nguyên liệu để có thể tự chủ được nguồn hàng cho khách hàng, giảm bớt sự phụ thuộc giá cả nguồn nguyên liệu các đối tác đầu vào.

### 5.5. Cơ cấu chi phí

**Bảng 6: Tỷ trọng các chi phí của Công ty qua các năm**

Đơn vị: Triệu đồng

| S<br>T<br>T | Chỉ tiêu                     | Năm 2016       |                  | Năm 2017         |                  | % tăng giảm 2017 so với 2016 | 9 tháng đầu năm 2018 |                  |
|-------------|------------------------------|----------------|------------------|------------------|------------------|------------------------------|----------------------|------------------|
|             |                              | Giá trị        | Tỷ trọng/<br>DTT | Giá trị          | Tỷ trọng/<br>DTT |                              | Giá trị              | Tỷ trọng/<br>DTT |
| 1           | Giá vốn hàng bán             | 854.577        | 91,20%           | 1.330.274        | 92,39%           | 55,66                        | 1.514.798            | 94,09%           |
| 2           | Chi phí tài chính            | 45.805         | 4,89%            | 44.849           | 3,11%            | -2,09                        | 31.262               | 1,94%            |
| 3           | Chi phí bán hàng             | 16.175         | 1,73%            | 36.262           | 2,52%            | 124,19                       | 30.528               | 1,9%             |
| 4           | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 7.535          | 0,80%            | 12.396           | 0,86%            | 64,51                        | 11.223               | 0,7%             |
| 5           | Chi phí khác                 | 12             | 0,001%           | 76               | 0,005%           | 533,33                       | 421                  | 0,03%            |
|             | <b>Tổng chi phí</b>          | <b>924.104</b> | <b>98,62%</b>    | <b>1.423.857</b> | <b>98,89%</b>    | <b>54,08</b>                 | <b>1.588.232</b>     | <b>98,65%</b>    |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 3 năm 2018 của CTCP Nông nghiệp CNC Trung An)



Nhìn chung, tổng chi phí của Công ty qua các năm có tỷ trọng trên doanh thu thuần là tương đương nhau. Tổng chi phí 2 năm 2016, 2017 và 9 tháng đầu năm 2018 đều chiếm trên 98% tổng doanh thu thuần. Tổng chi phí năm 2017 là 1.423 tỷ đồng, tăng 54,08% tổng chi phí năm 2016.

- Giá vốn hàng bán: Tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần chiếm rất lớn, trên 90% doanh thu thuần, cụ thể năm 2016 giá vốn hàng bán là 91,20% trên doanh thu thuần, năm 2017 là 92,39% trên doanh thu thuần và 9 tháng đầu năm 2018 đạt 94,09% doanh thu thuần. Giá vốn năm 2017 tăng 55,66% so với giá vốn năm 2016. Nguyên nhân là do sản lượng bán ra của năm 2017 tăng hơn 45.000 tấn so với năm 2016 và giá nguyên vật liệu đầu vào bình quân năm 2017 tăng 197 đồng/kg so với năm 2016 (giá nguyên vật liệu đầu vào bình quân năm 2017 là 10.090 đồng/kg, giá nguyên vật liệu đầu vào bình quân năm 2016 là 9.893 đồng/kg). Việc tăng giá vốn hàng bán năm 2017 cũng tương ứng với tỷ lệ tăng trưởng của doanh thu thuần bán hàng hoá.

- Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu là lãi vay ngân hàng phải trả cho các ngân hàng thương mại. Lãi vay được duy trì ổn định qua các năm, năm 2016 lãi vay là 45 tỷ đồng, năm 2017 giảm nhẹ còn 44 tỷ đồng và 9 tháng đầu năm 2018 đạt mức 30,048 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2017 (31,229 tỷ đồng).

- Chi phí bán hàng của Công ty bao gồm chi phí quảng cáo, hội nghị,... Năm 2016 là hơn 16,1 tỷ đồng, năm 2017 là hơn 36,2 tỷ đồng tương ứng tăng 124,19% so với năm 2016, và 9 tháng đầu năm 2018 là 30,528 tỷ đồng, bằng 84,19% cả năm 2017. Chi phí bán hàng tăng dần qua các năm là do công ty đẩy mạnh các chiến dịch quảng cáo sản phẩm công ty tới các hội chợ, các chương trình quảng cáo trên truyền hình, các sự kiện trong và ngoài nước, nhờ thế doanh thu đã tăng trưởng rất mạnh trong năm 2017 và 9 tháng đầu năm 2018.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty năm 2017 là gần 12,4 tỷ, tăng 64,51% so với năm 2016, 9 tháng đầu năm 2018 là 11,223 tỷ đồng tương ứng 90,54% so với năm 2017 và bằng 126,78% so với cùng kỳ năm 2017. Sự gia tăng khoản chi phí này chủ yếu là do tăng số lượng nhân viên và gia tăng chi phí lương cho công nhân viên của Công ty.

- Chi phí khác năm 2017 là 76.050.280 đồng, tăng 63.604.734 đồng so với năm 2016. Chi phí khác ở đây chủ yếu là phạt vi phạm hành chính của công ty. 9 tháng đầu



năm 2018, chi phí khác là 421.379.928 đồng, bằng 554% năm 2017, trong đó chủ yếu là chi từ thanh lý tài sản.

### **5.6. Trình độ công nghệ**

Để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường, công ty luôn luôn đổi mới, phát triển công nghệ giống lúa và thành phẩm gạo sạch nhằm tăng năng suất, mà vẫn đảm bảo chất lượng hương vị gạo sạch công nghệ cao. Bên cạnh đó, ở mảng sản xuất và thương mại, công ty vừa bổ sung thêm hệ thống dây chuyền sấy lúa, hứa hẹn sự đột biến về sản lượng đá trong thời gian sắp tới.

### **5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Công ty thiết lập Bộ phận quản lý chất lượng, để điều hành việc quản lý chất lượng trong toàn bộ hệ thống nhà kho và dây chuyền sấy lúa và cung ứng sản phẩm của Công ty. Bộ phận quản lý chất lượng của Công ty được tổ chức chặt chẽ, hoạt động có hệ thống, tuân thủ theo chính sách chất lượng của Công ty. Quá trình gieo trồng và thu mua cũng như xay xát và trà bóng, bảo quản, sấy khô, bán sản phẩm được kiểm soát nghiêm ngặt, quy trình sản xuất được tiêu chuẩn hoá. Cải tiến liên tục và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình là cốt lõi của hệ thống quản lý, giúp mang lại hiệu quả hoạt động cao cho Công ty và giúp giảm thiểu các chi phí phát sinh không hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực trong quá trình hoạt động.

### **5.8. Hoạt động Marketing**

Với mục tiêu đẩy mạnh doanh thu, CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An luôn có kế hoạch thúc đẩy kinh doanh nội địa bằng các chiến lược như: mở rộng thị trường, khẳng định thương hiệu, chiến lược phân phối sản phẩm và chiến lược xúc tiến khác. Cụ thể:

- **Chiến lược mở rộng thị trường:** Đánh giá mức độ thị trường cung ứng, các sản phẩm đã có mặt trên thị trường, nhu cầu những như giá cả để đánh giá. Trung An nhận thấy, muốn mở rộng được thị trường nội địa phân phối hay trên quốc tế, bản thân sản phẩm tạo ra phải có sự khác biệt, có công nghệ cao, khắc phục được nhược điểm và phát huy ưu điểm. Hơn thế nữa, những yếu tố tác động từ bên ngoài như giá cả hay





thương hiệu mạnh cạnh tranh nhau thì Trung An đã có đội thẩm định giá và so sánh cạnh tranh, để có thể có cái nhìn tổng quan về thị trường, nguồn cung đi các nơi. Cộng hưởng với việc đàm phán kết nối với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn để mở rộng uy tín cũng như thị trường:

- Tiêu chí đảm bảo mục tiêu lợi nhuận cho công ty
  - Đánh giá về khả năng đáp ứng yêu cầu sản phẩm
  - Đánh giá về khả năng đáp ứng về năng lực phân phối
  - Đánh giá về mặt tài chính thương mại
  - Đánh giá mức độ kết nối với các đối tác
  - Đánh giá về đối thủ cạnh tranh
- **Chiến lược phân phối sản phẩm:** Nâng cao khả năng nắm bắt và làm chủ thông tin thị trường bằng cách xây dựng đội ngũ chuyên làm nhiệm vụ quan hệ, hợp tác, tìm kiếm thông tin.

Mở rộng sản phẩm đến các thị trường mới, mở rộng thị phần trên các tỉnh lân cận ở miền Bắc và miền Trung. Tại chi nhánh, các cửa hàng, cần kết hợp nhiều với các đối tác muốn được làm tổng đại lý hay đại lý phân phối, để mở rộng tính thương mại.

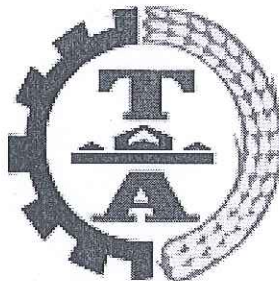
– **Chiến lược và chính sách xúc tiến:**

- Chính sách tăng cường quảng cáo: Sử dụng truyền thông để quảng cáo thương hiệu cho công ty. Thiết kế đồng phục có in logo, biểu tượng của công ty. Tham gia tài trợ cho chương trình được công chúng ủng hộ, các hội thảo, hội nghị,..
- Chiến lược xây dựng uy tín và thương hiệu cho công ty: Nâng cao trình độ cán bộ công nhân viên, tuyển thêm một số kỹ sư giỏi, có kinh nghiệm. Xây dựng đội ngũ kiểm tra chất lượng riêng, đề ra các mức khen thưởng cho người giám sát viên và công nhân, đồng thời đảm bảo tối đa chất lượng sản phẩm.



### 5.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo của Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An:



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ Công ty tính đến thời điểm hiện tại.

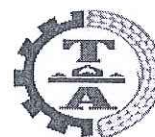
Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục đăng ký bản quyền nhãn hiệu thương mại.

### 5.10. Một số hợp đồng đã và đang thực hiện

**Bảng 7: Danh sách một số hợp đồng đã và đang thực hiện**

#### Hợp đồng xuất khẩu

| STT | HỢP ĐỒNG                         | TÊN KHÁCH HÀNG                    | THỜI GIAN THỰC HIỆN | GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG (USD) |
|-----|----------------------------------|-----------------------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | 001/TA-EK/2017<br>002/TA-EK/2017 | P.T.E.K Prima Ekspor<br>Indonesia | Năm 2017            | 64.373                 |
| 2   | ANA.009.17-<br>SLG               | Shenzhen LongGang                 | Năm 2017            | 255.000                |
| 3   | DOH005-<br>17YT03V               | Shenzhen Dragon Ocean             | Năm 2017            | 510.000                |
| 4   | 003/TA-EK/2017                   | P.T.E.K Prima Ekspor<br>Indonesia | Năm 2017            | 10.925                 |
| 5   | ANA.017.17 TA-<br>JJF            | Shenzhen Jia Jia Fu<br>Industries | Năm 2017            | 259.500                |
| 6   | BERNAS<br>068/2017               | Padiberas Nasional Berhad         | Năm 2017            | 486.450                |



| STT | HỢP ĐỒNG                    | TÊN KHÁCH HÀNG                             | THỜI GIAN THỰC HIỆN | GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG (USD) |
|-----|-----------------------------|--|---------------------|------------------------|
| 7   | BERNAS<br>065/2017          | Padiberas Nasional Berhad                  | Năm 2017            | 1.196.000              |
| 8   | 004/TA-EK/2017              | P.T.E.K Prima Ekspor<br>Indonesia          | Năm 2017            | 32.720                 |
| 9   | ANA.033.17TA –<br>ML        | FuJian Minliang Purchase                   | Năm 2017            | 540.000                |
| 10  | BERNAS<br>131/2017          | Padiberas Nasional Berhad                  | Năm 2017            | 99.360                 |
| 11  | SAI/RICE/005/20<br>17       | Sai commodities Limited                    | Năm 2017            | 63.401                 |
| 12  | BERNAS<br>265A/2017         | Padiberas Nasional Berhad                  | Năm 2017            | 448.500                |
| 13  | AHCOF-RICE-<br>1742         | Ahcof International<br>Development         | Năm 2017            | 225.000                |
| 14  | BERNAS<br>340/2017          | Padiberas Nasional Berhad                  | Năm 2017            | 246.100                |
| 15  | BERNAS 498                  | Padiberas Nasional Berhad                  | Năm 2018            | 309.120                |
| 16  | ANA.001.18 TA-<br>YH        | Foshan Fengkai Trading<br>Co., Ltd         | Năm 2018            | 267.400                |
| 17  | BERNAS 524                  | Padiberas Nasional Berhad                  | Năm 2018            | 467.130                |
| 18  | 01-ER-PTIV-64-<br>F-18      | Guangzhou Easy Rice                        | Năm 2018            | 253.000                |
| 19  | DM-<br>HTGL201801000<br>167 | China Resoures Ng Fung<br>Cereals Industry | Năm 2018            | 285.000                |
| 20  | 01/DGXY-<br>GFTA/18         | Dongguan Xiangyu Grain<br>And Oil Industry | Năm 2018            | 267.500                |
| 21  | PC18021                     | Shenzhen Longgang                          | Năm 2018            | 341.500                |
| 22  | DOH007-<br>18DF11V          | Shenzhen Dragon Ocean                      | Năm 2018            | 685.000                |



| STT | HỢP ĐỒNG              | TÊN KHÁCH HÀNG            | THỜI GIAN THỰC HIỆN | GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG (USD) |
|-----|-----------------------|---------------------------|---------------------|------------------------|
| 23  | ANA.026A.18<br>TA-GXH | Guangdong Xihe            | Năm 2018            | 347.814                |
| 24  | HTX015-<br>LUCIA30V   | Shenzhen Hong Tai         | Năm 2018            | 1.524.000              |
| 25  | BERNAS 250            | Padiberas Nasional Berhad | Năm 2018            | 276.920                |
| 26  | BERNAS 286            | Padiberas Nasional Berhad | Năm 2018            | 276.000                |
| 27  | 001/BL-TA/18          | Guangzhou City Baoliang   | Năm 2018            | 240.350                |
| 28  | 01/TA-<br>CCAN/082018 | Chaozhou Chaoan           | Năm 2018            | 228.500                |

**Hợp đồng trong nước**

| STT | HỢP ĐỒNG               | TÊN KHÁCH HÀNG   | THỜI GIAN THỰC HIỆN                   | GIÁ TRỊ (đồng)      |
|-----|------------------------|--|---------------------------------------|---------------------|
| 1   | 000028/2015-<br>AA-NHR | Công ty cổ phần siêu thị Vinmart<br>Công ty TNHH Đầu tư sản xuất phát triển nông nghiệp Vineco | Năm 2015 – 2019 (Hợp đồng tự gia hạn) | Hợp đồng nguyên tắc |
| 2   | 01/AKJ-<br>TA/2017     | Công ty TNHH ANGIMEX – KITOKU  | Năm 2017                              | 12.900.000.000      |
| 3   | 01/TA-<br>PT/2017      | Doanh nghiệp tư nhân Phú Trọng   | Năm 2017                              | 2.875.000.000       |
| 4   | 02/TA-<br>PT/2017      | Doanh nghiệp tư nhân Phú Trọng   | Năm 2017                              | 2.825.000.000       |
| 5   | 05/TA-<br>PT/2017      | Doanh nghiệp tư nhân Phú Trọng   | Năm 2017                              | 5.075.000.000       |
| 6   | 12042017               | Công ty TNHH xuất nhập khẩu Vimex  | Năm 2017                              | 1.444.724.000       |
| 7   | 06/TA-<br>PT/2017      | Doanh nghiệp tư nhân Phú Trọng   | Năm 2017                              | 3.220.000.000       |



| STT | HỢP ĐỒNG           | TÊN KHÁCH HÀNG                    | THỜI GIAN THỰC HIỆN | GIÁ TRỊ (đồng) |
|-----|--------------------|-----------------------------------|---------------------|----------------|
| 8   | 02/TA-HY/2017      | CTCP lương thực Hưng Yên          | Năm 2017            | 15.000.000.000 |
| 9   | 05/TA-HY/2017      | CTCP lương thực Hưng Yên          | Năm 2017            | 8.100.000.000  |
| 10  | 01/AKJ-TA/2018     | Công ty TNHH ANGIMEX – KITOKU     | Năm 2018            | 27.400.000.000 |
| 11  | 13052018           | Công ty TNHH xuất nhập khẩu Vimex | Năm 2018            | 2.220.000.000  |
| 12  | 048/2018.GA OTHINH | Cty CP TM-DV Gạo Thịnh            | Năm 2018            | 14.722.050.000 |
| 13  | 07032018           | Cty TNHH Xuất Nhập Khẩu Vimex     | Năm 2018            | 3.100.000.000  |
| 14  | 051/2018.GA OTHINH | Cty CP TM-DV Gạo Thịnh            | Năm 2018            | 6.281.932.500  |
| 15  | 01/AKJ-TA/2018     | Cty TNHH Angimex-Kitoku           | Năm 2018            | 27.400.000.000 |
| 16  | 03/AKJ-TA/2018     | Cty TNHH Angimex-Kitoku           | Năm 2018            | 26.800.000.000 |
| 17  | 056/2018.GA OTHINH | Cty CP TM-DV Gạo Thịnh            | Năm 2018            | 14.361.900.000 |
| 18  | 057/2018.GA OTHINH | Cty CP TM-DV Gạo Thịnh            | Năm 2018            | 13.483.842.000 |
| 19  | 083/2018.GA OTHINH | Cty CP TM-DV Gạo Thịnh            | Năm 2018            | 11.400.000.000 |
| 20  | 087/2018.GA OTHINH | Cty CP TM-DV Gạo Thịnh            | Năm 2018            | 14.850.000.000 |
| 21  | 132/2018.GA OTHINH | Cty CP TM-DV Gạo Thịnh            | Năm 2018            | 28.250.000.000 |
| 22  | 206/2018.GA OTHINH | CTCP thương mại dịch vụ Gạo Thịnh | Năm 2018            | 11.476.369.800 |

(Nguồn: Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An)



## 6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### 6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty

**Bảng 8: Kết quả hoạt động kinh doanh qua các thời kỳ**

Đơn vị: Nghìn đồng

| S<br>T<br>T | CHỈ TIÊU                                | NĂM 2016    | NĂM 2017      | % tăng<br>giảm<br>năm<br>2017 so<br>với năm<br>2016 | 9 tháng đầu<br>năm 2018 |
|-------------|---|-------------|---------------|---|-------------------------|
| 1           | Tổng giá trị tài sản                    | 933.859.889 | 1.060.594.286 | 13,57   | 1.158.048.788           |
| 2           | Vốn chủ sở hữu                          | 224.513.911 | 322.334.014   | 43,57   | 408.116.639             |
| 3           | Doanh thu thuần                         | 937.076.942 | 1.439.823.458 | 53,65   | 1.609.946.115           |
| 4           | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 14.789.926  | 17.708.462    | 19,73   | 24.332.664              |
| 5           | Lợi nhuận khác                          | 508.456     | 187.272       | -63,17  | (152.674)               |
| 6           | Lợi nhuận trước thuế                    | 15.298.382  | 17.895.735    | 16,98   | 24.179.989              |
| 7           | Lợi nhuận sau thuế                      | 12.238.706  | 14.277.102    | 16,66   | 19.325.625              |
| 8           | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức              | -           | -             | -   | -                       |
| 9           | LNST/VCSH bình quân                     | 5,45%       | 5,22%         | -   | 5,29%                   |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 3 năm 2018 của CTCP Nông nghiệp CNC Trung An)

Tổng giá trị tài sản của Công ty năm 2017 tăng 126.734.397 nghìn đồng so với năm 2016, tương ứng tỷ lệ 13,57%. Mức tăng trên chủ yếu tập trung ở các nguyên nhân sau: Thứ nhất, tài sản dở dang dài hạn năm 2017 tăng 71.125.108 nghìn đồng so với năm 2016, tương ứng mức tăng 124%, bởi năm 2017 Công ty tiếp tục xây dựng

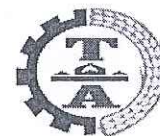


nhà máy sấy số 06 – Ấp Thạnh Lộc, Xã Thanh Phú, Huyện Cờ Đỏ, Tp. Cần Thơ và hệ thống silo chứa lúa – KV Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ để kịp thời đáp ứng cho nguồn cung cấp lúa từ các cánh đồng mẫu lớn của Công ty, và công ty tiếp tục xây dựng, cải tạo dự án cánh đồng mẫu lớn Kiên Giang. Thứ hai, hàng tồn kho năm 2017 tăng 120.762.397 nghìn đồng so với năm 2016, tương ứng mức tăng 34,46%, nguyên nhân chính là việc công ty đẩy mạnh tích trữ gạo nguyên liệu các loại để phục vụ cho công tác xuất khẩu đầu năm 2018. Bên cạnh đó một số khoản mục tài sản năm 2017 giảm so với năm 2016 là: tiền giảm 20 tỷ đồng, khoản phải thu ngắn hạn giảm 89 tỷ đồng.

Tổng tài sản 9 tháng đầu năm 2018 đạt 1.158 tỷ đồng, tăng thêm 97,45 tỷ đồng so với đầu năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu là do tăng hàng tồn kho tăng thêm 56,1 tỷ đồng, tiền và tương đương tiền tăng thêm 7,6 tỷ đồng, tài sản dở dang dài hạn tăng thêm 53,2 tỷ, bên cạnh đó các khoản phải thu ngắn hạn giảm 36,5 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu năm 2017 tăng 97,8 tỷ đồng so với năm 2016 do công ty phát hành tăng vốn, 2 cổ đông là Lê Thị Tuyết và Phạm Thái Bình góp vốn thêm 83,5 tỷ đồng bằng tài sản và bằng tiền, bên cạnh đó là lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt gần 14,3 tỷ đồng. Đến 30/9/2018, vốn chủ sở hữu công ty đạt hơn 408,1 tỷ đồng do 2 cổ đông Phạm Thái Bình, Lê Thị Tuyết góp vốn thêm 66,5 tỷ đồng bằng tiền mặt và lợi nhuận sau thuế đạt 19,3 tỷ đồng.

Doanh thu thuần năm 2017 đạt 1.439 tỷ đồng, tăng 53,65% so với doanh thu thuần 937,077 tỷ đồng của năm năm 2016. Nguyên nhân của sự tăng trưởng này là do sản lượng bán ra của năm 2017 tăng 45.453 tấn so với năm 2016 (sản lượng bán hàng năm 2017 là 131.832 tấn, sản lượng bán hàng năm 2016 là 86.379 tấn) và giá bán bình quân năm 2017 tăng 54 đồng/kg so với năm 2016 (giá bán bình quân năm 2017 là 10.900 đồng/kg, giá bán bình quân năm 2016 là 10.846 đồng/kg). Năm 2017, Công ty đẩy mạnh thị trường xuất khẩu gạo theo định hướng của ban Tổng giám đốc phù hợp với nhận định về diễn biến thị trường xuất khẩu gạo có nhiều diễn biến thuận lợi. Sang năm 2018, giá trị xuất khẩu được duy trì ở mức tương đương năm 2017 và Công



ty đẩy mạnh mảng phân phối nội địa nên 9 tháng đầu năm doanh thu thuần công ty đã đạt 1.609 tỷ đồng, bằng 112% tổng doanh thu thuần cả năm 2017.

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 14,277 tỷ đồng, tăng 16,66% so với năm 2016. 9 tháng đầu năm 2018 lợi nhuận sau thuế đạt 19,325 tỷ đồng, bằng 135% tổng lợi nhuận sau thuế cả năm 2017. Đây là kết quả có được nhờ sự tăng trưởng của doanh thu, doanh thu tăng đồng nghĩa với việc lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng theo. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận sau thuế 2017 tăng chậm hơn so với doanh thu thuần là do đơn giá thu mua đầu vào tăng bình quân 197 đồng/kg trong khi đó giá bán hàng hoá bình quân chỉ tăng 54 đồng/kg.

Lợi nhuận khác năm 2017 đạt hơn 187 triệu đồng, giảm hơn 321 triệu đồng so với năm 2016. Tại thời điểm 30/09/2018, lợi nhuận khác tiếp tục giảm đến mức - 152,6 triệu đồng. Đây là khoản bị lỗ do thanh lý một số thiết bị máy móc và chi cho xử phạt vi phạm hành chính.

## ***6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo***

### **❖ Những nhân tố khó khăn**

**Môi trường cạnh tranh:** Thị trường trong nước có nhiều mặt hàng nổi trội và xu hướng sử dụng hàng nhập khẩu tăng cao. Giá cả cạnh tranh cũng giao động trong biên độ nhỏ, nên khách hàng có xu hướng là sử dụng những mặt hàng có thương hiệu mạnh và nhập khẩu. Mặc dù năm 2017, các chỉ tiêu kế hoạch đều hoàn thành vượt mức, nhưng về lâu dài các doanh nghiệp ngành lương thực – gạo sạch cần có những bước chuyển mình phù hợp nhằm duy trì ổn định sản xuất, kinh doanh.

**Giá cả nguyên vật liệu:** Chi phí cho nguyên phụ liệu, vận chuyển, lương tối thiểu tăng cao dẫn đến giá thành sản phẩm tăng lên là nguyên nhân chủ yếu khiến giá bán sản phẩm tăng, làm giảm tính cạnh tranh của sản phẩm.

### **❖ Những nhân tố thuận lợi**

**Các chính sách:** Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho ngành xây dựng trong nước phát triển. Các chính sách về xuất khẩu gạo cũng rất cần có sự tham mưu, tham vấn từ các cơ quan nghiên cứu, các chuyên gia.





Sản xuất và tiêu thụ là các công đoạn liên tiếp của ngành hàng nông sản. Muốn duy trì sản xuất lương thực ổn định, đảm bảo an ninh lương thực lâu dài thì lượng lương thực sản xuất ra hàng năm cần được tiêu thụ hết cho nông dân với giá bán đảm bảo có thu nhập và lợi nhuận cân đối với các cây trồng khác trong nông nghiệp và các lĩnh vực sản xuất khác. Nhà nước có những chủ trương chính sách hỗ trợ lưu thông và xuất khẩu lương thực. Nhà nước xác định toàn quyền quản lý và khống chế khối lượng lương thực xuất khẩu bằng Quota xuất khẩu gạo hàng năm do Bộ Kế hoạch tính toán cân đối cung cầu để đề xuất với Chính phủ. Các doanh nghiệp được chỉ định và được giao chỉ tiêu hạn ngạch xuất khẩu gạo cụ thể từ đầu năm và có điều chỉnh khi cần thiết.

Về thị trường lương thực trong nước, để hạn chế tình trạng nơi thừa nơi thiếu lương thực, cụ thể là các miền núi cao và Tây Nguyên, Nhà nước chủ trương cho mở cửa tự do hoàn toàn. Chính sách mở cửa tự do lưu thông lương thực, bãi bỏ tình trạng ngăn sông cấm chợ. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia vào lưu thông phân phối lương thực, tạo ra mối liên kết giữa hộ nông dân sản xuất lúa với hộ tiêu thụ và người tiêu dùng, thúc đẩy mọi hoạt động của ngành hàng lúa gạo ở Việt Nam.

Miễn giảm thuế buôn bán lưu thông nông sản thị trường trong nước

Thực hiện chính sách cho phép tự do lưu thông, thiết lập hệ thống phân phối giao dịch mua bán lúa gạo trong cả nước.

Chính phủ Trung ương và địa phương thực hiện trợ cấp lương thực cho hộ nghèo, các vùng khó khăn, các vùng bị thiên tai.

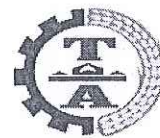
Chính sách giữ 4 triệu ha đất canh tác lúa để đáp ứng nhu cầu lương thực cho tăng dân số. Chính sách khuyến khích chuyển đổi diện tích lúa một vụ bắp bênh sang cây trồng con nuôi khác để nâng cao thu nhập trong vùng này.

Chính sách tạo điều kiện cho nông hộ ở vùng núi đa dạng hoá các hoạt động, mở rộng sản xuất hàng hoá nông sản không chỉ tập trung vào sản xuất lương thực, phát triển nông nghiệp sinh thái và các hoạt động phi nông nghiệp.

Lập kế hoạch cân đối giữa sản xuất và nhu cầu trong nước để dự kiến mức xuất khẩu gạo từ đầu năm và phân bổ cho các tỉnh sản xuất lớn.

Chính sách thưởng xuất khẩu nông sản, trong đó bao gồm xuất khẩu gạo.

**Nguồn lực con người:** Bộ máy lãnh đạo của Công ty đã dần dần được kiện toàn và cơ cấu lại các bộ phận từ trên xuống dưới tương đối đồng bộ, có đủ điều kiện để tiếp nhận và triển khai công việc một cách thuận lợi. Toàn thể CB - CNV trong Công ty đều tin tưởng, đồng sức, đồng lòng cùng với Ban lãnh đạo Công ty quyết tâm thực hiện các mục tiêu, kế hoạch SX- KD theo định hướng đề ra từ đầu năm. Với lợi



thể đó, Công ty hoàn toàn có đủ nội lực để phát triển một cách mạnh mẽ và bền vững trong những năm tới.

**Sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương:** Sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi của các cấp lãnh đạo, ban ngành địa phương nơi triển khai hoạt động thương mại dịch vụ là điều kiện quan trọng giúp doanh nghiệp thực hiện tốt chiến lược kinh doanh của mình, góp phần vào chiến lược phát triển kinh tế xã hội nói chung của địa phương.

## **7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **7.1. Vị thế của Công ty trong ngành**

Trong lĩnh vực xuất khẩu gạo và chế biến gạo sạch có rất nhiều doanh nghiệp cạnh tranh với nhau như: Công Ty Cổ Phần Hiệp Thanh; Công Ty Lương Thực Sông Hậu; Nhà Máy Chế Biến Gạo Xuất Khẩu Thốt Nốt-Cty Lương Thực Bạc Liêu; Tập đoàn Lộc Trời, Vinacam.....

Đặc biệt trong bối cảnh hội nhập hiện nay, công ty không những phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp ở trong nước mà còn phải cạnh tranh gay gắt với một số các doanh nghiệp nước ngoài như doanh nghiệp của Đài Loan, Ấn Độ, Campuchia, Thái Lan,... ngày càng đa dạng và chất lượng cao. Với việc đi tắt đón đầu, Công ty liên kết với những thương hiệu lớn, uy tín trên thế giới để nhập khẩu những trang thiết bị hiện đại đồng thời đào tạo công nhân viên. Vì vậy, sản phẩm của Công ty luôn tạo được niềm tin đối với khách hàng và ngày càng khẳng định vị thế vững chắc trong lĩnh vực xuất khẩu và chế biến gạo.

Mặc dù có khó khăn và cạnh tranh như vậy, nhưng Trung An luôn có điểm đặc trưng và nổi bật như:

Để phát triển bền vững chuỗi giá trị sản phẩm, lúa tươi thu hoạch tại các cánh đồng lớn do công ty đầu tư được chuyển vào máy sấy và bảo quản tại các silo có hệ thống thông gió làm lạnh. Do chủ động được nguồn nguyên liệu và để kiểm soát được chất lượng sản phẩm gạo. Công ty Trung An không mua lúa trôi nổi không rõ nguồn gốc ngoài thị trường;

Gạo không bị lẫn loại, không bị pha trộn (lúa giống cây xuống ruộng có độ thuần chủng 100%, không lẫn giống khác);

Hiện nay, Trung An đã vươn lên trở thành một trong những công ty đứng đầu ngành chế biến gạo sạch và xuất khẩu gạo. Hơn thế nữa, vị thế của công ty ngày càng vững



vàng và được các công ty, tập đoàn lớn trong nước như Vingoup, Tổng lương thực Miền Nam.....ký hợp đồng. Được sự tin tưởng của các đối tác, hệ thống phân phối siêu thị trải dài khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước.

## **7.2. Triễn vọng phát triển của ngành**

### **Ngành lương thực – gạo sạch:**

Với những ưu thế và điều kiện tự nhiên, sản xuất nông nghiệp là ngành có lợi thế ở Việt Nam. Trong những năm gần đây Việt Nam luôn quan tâm phát triển nền nông nghiệp hiện đại, cố gắng bắt kịp và thậm chí phát triển ngang tầm các nước có nền nông nghiệp hiện đại, tiên tiến trên thế giới.

Các ngành liên quan tới nông nghiệp nhiệt đới luôn được coi trọng và có nhiều triển vọng, đặc biệt là ngành sản xuất lúa gạo. Nhiều năm liền, Việt Nam đứng thứ hai trong số các quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới với kim ngạch lên đến hàng tỷ đôla mỗi năm. Song, Trung An nhận thấy ngành lúa gạo Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế về chất lượng, xuất khẩu gạo có sức cạnh tranh chưa cao, tổ chức sản xuất còn manh mún, liên kết sản xuất qui mô lớn, liên kết vùng chưa phổ biến; hệ thống sấy, bảo quản sau thu hoạch, công nghiệp chế biến lúa gạo chưa phát triển, còn yếu kém, hiệu quả chưa rõ rệt.

Được sự hỗ trợ của Chính phủ, Thủ tướng vừa phê duyệt đề án phát triển thương hiệu gạo Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với mục tiêu đưa gạo Việt Nam trở thành thương hiệu hàng đầu thế giới về chất lượng và an toàn thực phẩm. Trung An đã nhanh chóng bắt kịp với xu thế, chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng, đến năm 2030, phấn đấu đạt 50% sản lượng gạo xuất khẩu mang thương hiệu gạo Việt Nam, trong đó 30% tổng sản lượng gạo xuất khẩu là nhóm gạo thơm và gạo đặc sản.

Cùng với xu thế đó, Trung An ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất lúa gạo, đem đến chất lượng thành phẩm đạt chất lượng tối ưu nhất tới thị trường quốc tế. Điều này đòi hỏi Trung An phải tổ chức sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị khép kín, tham gia với nông dân từ canh tác, sản xuất cho đến tiêu thụ và xuất khẩu. Tiếp theo đó, các doanh nghiệp cần nhân rộng mô hình hiệu quả và tạo ra liên kết chuyên giao kỹ thuật cho cả vùng để tạo ra quy mô lớn và bền vững.



**Bảng 9: So sánh một số doanh nghiệp cùng ngành nghề**

*Đơn vị: triệu đồng*

| STT | Công ty   | MCK | Vốn điều<br>lệ thực<br>góp | Tổng tài<br>sản | Doanh thu<br>thuần | Lợi nhuận<br>sau thuế |
|-----|---|-----|----------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------|
| 1   | CTCP nông<br>nghiệp công<br>nghệ cao Trung<br>An            | TAR | 283.543                    | 1.060.594       | 1.439.898          | 14.277                |
| 2   | CTCP xuất<br>nhập khẩu<br>nông sản thực<br>phẩm An<br>Giang | AFX | 350.000                    | 403.651         | 897.256            | 23.088                |
| 3   | CTCP xuất<br>nhập khẩu<br>Kiên Giang                        | KGM | 254.300                    | 1.054.103       | 3.197.058          | 30.431                |
| 4   | CTCP lương<br>thực Bình Định                                | BLT | 40.000                     | 186.918         | 615.996            | 12.456                |

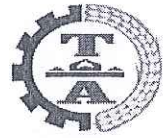
*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 các Công ty)*

### **7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Mục tiêu chiến lược phát triển công ty trong giai đoạn 2016 – 2020 là xây dựng Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An trở thành Công ty có trữ lượng gạo sạch và xuất khẩu gạo sạch lớn nhất cả nước. Xây dựng thương hiệu gạo sạch Trung An chế biến theo công nghệ cao.

Phát triển bền vững, hiệu quả trên cơ sở công nghệ hiện đại, hệ thống quản lý chất lượng, quản lý lao động, quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế...

Với tầm nhìn xa trong hoạt động xây dựng và thương mại, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.



Lúa từ các cánh đồng được đưa về nhà máy Trung An để rồi hạt gạo từ đây đi khắp nơi và lộ trình xây dựng thương hiệu gạo Trung An đã được chuẩn bị từ giai đoạn này cùng với việc mở rộng sản xuất, đầu tư trang thiết bị dây chuyền tự động hóa để nâng cao chất lượng gạo. Cánh đồng 800 ha ở Hòn Đất được sản xuất lúa theo quy trình tiêu chuẩn sạch Global Gap và quy trình tiêu chuẩn hữu cơ Organic với sự kiểm soát và cấp giấy chứng nhận quốc tế Bureau Veritas và Biocert khi gieo cấy đến khi thu hoạch.

Đặc biệt hơn, Trung An không sử dụng thuốc khử trùng khi xay xát, chế biến gạo. Hiện nay trên thị trường có nhiều doanh nghiệp vì lợi ích trước mắt đã sử dụng những tạp chất để khử trùng, trà bóng gạo để gạo có màu trắng và mùi vị thơm. Trung An cam kết hoàn toàn 100% sản phẩm tươi từ cánh đồng về đến nhà máy và đến tay người tiêu dùng là sản phẩm hữu cơ, không có thuốc kích thích tăng trưởng khi trồng lúa, không có dư lượng thuốc bảo vệ thực vật khi thu hoạch, và không có thuốc bảo quản và đóng gói.

## 8. Chính sách đối với người lao động

### 8.1. Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến ngày 30/09/2018, Công ty Cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Trung An hiện có 315 lao động.

**Bảng 10: Tình hình lao động của Công ty**

| Tiêu chí                                    | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 30/09/2018 |
|---|------------|------------|------------|
| Số lượng nhân viên                          | 283        | 307        | 315        |
| <b>I. Phân theo trình độ học vấn</b>        |            |            |            |
| 1. Trình độ đại học và trên đại học         | 5          | 5          | 10         |
| 2. Trình độ cao đẳng, trung cấp             | 48         | 34         | 38         |
| 3. Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông | 229        | 268        | 267        |



| Tiêu chí                                      | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 30/09/2018 |
|---|------------|------------|------------|
| <b>II. Phân theo thời hạn</b>                 |            |            |            |
| 1. LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ (GD, PGD, KTT) | 2          | 2          | 2          |
| 2. Hợp đồng dài hạn                           | 80         | 67         | 75         |
| 3. Hợp đồng ngắn hạn                          | 201        | 238        | 238        |

(Nguồn: Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Trung An)

## 8.2. Chính sách đối với người lao động

### ❖ Chế độ làm việc

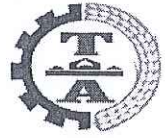
Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 2h. Thực hiện nghỉ vào ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

**Điều kiện làm việc:** Văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

### ❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo

**Tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

**Đào tạo:** Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:



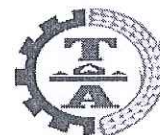
- Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.
- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa học trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

❖ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

**Chính sách lương:** Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc, năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty và hàng tháng được chi trả một lần vào thời gian từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

**Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng Quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Bảo hiểm và phúc lợi:** Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán



bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

## 9. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Năm 2016 và 2017, Công ty không thực hiện trả cổ tức cho các cổ đông để tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất – kinh doanh. Mức cổ tức dự kiến cho năm 2018 là 6,0% và năm 2019 là 8,0%.

## 10. Tình hình tài chính

### 10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

#### *Trích khấu hao TSCĐ*

- Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Cụ thể:

| LOẠI TÀI SẢN              | THỜI GIAN   |
|---------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc    | 04 – 23 năm |
| Phương tiện vận tải       | 04 – 07 năm |
| Máy móc, thiết bị         | 03 – 15 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 – 10 năm |





*Mức lương bình quân:*

Công ty xét lương dựa trên lương cơ bản và lương theo hiệu quả kinh doanh của các nhân viên khác nhau, tính chung thì mức lương bình quân của cán bộ nhân viên công ty như sau:

- Lương bình quân năm 2017 của công nhân: 7.000.000 đồng/tháng.
- Lương bình quân năm 2017 của khối hành chính: 9.000.000 đồng/tháng.

***Đánh giá mức lương của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành:***

So với các doanh nghiệp cùng ngành nghề như CTCP xuất nhập khẩu Kiên Giang, (theo báo cáo thường niên) thì lương trung bình cuối năm 2017 đạt 8.101.000 đồng/1 người, Tổng công ty thương mại Hà Nội cuối năm 2017 trả lương bình quân 8.766.109 đồng/người (theo bản công bố thông tin của Tổng công ty thương mại Hà Nội). Như vậy, mức lương bình quân của Trung An là tương đương với các doanh nghiệp cùng ngành nghề.

*Thanh toán các khoản nợ đến hạn*

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản vay nợ, hiện tại công ty không có nợ quá hạn.

*Các khoản phải nộp theo luật định*

Các khoản phải nộp ngân sách nhà nước luôn được Công ty nộp đầy đủ và nghiêm túc theo quy định của Nhà nước

**Bảng 11: Các loại thuế của Công ty**

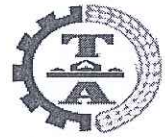
*Đơn vị tính: nghìn đồng*

| CHỈ TIÊU                   | 31/12/2016       | 31/12/2017       | 30/09/2018       |
|----------------------------|------------------|------------------|------------------|
| Thuế GTGT                  | -                | -                | -                |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.735.956        | 3.476.994        | 7.331.357        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | -                | -                | -                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b>2.735.956</b> | <b>3.476.994</b> | <b>7.331.357</b> |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 3 năm 2018 của CTCP Nông nghiệp CNC Trung An)*

*Trích lập các quỹ theo luật định:*

Việc trích lập các quỹ của Công ty được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản luật hiện hành.



Tổng dư nợ vay

**Bảng 12: Các khoản vay của Công ty**

Đơn vị tính: Nghìn đồng

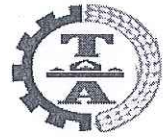
| CHỈ TIÊU        | 31/12/2016         | 31/12/2017         | 30/09/2018         |
|-----------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| Vay ngắn hạn    | 637.284.950        | 639.457.217        | 598.864.100        |
| Vay dài hạn     | 56.483.612         | 46.998.006         | 46.893.445         |
| <b>TỔNG VAY</b> | <b>693.768.562</b> | <b>686.455.223</b> | <b>645.757.545</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 3 năm 2018 của CTCP Nông nghiệp CNC Trung An)

Tại thời điểm 30/9/2018, chi tiết một số khoản vay lớn của Công ty như sau:

➤ **Vay ngắn hạn**

- Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB) – chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng tín dụng từng lần ngắn hạn, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Giá trị khoản vay là: 218.622.339.328 tỷ đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp tài sản theo các hợp đồng tài sản gắn liền với đất số 01/2017/VCBCT ngày 11/01/2017, 02/2017/VCBCT ngày 12/01/2017, 19/2017/VCBCT ngày 28/04/2017, 20/2017/VCBCT ngày 28/04/2017, 21/2017/VCBCT ngày 28/04/2017 và 15/DN/BD/2018 ngày 05/06/2018. Mục đích là bổ sung vốn lưu động. Số dư vay nợ đến ngày 30/09/2018 bao gồm: 187.578.442.500 VND và 1.346.000 USD tương đương 31.043.896.828 VND.
- Vay Ngân hàng TMCP Công Thương VN (VTB) - CN Cần Thơ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 247/2017-HĐCVHM/NHCT820-CTY CTY CP NN CNC TRUNG AN ngày 18/10/2017, hạn mức tín dụng là 250 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ 18/10/2017 đến 09/10/2018, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp tài sản theo các hợp đồng tài sản số 13.75.NT52A ngày 29/10/2013, 13.75.NT52B1 ngày 29/10/2013, 13.75.NT52B2 ngày 29/10/2013, 13.75.NT52B3 ngày 29/10/2013, 13.75.NT52C ngày 29/10/2013, 13.75.NT52D1 ngày 29/10/2013, 13.75.NT52D2 ngày 29/10/2013, 13.75.NT52E1 ngày 29/10/2013, 13.75.NT52F ngày 29/10/2013, 13.75.NT52G ngày 29/10/2013, 13.75.NT52H ngày 29/10/2013, 15.75.NT27 ngày 27/02/2015, 15.75.KHDN.01 ngày 26/03/2015 và hợp đồng thế chấp bất động sản số 387/KHDN/2016 ngày 19/12/2016. Mục đích bổ sung vốn lưu động.



Số dư nợ vay đến ngày 30/09/2018 bao gồm: 169.766.893.300 VND và 3.061.790 USD tương đương với 70.820.581.140 VND.

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển VN (BIDV) - CN Đồng bằng sông Cửu Long theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 53/2017/7613578/HĐTD ngày 22/11/2017 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 53A/2018/7613578/HĐTD ngày 30/05/2018, hạn mức tín dụng là 130 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp tài sản theo các hợp đồng tài sản số 53/2017/7613578/HĐTC ngày 05/01/2018 Mục đích bổ sung vốn lưu động. Số dư nợ vay đến ngày 30/09/2018 bao gồm: 105.822.675.400 VND và 196.600 USD tương đương với 4.572.916.000 VNĐ.

- Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (TCB) theo 2 hợp đồng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số CTO20180140/HĐTD ngày 16/04/2018, số tiền vay là 416.028 USD, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 2,62%/năm, mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi số CTO20180006/TGKH/TCB ngày 16/04/2018 với giá trị 10.000.000.000 VND. Số dư nợ vay tại ngày 30/09/2018 là 416.028 USD tương đương 9.535.361.760 VND.

+ Hợp đồng tín dụng số CTO20180147/HĐTD ngày 23/04/2018, số tiền vay là 416.210 USD, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất 2,62%/năm, mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi số CTO20180007/TGKH/TCB ngày 24/04/2018 với giá trị 10.000.000.000 VND. Số dư nợ vay tại ngày 30/09/2018 là 416.210 USD tương đương 9.539.533.200 VND

#### ➤ Vay dài hạn

- Vay Ngân hàng TMCP Công Thương VN (VTB) - CN Cần Thơ theo theo 3 hợp đồng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 57/2017-HĐTDDA/NHCT ngày 07/03/2017, số tiền vay: 12.698.175.000 VND, thời hạn vay: 84 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp số 333/KHDN/2016 ngày 17/10/2016 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp động sản ngày 06/03/2017. Mục đích dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án: đầu tư lắp đặt hệ thống silo chứa lúa.

+ Hợp đồng tín dụng số 035/2015-HĐTDDA/NHCT820- CTY TNHH TRUNG AN ngày 20/08/2015, số tiền vay: 48.000.000.000 VND, thời hạn vay: 84 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo hợp



đồng thế chấp số 033/KHDN/2015 ngày 13/08/2015, 034/KHDN/2015 ngày 13/08/2015, 036/KHDN/2015 ngày 13/08/2015, 037/KHDN/2015 ngày 13/08/2015. Mục đích dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án: tài trợ toàn bộ giá trị máy móc thiết bị của dự án và một phần chi phí xây dựng.

+ Hợp đồng tín dụng số 07/2018-HĐTDDA/NHCT820- CTY TNHH TRUNG AN ngày 30/01/2018 và văn bản sửa đổi bổ sung ngày 28/05/2018, hạn mức cho vay: 3.500.000.000 VND, thời hạn vay: 74 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp số 42/2018/HĐBĐ/NHCT820/CÔNG TY CP NN CNC TRUNG AN ngày 28/05/2018.. Mục đích dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án mua 10 sành thông gió hoàn toàn cho dây Silo.

Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam tại thời điểm 30/09/2018 là 38.679.732.480 VNĐ trong đó nợ vay đến hạn trả là 8.229.200.000 VNĐ.

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển VN (BIDV) - CN Đồng bằng sông Cửu Long theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số DD.8001.14/HĐTĐ ngày 09/01/2014 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 001/2018/7613578/HĐTĐ ngày 30/05/2018, số tiền vay: 22.000.000.000 VND, thời hạn vay: 108 tháng, lãi suất 11%/năm tại ngày ký và thả nổi kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là toàn bộ dây chuyền sấy lúa theo hợp đồng kinh tế số 122/2013/BVN ngày 02/11/2013 và toàn bộ nhà máy nơi lắp đặt dây chuyền sấy lúa theo hợp đồng thi công xây dựng ngày 11/11/2013. Số dư nợ vay đến ngày 30/09/2018 là 8.609.470.300 VND (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 1.900.000.000 VND). Mục đích dùng để thanh toán tiền lắp đặt dây chuyền sấy lúa theo hợp đồng kinh tế số 122/2013/BVN ngày 02/11/2013.

- Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPB) - CN Cần Thơ theo Hợp đồng cho vay số 233/2018/HĐTĐ ngày 29/03/2018, số tiền vay: 273.000.000 VND, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 233/2018/HĐBĐ/CTO01 ngày 29/03/2018. Số dư nợ vay đến ngày 30/09/2018 là 245.700.000 VND (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 54.600.000 VND). Mục đích dùng để thanh toán tiền mua xe ô tô nhu cầu vận chuyển nội bộ theo hợp đồng mua bán số 0042/2018/HĐMB-CNCT ngày 17/03/2018.



Các khoản đầu tư dài hạn

**Bảng 13: Các khoản đầu tư dài hạn**

Đơn vị: nghìn đồng

| STT               | CHỈ TIÊU  | 31/12/2016        | 31/12/2017        | 30/09/2018        |
|-------------------|---|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1                 | Đầu tư vào công ty con                              | -                 | -                 | -                 |
| 2                 | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết             | 34.267.679        | 34.797.679        | 34.797.679        |
| 2.1               | Công ty TNHH Kiên Dững                              | 20.050.000        | -                 | -                 |
| 2.2               | Công ty TNHH Novatech Trung Hưng                    | 9.352.000         | 9.352.000         | 9.352.000         |
| 2.3               | Công ty TNHH SX chế biến kinh doanh XK gạo Việt Đức | 4.865.679         | 4.865.679         | 4.865.679         |
| 2.4               | CTCP nông nghiệp công nghệ cao Trung An Kiên Giang  | -                 | 20.580.000        | 20.580.000        |
| 3                 | Đầu tư dài hạn khác                                 | -                 | -                 | -                 |
| 4                 | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn          | (162.379)         | (169.911)         | (170.758)         |
| <b>TỔNG CỘNG:</b> |   | <b>34.105.300</b> | <b>34.627.768</b> | <b>34.626.921</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017 và BCTC Quý 3/2018 của CTCP NN CNC Trung An)

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm 30/09/2018

- Công ty TNHH Kiên Dững được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 13 tháng 01 năm 2005 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp với mã số doanh nghiệp 1700457354. Công ty Kiên Dững hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, sở hữu cánh đồng mẫu lớn tại Kiên Giang. Thực hiện chỉ đạo chung của Chính phủ về việc đầu tư cánh đồng mẫu lớn, năm 2015 Công ty đã liên kết mua 47% cổ phần của Công ty Kiên Dững tương ứng số vốn góp 20.050.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong thời gian hoạt động Công ty Kiên Dững không cho thấy tiềm năng phát triển cánh đồng mẫu lớn, tiến độ hoạt động theo cam kết không đảm bảo, không mang lại hiệu quả đầu tư nên Công ty đã thu hồi toàn bộ giá trị khoản đầu tư vào ngày 22/12/2017, giá trị thu hồi khoản đầu tư là 20.050.000.000 đồng, bằng với giá gốc đầu tư.

- Khoản đầu tư 9.352.000 nghìn đồng cho Công ty TNHH Novatech – Trung Hưng. Mục đích đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất ván ép cao cấp từ nguyên liệu trấu, với quy mô 15.000 tấn/năm.



- Khoản đầu tư 4.865.679 nghìn đồng cho Công ty TNHH Sản xuất Chế biến Kinh doanh Xuất khẩu gạo Việt Đức. Mục đích sản xuất, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu gạo để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu theo lộ trình quy định tại Quyết định 10/2007/QĐ – BTM của Bộ Thương Mại (nay là Bộ Công Thương) ngày 21 tháng 05 năm 2007.

- Khoản đầu tư 20.580.000 nghìn đồng cho Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Trung An Kiên Giang được thực hiện vào tháng 12 năm 2017 sau khi nhận thấy việc đầu tư vào công ty TNHH Kiên Dũng không đem lại hiệu quả như mong muốn. Công ty Trung An Kiên Giang hiện tại đang sở hữu dự án Vùng lúa chất lượng cao xuất khẩu gắn với xây dựng cánh đồng lớn, diện tích dự án là 800,35 ha với tổng mức đầu tư 386 tỷ đồng. Tại thời điểm 30/9/2018, vốn điều lệ Công ty Trung An Kiên Giang là 42 tỷ đồng, Công ty Trung An góp vốn 49% tương ứng với số tiền là 20.580.000.000 đồng.

*Tình hình công nợ hiện nay*

**Bảng 14 : Các khoản phải thu của Công ty**

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

| CHỈ TIÊU                | 31/12/2016         | 31/12/2017         | 30/09/2018         |
|-------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| Phải thu khách hàng     | 74.350.649         | 79.936.455         | 30.923.620         |
| Trả trước cho người bán | 172.091.309        | 126.320.085        | 135.085.360        |
| Phải thu khác           | 77.051.546         | 28.290.946         | 32.028.501         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>        | <b>323.493.505</b> | <b>234.547.486</b> | <b>198.037.481</b> |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 3 năm 2018 của CTCP Nông nghiệp CNC Trung An)*

**Phải thu khách hàng:** khoản phải thu tiền bán gạo cho các khách hàng. Thời hạn thanh toán các khoản phải thu đối với khách hàng là 3-6 tháng. Cuối năm 2017, giá trị phải thu khách hàng là 79,936 tỷ, tăng 7,5% so với năm 2016. Tốc độ tăng khoản phải thu ít hơn so với tốc độ tăng trưởng doanh thu cho thấy tín hiệu khả quan đối với khả năng thanh toán của các khách hàng. Đến 30/09/2018, phải thu khách hàng chỉ là 30,923 tỷ đồng, bằng 38,68% phải thu khách hàng của cả năm 2017, trong đó công nợ chủ yếu đến từ các khách hàng xuất khẩu như: Padiberas Nasional Berhad, Shenzhen City Flourishing, Agriculture Science And, Technology Development Co., Ltd, Xiamen Convergence And Harvest Industry Co., Ltd.



**Trả trước cho người bán:** Khoản trả trước cho người bán là khoản tiền thanh toán trước cho nhà cung cấp phục vụ mục đích đầu tư 3 dự án của Công ty gồm đầu tư xilo, nhà máy số 6. Ngoài ra, để đáp ứng nguyên vật liệu đầu vào ổn định Công ty ứng trước cho các thương lái thu mua lúa gạo. Thời hạn đối với các khoản trả trước này là khi nào kết thúc đầu tư dự án và vụ mùa sau khi thu hoạch. Trả trước cho người bán năm 2017 đạt 126,32 tỷ đồng, bằng 73,4% so với năm 2016. Đến thời điểm 30/9/2018, công ty đã trả trước cho người bán là 135,085 tỷ đồng, bằng 106,93% so với cả năm 2017. Nguyên nhân là năm 2018 công ty tăng mạnh doanh thu nên cần đáp ứng nguyên vật liệu đầu vào nhiều hơn, ổn định hơn nên công ty đã ứng trước để đối tác cung cấp kịp thời, đảm bảo chất lượng.

**Phải thu khác:** Là các khoản phải thu từ hoạt động liên kết cánh đồng lớn với các hộ nông dân tại Cờ đỏ, Kiên Giang với Công ty theo chủ trương của Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ. Sau khi áp dụng có hiệu quả và thành công tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long, ngày 5/7/2018 Chính phủ đã ban hành nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp để hỗ trợ hoạt động liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp. Hoạt động này là hoạt động Công ty sẽ ứng trước tiền phân, thuốc, lúa giống cho các hộ nông dân, hợp tác xã có cánh đồng lớn đảm bảo nguyên vật liệu để sản xuất, và các hộ nông dân, hợp tác xã liên kết phải sản xuất lúa về số lượng cũng như chất lượng theo yêu cầu của doanh nghiệp phục vụ mục đích xuất khẩu, cũng như tiêu thụ trong nước. Đến thời điểm 30/09/2018, khoản phải thu khác của công ty đạt 32,028 tỷ đồng, tăng 13% so với cả năm 2017. Nguyên nhân là do doanh thu tăng mạnh nên công ty đẩy mạnh liên kết với các hộ nông dân, hợp tác xã, khoản phải thu từ hoạt động liên kết này cũng tăng lên.

**Bảng 15: Các khoản phải trả của Công ty**

*Đơn vị: Nghìn đồng*

| CHỈ TIÊU                          | 31/12/2016         | 31/12/2017         | 30/09/2018         |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                | <b>652.862.365</b> | <b>691.262.266</b> | <b>703.038.703</b> |
| Phải trả người bán                | 3.581.472          | 17.572.332         | 31.699.293         |
| Người mua trả tiền trước          | 6.993.604          | 29.574.942         | 64.055.966         |
| Thuế và khoản phải nộp Nhà nước   | 2.735.956          | 3.476.994          | 7.331.358          |
| Chi phí phải trả                  | 877.383            | 1.180.780          | 957.524            |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 1.389.000          | -                  | 130.462            |



| CHỈ TIÊU           | 31/12/2016         | 31/12/2017         | 30/09/2018         |
|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| Vay và nợ ngắn hạn | 637.284.950        | 639.457.218        | 598.864.100        |
| <b>Nợ dài hạn</b>  | <b>56.483.612</b>  | <b>46.998.006</b>  | <b>46.893.445</b>  |
| Vay và nợ dài hạn  | 56.483.612         | 46.998.006         | 46.893.445         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>709.345.977</b> | <b>738.260.272</b> | <b>749.932.148</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017 và BCTC Quý 3/2018 của CTCP NN CNC Trung An)

**Phải trả người bán** năm 2017 tăng 13,990 tỷ đồng so với năm 2016 tương ứng tỷ lệ 390,65%. Nhìn chung, tỷ lệ tăng của phải trả người bán năm 2017 tăng cao so với năm 2016, tuy nhiên số thực tế tăng không đáng kể so với sự tăng trưởng của doanh thu. Khi đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của Công ty đồng nghĩa với việc phải trả người bán tăng. Tại thời điểm 30/09/2018, phải trả người bán đạt 31,699 tỷ, bằng 180% so với cả năm 2017, nguyên nhân là doanh thu 9 tháng đầu năm 2018 đã tăng trưởng mạnh mẽ so với cả năm 2017.

**Người mua trả tiền trước** năm 2017 tăng 22,581 tỷ đồng so với năm 2016, tương ứng với tỷ lệ 322,89%. Chỉ tiêu này phản ánh số tiền các khách hàng trả trước cho Công ty. Hay nói cách khác, chỉ tiêu này phản ánh giá trị hàng bán của một số khách hàng thân thiết trong những tháng đầu năm 2018. Chỉ tiêu này tăng đồng nghĩa với việc Công ty đã tạo uy tín lớn với khách hàng. Hay nói cách khác, chỉ tiêu này càng cao thì uy tín của Công ty càng lớn. Tại thời điểm 30/09/2018, người mua trả tiền trước đạt 64,055 tỷ đồng, bằng 216% cả năm 2017. Đây là tín hiệu khả quan cho Trung An.

*Hàng tồn kho*

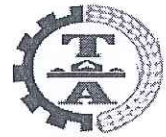
**Bảng 16 : Hàng tồn kho của Công ty**

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

| CHỈ TIÊU                            | 31/12/2016         | 31/12/2017         | 30/09/2018         |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu               | 175.889.198        | 257.424.509        | 304.930.763        |
| Công cụ, dụng cụ                    | 573.875            | 496.103            | 841.305            |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | -                  | 16.426.736         | 7.938.502          |
| Thành phẩm                          | 9.689.740          | -                  | 38.133.370         |
| Hàng hóa                            | 145.037.016        | 122.179.172        | 156.222.687        |
| Hàng gửi bán                        | -                  | 55.425.705         | -                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    | <b>331.189.829</b> | <b>451.952.225</b> | <b>508.066.627</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017 và BCTC Quý 3/2018 của CTCP NN CNC Trung An)





Số dư hàng tồn kho năm 2017 tăng 120,762 tỷ đồng so với số dư hàng tồn kho năm 2016 tương ứng với tỷ lệ 36,46%. Nguyên nhân của việc hàng tồn kho tăng là do năm 2017, Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, việc dự trữ hàng tồn kho đảm bảo mục đích bán hàng tăng lên của Công ty. Do đặc thù ngành gạo, một năm có từ 2-3 vụ lúa, nên các doanh nghiệp nông nghiệp cần phải thu mua đảm bảo luôn đủ nguồn cung cho khách hàng. Tại thời điểm 30/09/2018, số dư hàng tồn kho đạt 508,066 tỷ đồng, bằng 112,41% giá trị hàng tồn kho cả năm 2017. Nguyên nhân là do công ty đẩy mạnh doanh thu xuất khẩu và cả bán nội địa nên lượng dự trữ hàng hoá, nguyên vật liệu tăng theo.

**Dự phòng hàng tồn kho:** Công ty không trích dự phòng hàng tồn kho là do công ty có kho dự trữ, bảo quản hàng hoá công nghệ cao, tỷ lệ thất thoát, hư hỏng hàng hoá là rất thấp. Ngoài ra, lượng hàng hoá bị hư hỏng đều được công ty mang trở lại xử lý đánh bóng lại, cùng các quy trình kỹ thuật khác để đảm bảo sản phẩm đáp ứng được chất lượng.

## 10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 17: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

| Các chỉ tiêu  | Năm 2017 | Năm 2016 |
|---|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (Lần)            |          |          |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn                         | 1,02     | 1,06     |
| TSLĐ/Nợ ngắn hạn                                    |          |          |
| + Hệ số thanh toán nhanh                            | 0,36     | 0,55     |
| TSLĐ – Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn                     |          |          |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)                     |          |          |
| + Hệ số nợ/ Tổng tài sản                            | 0,7      | 0,76     |
| + Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu                          | 2,29     | 3,16     |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)             |          |          |
| + Vòng quay hàng tồn kho                            |          |          |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân             | 3,40     | 2,58     |
| + Vòng quay tổng tài sản                            |          |          |
| Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân             | 1,44     | 1,00     |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)                |          |          |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần          | 1        | 1,31     |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | 5,22     | 5,45     |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân   | 1,43     | 1,31     |
| + Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần           | 1,23     | 1,58     |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty)



## 11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

### 11.1. Danh sách

#### ➤ Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên           | Chức danh trong HĐQT | Ghi chú                        |
|-----|---------------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Lê Thị Tuyết        | Chủ tịch             |                                |
| 2   | Phạm Thái Bình      | Phó chủ tịch         | PCT HĐQT kiêm Tổng Giám đốc    |
| 3   | Lư Lệ Trân          | Ủy viên              | TV HĐQT không điều hành        |
| 4   | Phạm Lê Khánh Huyền | Ủy viên              | TV HĐQT kiêm Kế toán trưởng    |
| 5   | Phạm Lê Khánh Hân   | Ủy viên              | TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| 6   | Nguyễn Lê Bảo Trang | Ủy viên              | TV HĐQT không điều hành        |

#### ➤ Ban Giám đốc

| STT | Họ và tên         | Chức vụ            |
|-----|-------------------|--------------------|
| 1   | Phạm Thái Bình    | Tổng giám đốc      |
| 2   | Phạm Lê Khánh Hân | Phó Tổng giám đốc. |

#### ➤ Ban Kiểm soát

| STT | HỌ TÊN            | CHỨC VỤ     |
|-----|-------------------|-------------|
| 1   | Phạm Trần Thùy An | Trưởng BKS  |
| 2   | Võ Thị Ngọc Mai   | Ủy viên BKS |
| 3   | Phạm Tam Tiến     | Ủy viên BKS |

#### ➤ Kế toán trưởng

| STT | Họ và tên           | Chức vụ        |
|-----|---------------------|----------------|
| 1   | Phạm Lê Khánh Huyền | Kế toán trưởng |



## 11.2. Sơ yếu lý lịch

### ➤ Hội đồng quản trị

| <i>a. Chủ tịch HĐQT</i>  | <i>Bà: LÊ THỊ TUYẾT</i>  |
|--|--|
| <i>Ngày tháng năm sinh:</i>  | 01/04/1956   |
| <i>Số CMTND:</i>   | 360489926, ngày cấp: 09/04/2004, nơi cấp: CA Cần Thơ                 |
| <i>Quốc tịch:</i>  | Việt Nam   |
| <i>Dân tộc:</i>  | Kinh   |
| <i>Quê quán:</i>   | Trung Nhứt, Thốt Nốt, TP. Cần Thơ                                    |
| <i>Địa chỉ thường trú:</i>   | 2A1, Võ Thị Sáu, P. An Hội, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ                |
| <i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>   | 07103 857336   |
| <i>Trình độ văn hóa:</i>   | 12/12  |
| <i>Trình độ chuyên môn:</i>  | Trung cấp quản lý kinh tế  |
| <i>Quá trình công tác:</i>   |  |
| 1976-1996  | Đại lý thu mua, vận chuyển lúa gạo                                   |
| 1996-2015  | Chủ tịch hội đồng thành viên Công ty TNHH Trung An                   |
| 12/2015 - nay:   | <b>Chủ tịch HĐQT</b> – Công ty CP nông nghiệp công nghệ cao Trung An |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết  | Chủ tịch HĐQT  |
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác  | Không  |
| <i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>  | Không  |
| <i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>   | Không  |
| <i>Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết</i> |  |
| <i>Sở hữu cá nhân:</i>   | 8.800.000 cổ phần, chiếm 25,14% số cổ phần.                          |
| <i>Sở hữu đại diện cổ phần:</i>  | Không có   |



|   |   |                                 |                  |
|---|---|---------------------------------|------------------|
| <i>Sở hữu của người liên quan:</i>                              |   |                                 |                  |
| <i>Họ và tên</i>  | <i>Mối quan hệ</i>  | <i>Số lượng cổ phiếu sở hữu</i> | <i>Tỷ lệ (%)</i> |
| Phạm Thái Bình  | Chồng   | 7.900.000                       | 22,57            |
| Phạm Lê Khánh Huyền   | Con gái   | 400.000                         | 1,14             |
| Phạm Lê Khánh Hân   | Con gái   | 300.000                         | 0,86             |
| Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không            |   |                                 |                  |
| Thù lao và lợi ích khác được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không |   |                                 |                  |
| Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không   |   |                                 |                  |
| <b><i>b. Phó chủ tịch HĐQT</i></b>                              | <b><i>Ông : PHẠM THÁI BÌNH</i></b>  |                                 |                  |
| <i>Ngày tháng năm sinh:</i>                                     | 05/10/1956  |                                 |                  |
| <i>CMTND:</i>   | 361757729, ngày cấp: 24/08/2007, nơi cấp: CA Cần Thơ  |                                 |                  |
| <i>Quốc tịch:</i>   | Việt Nam  |                                 |                  |
| <i>Dân tộc:</i>   | Kinh  |                                 |                  |
| <i>Quê quán:</i>  | Bắc An, Chí Linh, Hải Dương   |                                 |                  |
| <i>Địa chỉ thường trú:</i>                                      | 2A1, Võ thị Sáu, P. An Hội  |                                 |                  |
| <i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>                                | 02923 857336  |                                 |                  |
| <i>Trình độ văn hóa:</i>  | 10/10   |                                 |                  |
| <i>Trình độ chuyên môn:</i>                                     | Trung cấp quản lý kinh tế.  |                                 |                  |
| <i>Quá trình công tác:</i>                                      |   |                                 |                  |
| 1978-1996   | Đại lý thu mua lúa gạo  |                                 |                  |
| 1996 - 12/2015  | Tổng giám đốc - Công Ty TNHH Trung An   |                                 |                  |
| 12/2015 - nay:  | <b><i>Phó Chủ tịch HĐQT</i></b> kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An |                                 |                  |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết               | Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc  |                                 |                  |
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức                            | Không   |                                 |                  |



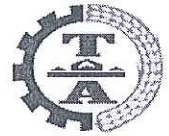
|   |  |                                 |                  |
|---|--|---------------------------------|------------------|
| khác  |  |                                 |                  |
| Hành vi vi phạm pháp luật:  | Không  |                                 |                  |
| Các khoản nợ đối với Công ty:   | Không  |                                 |                  |
| Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết |  |                                 |                  |
| Sở hữu cá nhân:   | 7.900.000 cổ phần, chiếm 22,57% số cổ phần           |                                 |                  |
| Sở hữu đại diện cổ phần:  | Không có   |                                 |                  |
| Sở hữu của người liên quan:   |  |                                 |                  |
| <b>Họ và tên</b>  | <b>Mối quan hệ</b>                                   | <b>Số lượng cổ phiếu sở hữu</b> | <b>Tỷ lệ (%)</b> |
| Lê Thị Tuyết  | Vợ   | 8.800.000                       | 25,14            |
| Phạm Lê Khánh Huyền   | Con gái  | 400.000                         | 1,14             |
| Phạm Lê Khánh Hân   | Con gái  | 300.000                         | 0,86             |
| Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không                                |  |                                 |                  |
| Thù lao và lợi ích khác được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không                     |  |                                 |                  |
| Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không                       |  |                                 |                  |
| <b>c. Thành viên HĐQT độc lập</b>   | <b>Bà: LƯU LỆ TRẦN</b>                               |                                 |                  |
| Ngày tháng năm sinh:  | 1960   |                                 |                  |
| Chứng minh thư nhân dân   | 360378280, ngày cấp: 26/11/2014, nơi cấp: CA Cần Thơ |                                 |                  |
| Quốc tịch:  | Việt Nam   |                                 |                  |
| Dân tộc:  | Kinh   |                                 |                  |
| Quê quán:   | Quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ                           |                                 |                  |
| Địa chỉ thường trú:   | Ấp Thạch Hòa, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ             |                                 |                  |
| Số ĐT liên lạc ở cơ quan:   | 02923 857336   |                                 |                  |
| Trình độ văn hóa:   | 12/12  |                                 |                  |
| Trình độ chuyên môn:  | Cử nhân quản lý kinh tế                              |                                 |                  |
| Quá trình công tác:   |  |                                 |                  |
| 1980-1996   | Đại lý thu mua lúa gạo                               |                                 |                  |



|  |   |
|--|---|
| 1996-2006  | Quản lý kho – HTX Quận Thốt Nốt.  |
| 2006 – tháng 5/2016  | Quản lý kho lúa – HTX Cờ Đỏ   |
| Tháng 5/2016- Nay  | <i>Ủy viên Hội đồng quản trị</i> Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An |
| <i>Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức đăng ký niêm yết:</i>                                    | <i>Ủy viên Hội đồng quản trị</i> Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An |
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác  | Không   |
| <i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>  | Không   |
| <i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>   | Không   |
| <i>Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết</i> |   |
| <i>Sở hữu cá nhân:</i>   | 500 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,001% số cổ phần   |
| <i>Sở hữu đại diện cổ phần:</i>  | 0 cổ phần   |
| <i>Sở hữu của người liên quan:</i>   | 0 cổ phần   |
| Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không                                       |   |
| Thù lao và lợi ích khác được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không                            |   |
| Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không                              |   |
| <b><i>d. Thành viên HĐQT</i></b>   | <b><i>Bà: PHẠM LÊ KHÁNH HUYỀN</i></b>   |
| <i>Ngày tháng năm sinh:</i>  | 20/01/1978  |
| <i>Chứng minh thư nhân dân</i>   | 0921 7800 0865, ngày cấp: 07/03/2016, nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh Sát              |
| <i>Quốc tịch:</i>  | Việt Nam  |
| <i>Dân tộc:</i>  | Kinh  |
| <i>Quê quán:</i>   | Thới Đông, Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ   |
| <i>Địa chỉ thường trú:</i>   | 2A1, Võ thị Sáu, P. An Hội, Q. Ninh Kiều  |
| <i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>   | 02923 857336  |
| <i>Trình độ văn hóa:</i>   | 12/12   |
| <i>Trình độ chuyên môn:</i>  | Cử nhân kế toán.  |



|  |   |                                 |                  |
|--|---|---------------------------------|------------------|
| <i>Quá trình công tác:</i>   |   |                                 |                  |
| 1999 - 12/2015   | Trưởng phòng Kế toán – Công ty TNHH Trung An  |                                 |                  |
| 12/2015 - nay:   | <i>Ủy viên - Hội đồng quản trị kiêm kế toán trưởng</i> Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An |                                 |                  |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết  | Ủy viên HĐQT kiêm kế toán trưởng  |                                 |                  |
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác  | Không   |                                 |                  |
| <i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>  | Không   |                                 |                  |
| <i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>   | Không   |                                 |                  |
| <i>Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết</i> |   |                                 |                  |
| <i>Sở hữu cá nhân:</i>   | 400.000 cổ phần, chiếm 1,14% tổng cổ phần   |                                 |                  |
| <i>Sở hữu đại diện cổ phần:</i>  | Không có  |                                 |                  |
| <i>Sở hữu của người liên quan:</i>   |   |                                 |                  |
| <b>Họ và tên</b>   | <b>Mối quan hệ</b>  | <b>Số lượng cổ phiếu sở hữu</b> | <b>Tỷ lệ (%)</b> |
| Lê Thị Tuyết   | Mẹ đẻ   | 8.800.000                       | 25,14            |
| Phạm Thái Bình   | Bố đẻ   | 7.900.000                       | 22,57            |
| Phạm Lê Khánh Hân  | Em gái  | 300.000                         | 0,86             |
| Nguyễn Thị Nhẫn  | Em dâu  | 300.000                         | 0,86             |
| Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không                                       |   |                                 |                  |
| Thù lao và lợi ích khác được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không                            |   |                                 |                  |
| Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không                              |   |                                 |                  |
| <i>e. Thành viên HĐQT</i>  |   | <i>Bà: PHẠM LÊ KHÁNH HÂN</i>    |                  |
| <i>Ngày tháng năm sinh:</i>  | 18/11/1981  |                                 |                  |
| <i>Chứng minh thư nhân dân</i>   | 361862201, ngày cấp: 03/09/2004, nơi cấp: CA Cần Thơ  |                                 |                  |



|  |  |                                 |                  |
|--|--|---------------------------------|------------------|
| <i>Quốc tịch:</i>  | Việt Nam   |                                 |                  |
| <i>Dân tộc:</i>  | Kinh   |                                 |                  |
| <i>Quê quán:</i>   | Thới Đông, Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ  |                                 |                  |
| <i>Địa chỉ thường trú:</i>   | 2A1, Võ thị Sáu, P. An Hội, Q. Ninh Kiều   |                                 |                  |
| <i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>   | 02923 857336   |                                 |                  |
| <i>Trình độ văn hóa:</i>   | 12/12  |                                 |                  |
| <i>Trình độ chuyên môn:</i>  | Cử nhân kinh tế đối ngoại  |                                 |                  |
| <i>Quá trình công tác:</i>   |  |                                 |                  |
| 2000-2015  | Trưởng phòng xuất nhập khẩu – Công ty TNHH Trung An  |                                 |                  |
| 12/2015 - nay:   | <b>Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An</b> |                                 |                  |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết  | Ủy viên HĐQT kiêm phó Tổng giám đốc  |                                 |                  |
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác  | Không  |                                 |                  |
| <i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>  | Không  |                                 |                  |
| <i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>   | Không  |                                 |                  |
| <i>Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết</i> |  |                                 |                  |
| <i>Sở hữu cá nhân:</i>   | 300.000 cổ phần, chiếm 0,86% số cổ phần  |                                 |                  |
| <i>Sở hữu đại diện cổ phần:</i>  | Không có   |                                 |                  |
| <i>Sở hữu của người liên quan:</i>   |  |                                 |                  |
| <b>Họ và tên</b>   | <b>Mối quan hệ</b>   | <b>Số lượng cổ phiếu sở hữu</b> | <b>Tỷ lệ (%)</b> |
| Lê Thị Tuyết   | Mẹ đẻ  | 8.800.000                       | 25,14            |
| Phạm Thái Bình   | Bố đẻ  | 7.900.000                       | 22,57            |
| Nguyễn Thị Nhẫn  | Chị dâu  | 300.000                         | 0,86             |
| Phạm Lê Khánh Huyền  | Chị gái  | 400.000                         | 1,14             |





|   |  |
|---|--|
| Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không                                |  |
| Thù lao và lợi ích khác được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không                     |  |
| Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không                       |  |
| <b>g. Thành viên HĐQT độc lập</b>   | <b>Bà: NGUYỄN LÊ BẢO TRANG</b>   |
| Ngày tháng năm sinh:  | 26/02/1978   |
| Chứng minh thư nhân dân   | 361683277 Nơi cấp: CA Cần Thơ Ngày cấp 17 tháng 12 Năm 2013.                   |
| Quốc tịch:  | Việt Nam   |
| Dân tộc:  | Kinh   |
| Quê quán:   | Thốt Nốt – Cần Thơ   |
| Địa chỉ thường trú:   | Cờ Đỏ  |
| Số ĐT liên lạc ở cơ quan:   | 02923 857336   |
| Trình độ văn hóa:   | 12/12  |
| Trình độ chuyên môn:  | Cao đẳng quản trị nhân lực   |
| Quá trình công tác:   |  |
| 2005-2015   | Quản lý cánh đồng – Kho lúa Cờ Đỏ Công ty TNHH Trung An                        |
| 12/2015- 5/2016   | Quản lý cánh đồng mẫu lớn Cờ Đỏ - CTCP nông nghiệp công nghệ cao Trung An      |
| Tháng 5/2016 - Nay  | Ủy viên Hội đồng quản trị – Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Trung An |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết                                   | Ủy viên HĐQT   |
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác   | Không  |
| Hành vi vi phạm pháp luật:  | Không  |
| Các khoản nợ đối với Công ty:   | Không  |
| Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết |  |
| Sở hữu cá nhân:   | 0 cổ phần  |



|   |           |
|---|-----------|
| Sở hữu đại diện cổ phần:                                  | 0 cổ phần |
| Sở hữu của người liên quan:                               | 0 cổ phần |
| Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết:            | Không     |
| Thù lao và lợi ích khác được từ tổ chức đăng ký niêm yết: | Không     |
| Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết:   | Không     |

➤ **Ban Giám đốc**

**a. Tổng Giám đốc – Ông: PHẠM THÁI BÌNH**

Lý lịch: (Xem mục Lý lịch thành viên HĐQT – mục b)

**b. Phó Tổng Giám đốc – Bà PHẠM LÊ KHÁNH Hân**

Lý lịch: (Xem mục Lý lịch thành viên HĐQT – mục e)

➤ **Ban kiểm soát**

|                                |  |
|--------------------------------|--|
| <b>a. Trưởng ban kiểm soát</b> | <b>Bà: PHẠM TRẦN THUY AN</b>   |
| Ngày tháng năm sinh:           | 05/11/1987   |
| Chứng minh thư nhân dân        | 092187001446, ngày cấp: 21/12/2016, nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư |
| Quốc tịch:                     | Việt Nam   |
| Dân tộc:                       | Kinh   |
| Quê quán:                      | Trung Nhứt, Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ  |
| Địa chỉ thường trú:            | Kv Long Thạnh A, Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ   |
| Số ĐT liên lạc ở cơ quan:      | 02923 857336   |
| Trình độ văn hóa:              | 12/12  |
| Trình độ chuyên môn:           | Cử nhân kế toán  |
| Quá trình công tác:            |  |
| 2011-2016                      | Kế toán kho – Kho lúa Cờ Đỏ Công ty TNHH Trung An  |
| Tháng 5/2016 - Nay:            | <b>Trưởng ban kiểm soát – Công ty cổ phần</b>  |



|  |   |
|--|---|
|  | <i>Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An</i> |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết  | Trưởng ban kiểm soát                      |
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác  | Không                                     |
| <i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>  | Không                                     |
| <i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>   | Không                                     |
| <i>Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết</i> |   |
| <i>Sở hữu cá nhân:</i>   | 0 cổ phần                                 |
| <i>Sở hữu đại diện cổ phần:</i>  | 0 cổ phần                                 |
| <i>Sở hữu của người liên quan:</i>   | 0 cổ phần                                 |
| Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không                                       |   |
| Thù lao và lợi ích khác được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không                            |   |
| Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không                              |   |
| <b>Thành viên BKS</b>  | <b>Bà: <i>VÕ THỊ NGỌC MAI</i></b>         |
| Ngày sinh  | 09/06/1964                                |
| Số chứng minh thư  | 350738436                                 |
| Quốc tịch:   | Việt Nam                                  |
| Dân tộc:   | Kinh                                      |
| Quê quán:  | Long Xuyên – An Giang                     |
| Địa chỉ thường trú:  | 223/12 Vĩnh Trạch, Thoại Sơn, An Giang    |
| Số ĐT liên lạc ở cơ quan:  | 02923 857336                              |
| Trình độ văn hóa:  | 12/12                                     |
| Trình độ chuyên môn:   | Trung cấp quản lý kinh tế                 |
| Quá trình công tác:  |   |



|  |  |
|--|--|
| 1986 - 1996  | Kinh doanh tự do   |
| 1996 – 5/2016  | Trưởng phòng hành chính nhân sự - Công ty TNHH Trung An                              |
| 5/2016 - Nay   | <b>Thành viên Ban kiểm soát</b> – Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết  | Thành viên Ban kiểm soát   |
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác  | Không  |
| Hành vi vi phạm pháp luật:   | Không  |
| Các khoản nợ đối với Công ty:  | Không  |
| <i>Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết</i> |  |
| <i>Sở hữu cá nhân:</i>   | 0 cổ phần  |
| <i>Sở hữu đại diện cổ phần:</i>  | 0 cổ phần  |
| <i>Sở hữu của người liên quan:</i>   | 0 cổ phần  |
| Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không                                       |  |
| Thù lao và lợi ích khác được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không                            |  |
| Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không                              |  |
| <b>Thành viên BKS</b>  | <b>Ông: PHẠM TAM TIẾN</b>  |
| Ngày tháng năm sinh:   | 28/06/1989   |
| Số CMTND:  | 142650579  |
| Quốc tịch:   | Việt Nam   |
| Dân tộc:   | Kinh   |
| Quê quán:  | Chí Linh – Hải Dương   |
| Địa chỉ thường trú:  | Thốt Nốt – Tp. Cần Thơ   |
| Số ĐT liên lạc ở cơ quan:  | 02923 857336   |



|  |  |
|--|--|
| Trình độ văn hóa:  | 12/12  |
| Trình độ chuyên môn:   | Cao đẳng kế toán   |
| Quá trình công tác:  |  |
| 2011 – 05/2016   | Quản lý cánh đồng – Kho lúa Cờ Đỏ Công ty TNHH Trung An                              |
| 05/2016 – Nay  | <b>Thành viên Ban kiểm soát – Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Trung An</b> |
| Chức vụ công tác hiện nay:   | <b>Thành viên Ban kiểm soát – Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Trung An</b> |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết  | Thành viên Ban kiểm soát   |
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác  | Không  |
| Hành vi vi phạm pháp luật:   | Không  |
| Các khoản nợ đối với Công ty:  | Không  |
| <i>Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết</i> |  |
| <i>Sở hữu cá nhân:</i>   | 500 cổ phần  |
| <i>Sở hữu đại diện cổ phần:</i>  | 0 cổ phần  |
| <i>Sở hữu của người liên quan:</i>   | 0 cổ phần  |
| Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không                                       |  |
| Thù lao và lợi ích khác được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không                            |  |
| Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết: Không                              |  |

➤ **Kế toán trưởng**

**Kế toán trưởng – Bà Phạm Lê Khánh Huyền**

Lý lịch: (Xem mục Lý lịch thành viên HĐQT - mục)

**12. Tài sản**

**12.1. Tình hình tài sản của Công ty tại 31/12/2017**



**Bảng 18: Tình hình tài sản công ty tại 31/12/2017**

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

| TT         | Chỉ tiêu                              | 31/12/2017         |                   |              |
|------------|---------------------------------------|--------------------|-------------------|--------------|
|            |                                       | Nguyên giá         | GTCL              | %GTCL/NG     |
| <b>I</b>   | <b>Tài sản cố định hữu hình</b>       | <b>185.856.388</b> | <b>97.808.341</b> | <b>52,63</b> |
|            | Nhà cửa, vật kiến trúc                | 75.087.965         | 51.157.091        | 68,13        |
|            | Máy móc, thiết bị                     | 108.127.607        | 46.651.250        | 43,14        |
|            | Phương tiện vận tải truyền dẫn        | 2.640.816          | -                 | -            |
| <b>II</b>  | <b>Tài sản cố định vô hình</b>        | <b>94.512.198</b>  | <b>94.033.152</b> | <b>99,49</b> |
|            | Quyền sử dụng đất                     | 94.512.198         | 94.033.152        | 99,49        |
| <b>III</b> | <b>Tài sản cố định thuê tài chính</b> | <b>2.975.200</b>   | <b>2.912.648</b>  | <b>97,90</b> |
|            | Máy móc, thiết bị                     | 2.975.200          | 2.912.648         | 97,90        |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của CTCP Nông nghiệp CNC Trung An)

## 12.2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

### Tài sản hữu hình

**Bảng 19: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

*Đơn vị: Nghìn VND*

| STT | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                  | 31/12/2016        | 31/12/2017         | 30/09/2018         |
|-----|--|-------------------|--------------------|--------------------|
| 1   | Nhà máy sấy Cờ Đỏ - Nhà máy số 6                 | 9.745.196         | 24.803.879         | 59.272.201         |
| 2   | Xây dựng hệ thống Cylo chứa lúa                  | 22.213.961        | 48.981.613         | 41.953.465         |
| 3   | Xây dựng, cải tạo dự án Cánh đồng mẫu Kiên Giang | 25.439.160        | 54.737.933         | 80.544.948         |
|     | <b>Tổng</b>                                      | <b>57.398.317</b> | <b>128.523.425</b> | <b>181.770.615</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017 và BCTC Quý 3/2018 của CTCP NN CNC Trung An)

Chi phí sản xuất xây dựng cơ bản dở dang năm 2017 tăng 71,125 tỷ đồng so với năm 2016 tương ứng tỷ lệ 123,91%. Tại thời điểm 30/09/2018, chi phí xây dựng cơ



bản dờ dang công ty đạt 181,77 tỷ đồng, tăng 41% so với năm 2017. Nguyên nhân của sự tăng trưởng này là do Công ty đang trong giai đoạn đầu tư 3 dự án lớn gồm:

- Nhà máy cờ đỏ (nhà máy số 6) tổng mức đầu tư khoảng 70 tỷ. Dự kiến đầu năm 2019 đưa vào sử dụng.
- Xilo chứa lúa tại nhà máy số 5 tổng mức đầu tư khoảng 60 tỷ. Dự kiến đầu năm 2019 đưa vào sử dụng.
- Cánh đồng mẫu lớn kiên giang tổng mức đầu tư khoảng 386 tỷ đồng. Dự kiến cuối năm 2019 hoàn thành.

### 12.3. Tình hình sử dụng đất đai nhà xưởng:

**Bảng 20: Danh sách quyền sử dụng đất Công ty đang sở hữu**

| STT              | Số quyền sử dụng đất | Mặt bằng   | Diện tích                     | Thời hạn sử dụng   |
|------------------|----------------------|--|-------------------------------|--|
| 1                | Y242822              | Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.               | 10.904,8 m <sup>2</sup>       | Lâu dài  |
| 2                | AP 574908            | KV Quy Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP.Cần Thơ | 2.515,4 m <sup>2</sup>        | Đất thuê 50 năm trả tiền 1 lần thời hạn sử dụng đến năm 2062 |
| 3                | CI 843020            | Xã Thạnh Phú, Huyện Cờ Đỏ, TP.Cần Thơ                        | 12.640 m <sup>2</sup>         | Đất thuê 50 năm trả tiền 1 lần thời hạn sử dụng đến năm 2064 |
| <b>Tổng cộng</b> |                      |  | <b>26.060,2 m<sup>2</sup></b> |  |

### ➤ Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

**Bảng 21: Kế hoạch kinh doanh của Công ty giai đoạn 2018 – 2019**



Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu                                    | Năm 2018                |                                     | Năm 2019                |  |
|---|-------------------------|-------------------------------------|-------------------------|--|
|   | Giá trị<br>(triệu đồng) | % tăng<br>(giảm) so với<br>năm 2017 | Giá trị<br>(triệu đồng) | % tăng<br>(giảm) so<br>với năm<br>2018 |
| Vốn điều lệ                                 | 350.000                 | 23,43%                              | 700.000                 | 100%                                   |
| Doanh thu thuần                             | 2.200.000               | 52,79%                              | 3.000.000               | 36,36%                                 |
| Lợi nhuận sau thuế                          | 33.000                  | 131,14%                             | 60.000                  | 81,82%                                 |
| Tỉ lệ lợi nhuận sau<br>thuế/Doanh thu thuần | 1,50%                   | -                                   | 2,00%                   | -                                      |
| Tỉ lệ lợi nhuận sau<br>thuế/Vốn điều lệ     | 9,43%                   | -                                   | 8,57%                   | -                                      |
| Cổ tức                                      | 6%                      | -                                   | 8%                      | -                                      |

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018 Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An)

➤ **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên**

Căn cứ để đạt được lợi nhuận và cổ tức nói trên.

Để có thể dự báo được kế hoạch kinh doanh năm 2018, năm 2019, Công ty dựa vào các căn cứ sau đây:

**Thứ nhất**, Doanh thu của công ty tăng trưởng mạnh, liên tục qua các năm 2016-2017. Năm 2017 đạt 1.439.898.519.815 đồng, tăng 53,65% so với năm 2016.. Công suất các nhà máy của Trung An có thể cung cấp tối đa 365.000 tấn gạo/năm, vẫn có thể đáp ứng được tốc độ tăng trưởng doanh thu trong nhiều năm tới. Vì thế, những năm tiếp theo vẫn được kỳ vọng sự phát triển mạnh mẽ về doanh thu, lợi nhuận của Trung An.

**Thứ hai**, Môi quan hệ giữa Công ty với các đối tác truyền thống vẫn được duy trì và phát triển bền vững, các đối tác đã nhập hàng lâu năm của Trung An như: PADIBERAS NASIONAL BERHAD; CEREAL INVESTMENTS COMPANY (C. I. C.) S. A; GOLD PROFIT INDUSTRIALMGROUP LIMITED; SHENZHEN DRAGON OCEAN HING CEREALS& OILS SUPPLY LIMITED; GUANGZHOU RICH RICE TRADING CO., LTD; Công ty TNHH xuất nhập khẩu VIMEX; Công ty cổ phần Lương thực Hưng Yên,...Đồng thời, lượng đặt hàng của Vinmart đang tăng lên từng tháng và các đại lý, cửa hàng dần hoạt động ổn định nên căn cứ để xác định doanh thu năm 2018 hoàn toàn có cơ sở.





➤ **Định hướng phát triển chiến lược của Công ty**

Với việc xác định chất lượng sản phẩm là yếu tố then chốt để xây dựng và phát triển công ty, công ty luôn chú trọng về thương hiệu **Gạo sạch Trung An** và **Gạo hữu cơ Trung An** với tầm nhìn dài hạn. Chất lượng của sản phẩm cũng như công nghệ trong sản xuất từ khâu gieo trồng đến khi thu hoạch, Trung An cam kết: Các giống lúa trên xuất xứ của Việt Nam, Đài Loan và Nhật Bản, do Công ty Trung An trực tiếp nhân giống. Sản xuất theo quy trình sạch "Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu" (GLOBALG.A.P.) và quy trình hữu cơ (ORGANIC), do công ty cùng các tổ chức quốc tế trực tiếp quản lý giám sát;

- Thứ nhất, áp dụng Công nghệ tiên tiến hiện đại, tự động, cơ giới hóa 100% theo chuỗi khép kín;
- Thứ hai, Công ty ký hợp đồng với Viện lúa ĐBSCL để trực tiếp sản xuất nhân giống, cung cấp giống cho toàn bộ diện tích các cánh đồng trồng lúa;
- Thứ ba Công ty cung cấp toàn bộ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho toàn bộ diện tích đất trồng lúa theo tiêu chuẩn sạch và hữu cơ;
- Thứ tư Công ty trực tiếp nhận lúa hàng hóa tại ruộng khi thu hoạch, trực tiếp sấy, dự trữ bảo quản sau thu hoạch, trực tiếp chế biến, đóng gói và cung cấp cho người tiêu dùng kể cả trong và ngoài nước.

Được sản xuất mô hình liên kết chuỗi khép kín, và chỉ sản xuất theo quy trình an toàn, những hạt gạo mang tên Trung An, đã có mặt trên bàn ăn toàn thế giới. Đó cũng là thông điệp: **vì sức khỏe của người tiêu dùng** được gửi đi từ nhà sản xuất.

Tính đến, 30/09/2018, doanh thu thuần của Trung An đạt 1.609,95 tỷ đồng, đạt 73,18% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 19,325 tỷ đồng, đạt 58,56% kế hoạch năm. Như vậy, kế hoạch doanh thu thuần của Trung An năm 2018 hoàn toàn khả thi, bên cạnh đó, chỉ tiêu hoàn thành kế hoạch về lợi nhuận sau thuế mới chỉ đạt 58,56% nên Công ty cần cố gắng tối đa để có thể đạt được chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế như: tăng mạnh doanh thu thuần trong quý IV kết hợp với cắt giảm chi phí một cách hợp lý để đảm bảo tính hiệu quả trong kinh doanh và thực hiện được kế hoạch lợi nhuận sau thuế.



➤ **Kế hoạch tăng vốn năm 2019**

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, Công ty có kế hoạch phát hành tăng vốn lên 700 tỷ đồng. Chi tiết về hình thức phát hành, mục đích phát hành và phương thức góp vốn sẽ được Hội đồng quản trị trình lên trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về vấn đề tăng vốn của Công ty trong thời gian sắp tới.

**13. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần chứng khoán CV đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Căn cứ vào tốc độ phục hồi và tăng trưởng trở lại của kinh tế thế giới cũng như Việt Nam. Giá của các sản phẩm của Công ty trên thị trường cũng có xu hướng ngày càng ngày càng ổn định hơn. Như vậy, nếu không có những biến động bất thường của hoạt động kinh doanh của công ty và của nền kinh tế ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra cho giai đoạn 2018 - 2019 là có cơ sở và khả thi. Công ty có cơ sở để đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo như kế hoạch cũng như mục tiêu tái đầu tư phát triển của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn niêm yết, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng phát triển của nền kinh tế, của ngành Lương thực tại Việt Nam cũng như của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Doanh nghiệp hoàn toàn không đảm bảo giá trị của chứng khoán niêm yết cũng như sự chắc chắn của các số liệu dự báo. Những đánh giá này chỉ có tính chất tham khảo với nhà đầu tư.

**14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:**

Không có.

**15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Không có.



## PHẦN V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

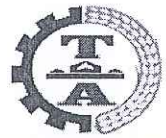
1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
3. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết: 35.000.000 cổ phiếu
4. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Theo quy định tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.”

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty là 17.401.000 cổ phiếu chiếm 49,72% vốn điều lệ.

**Bảng 22: Danh sách cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng**

| Stt | Họ và tên           | Chức vụ                          | SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết | SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 1 năm kể từ ngày niêm yết |
|-----|---------------------|----------------------------------|--|--|
| 1   | Lê Thị Tuyết        | Chủ tịch HĐQT                    | 8.800.000  | 4.400.000  |
| 2   | Phạm Thái Bình      | Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD       | 7.900.000  | 3.950.000  |
| 3   | Phạm Lê Khánh Huyền | Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng | 400.000  | 200.000  |
| 4   | Phạm Lê Khánh Hân   | Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD        | 300.000  | 150.000  |



| Stt | Họ và tên     | Chức vụ                  | SLCP cam kết năm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết | SLCP cam kết năm giữ trong thời gian 1 năm kể từ ngày niêm yết |
|-----|---------------|--------------------------|--|--|
| 5   | Lư Lệ Trân    | Ủy viên HĐQT             | 500  | 250  |
| 6   | Phạm Tam Tiến | Thành viên ban kiểm soát | 500  | 250  |
|     | <b>Tổng</b>   |                          | <b>17.401.000</b>  | <b>8.700.500</b>   |

## 5. Giá trị sổ sách

**Bảng 23: Giá trị sổ sách**

Đơn vị: đồng

| Chỉ tiêu                                       | 31/12/2016      | 31/12/2017      | 30/09/2018      |
|--|-----------------|-----------------|-----------------|
| Vốn chủ sở hữu (1)                             | 224.513.911.990 | 322.334.014.195 | 408.116.639.819 |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác (2)                 | -               | -               | -               |
| Cổ phiếu đang lưu hành (3)                     | 20.000.000      | 28.354.300      | 35.000.000      |
| Giá trị sổ sách một cổ phiếu (4)=((1)-(2))/(3) | 11.226          | 11.368          | 11.660          |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017 và BCTC Quý 3/2018 của CTCP NN CNC Trung An)

## 6. Phương pháp tính giá

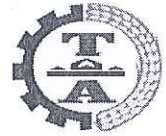
### a. Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BVS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu



- P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành nhựa mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

*b. Giá trị cổ phiếu theo phương pháp P/E*

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = \text{EPS} * \text{P/E bình quân}$$

Trong đó:

P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu

P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành nhựa mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

*Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu TAR sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.*

## **7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Sau khi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định hiện hành theo nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Thủ tướng chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Theo đó, CTCP nông nghiệp công nghệ cao Trung An là doanh nghiệp xuất khẩu gạo – thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo phụ lục 04 – luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và chưa có quy định nào cụ thể về về sở hữu nước ngoài. Căn cứ vào mục b Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP, tỷ lệ sở hữu nước ngoài của CTCP nông nghiệp công nghệ cao Trung An là tối đa 49%.



Tại thời điểm ngày 25/11/2018, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An không có cổ đông nước ngoài.

## **8. Các loại thuế có liên quan**

Mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp năm 2018 được quy định tại điều 11 của TT78/2014/TT-BTC theo đó năm 2018 mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Mặt hàng không chịu thuế GTGT đối với hoạt động bán hàng trong nước cho các doanh nghiệp, hợp tác xã. Thuế suất Thuế GTGT 5% khi bán hàng cho các đối tượng không phải là doanh nghiệp, không phải là hợp tác xã. Thuế suất Thuế GTGT 0% đối với hoạt động xuất khẩu.

## **PHẦN VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**

### **1. TỔ CHỨC TƯ VẤN**

#### **Công ty cổ phần chứng khoán CV**

Địa chỉ: Tầng 11, Trung tâm thương mại Daeha, 360 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: +84 4 3377 0099

Fax: +84 4 3200 0247

Website : <http://cvs.com.vn/>

### **2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

#### **Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt**

Địa chỉ: 29 Hoàng Sa, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 8 3910 3908

Fax: +84 8 3910 4880

Website: <http://aascn.com.vn/>

## **PHẦN VII. PHỤ LỤC**

- 1. Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận ĐKKD;
- 2. Phụ lục II** : Điều lệ Công ty;
- 3. Phụ lục III** : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017;
- 4. Phụ lục IV** : Báo cáo tài chính kiểm toán 6 tháng đầu năm 2018;
- 5. Phụ lục V** : Báo cáo tài chính tự lập 9 tháng đầu năm 2018;
- 6. Phụ lục VI** : Các tài liệu khác;



Cần Thơ, ngày 03 tháng 12 năm 2018

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHẠM THÁI BÌNH**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**PHẠM LÊ KHÁNH HUYỀN**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**LÊ THỊ TUYẾT**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**PHẠM TRẦN THUYỀN AN**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CTCP CHỨNG KHOÁN CV**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN KIM HẬU**